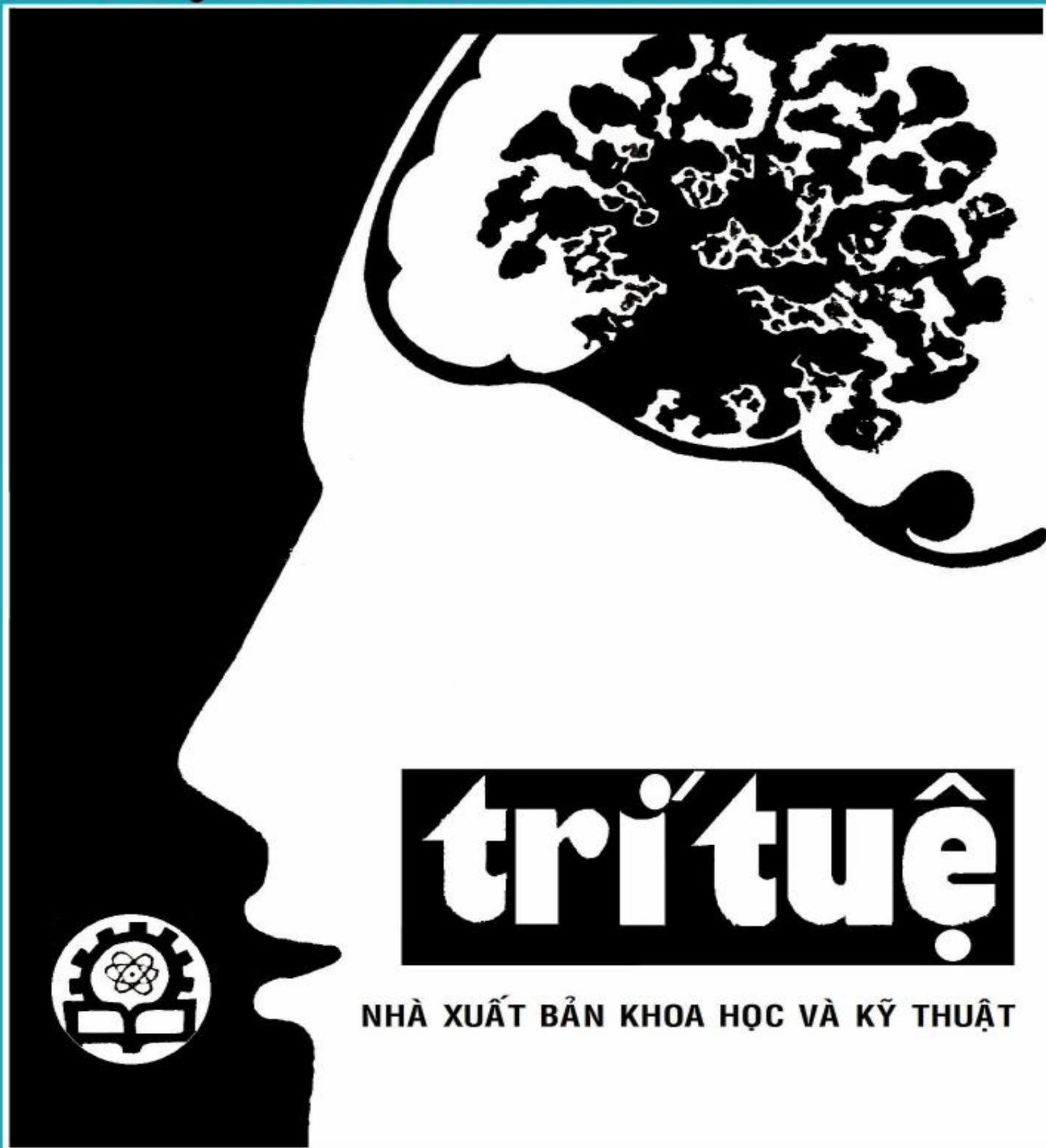


Cuộc thử thách



trí tuệ

NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT

CUỘC THỬ THÁCH TRÍ TUỆ

(Tập truyện tưởng tượng
khoa học nhiều nước)

NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT
Hà Nội – 1986

Nguồn sách và chụp ảnh
4DHN

Xử lý file pdf
putin503

OCR, soát lỗi lần 1
Dr. No

Soát lỗi lần 2 và đóng ebook
amylee

Cộng đồng
tve-4u.org

Trân trọng gửi đến tất cả các bạn!

LỜI NÓI ĐẦU

Cuộc thử thách trí tuệ là một tập truyện tưởng tượng khoa học dịch của nhiều nước, trong đó có Liên Xô, Mỹ, Ba Lan... là những nước rất phát triển thể loại này.

Nội dung của tập sách khá đa dạng, bao gồm nhiều chủ đề khác nhau. Nếu như truyện “Con ngỗng đẻ trứng vàng” có thể coi là một giả thuyết khoa học độc đáo, táo bạo, thì các truyện “Thần dược Coffin”, “Cuộc đuổi bắt ban đêm” lại là lời cảnh báo đối với các phát minh khoa học để non, dẫn đến những hậu quả tai hại; nếu các truyện “Sợi râu của Mohammed”, “Cuộc thử thách trí tuệ” đề cập tới khả năng tồn tại những nền văn minh khác ngoài Trái Đất, thì các truyện “Một cuộc thí nghiệm”, “Mối tình ngoài thời gian” lại trở về những đề tài muôn thuở là tình yêu và lẽ sống ở đời; nếu ở truyện “Vụ giết người bằng tinh thể”, tri thức khoa học là phương tiện để tìm ra chân lý, thì ở truyện “Lời giải”, phẩm chất của nhà khoa học lại là yếu tố được nhấn mạnh... Những truyện trên có thể khác nhau về chủ đề, phong cách tác giả, nhưng tựu trung lại đều là những bài học bổ ích về phương pháp tư duy logic, khoa học trong các vấn đề đặt ra.

Tuy vậy, đây chưa phải là một tập tuyển với đầy đủ các yêu cầu nghiêm ngặt của nó, mà chỉ là một tập hợp các truyện được chọn dịch ít

nhiều mang tính ngẫu nhiên. Trong quá trình làm, chắc chắn tập sách không tránh khỏi nhiều thiếu sót. Mong bạn đọc lượng thứ và cho ý kiến giúp đỡ.

NHÀ XUẤT BẢN
KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT

SỢI RÂU CỦA MOHAMMED

Dimitar Peev

(Bulgaria)

Không thể quay ngược kim đồng hồ, sống trong thời gian đã trôi qua trước khi chúng ta được sinh ra. Quá khứ đối với chúng ta là không thể nào đảo ngược được.

Tuy vậy tôi đã có dịp đến thăm thời kỳ xa xưa và sống trên Trái Đất hàng trăm nghìn năm trước. Đó là tôi và cũng không phải là tôi.

Tôi đã nhìn thấy tất cả bằng chính “mắt mình”, mặc dù đó là mắt của một người khác không quen biết.

Một người ư? Liệu có thể gọi đó là người được không?

Có một lần, Strashimir Lozev đến thăm tôi. Trước đây, lúc ở trường trung học chúng tôi là bạn thân với nhau. Rồi cuộc sống đã chia lìa hai đứa. Mãi sau này ngẫu nhiên gặp lại nhau trên đường phố, chúng tôi quyết định nhất thiết phải đến thăm nhau để hồi tưởng lại “cái thời xưa ấy”.

Sau những câu đùa thân mật theo thông lệ, Lozev lấy từ trong túi áo ra một chiếc lọ con và đặt nó lên bàn.

– Cậu hãy nhìn kỹ cái vật này và nói cho mình biết nó được làm từ chất liệu gì và dùng để làm gì? Mình muốn biết ý kiến cậu.

Thoạt đầu tôi nhìn anh bạn tôi rồi đến đồ vật. Đó là một ống trụ nhỏ trong suốt. Phía trong hiện rõ một cái lõi mảnh trắng trắng. Hình như chiếc lọ có vẻ rất nặng so với kích thước của nó. Tôi lật đi lật lại chiếc lọ trên tay, đoạn hỏi:

– Cậu lấy nó ở đâu ra thế?

– Hựm đã, đừng vội – Lozev cần lấy chiếc lọ, mở ra với vẻ thành thạo và đưa cho tôi cái lõi. – Xem này, đây mới là cái quan trọng nhất.

Một sợi dây trắng quấn quanh cái lõi mảnh. Tôi tìm thấy đầu sợi dây và bắt đầu gỡ ra. Mềm, dễ uốn giống như một sợi dây thép mảnh, nó nặng một cách lạ lùng.

Lozev bật diêm, đốt một đầu sợi dây. Rồi cậu ta đề nghị tôi cũng làm như vậy. Sợi dây không những không cháy mà vẫn còn lạnh nguyên, thậm chí không hề bị đen đi. Tiếp đến Lozev bắt tôi tìm dao và đề nghị tôi cắt lấy một mẫu. Nhưng cố gắng của tôi chỉ vô ích: sợi dây uốn mình, trượt ra. Tôi cố gắng hết sức nhưng chỉ làm đứt ngón tay.

– Nào, cậu nói gì nào? – anh bạn tôi hỏi.

– Giống như một sợi tơ gì đó mặc dầu mình chưa bao giờ thấy một cái gì tương tự. Ống trụ và lõi như làm bằng thủy tinh, nhưng rất nặng, còn sợi dây... Mình không thể xác định được nó làm bằng vật liệu gì. Có thể đó là một loại chất dẻo mới có tính chất đặc biệt chăng?...

– Không, – Lozev phản đối một cách tin chắc, – nó không phải là chất dẻo.

– Thế thì mình chịu. Cậu nói xem nào.

– Được, mình sẽ nói. Đó là sợi râu của Mohammed*.

Mohammed: nhà tiên tri, sáng lập ra đạo Hồi – ND.

– Sợi râu nào? Mohammed nào?

– Đây là sợi râu của nhà tiên tri Mohammed.

Đoạn Lozev kể cho tôi nghe một câu chuyện kỳ lạ.

Bác của Lozev là đại úy Proinov, chỉ huy một đại đội trong thời kỳ chiến tranh ở vùng Balkan, đã lấy sợi râu này từ nhà thờ đạo Hồi trong thành phố nhỏ Keshan vào mùa thu năm 1912. Sợi râu đó đã làm nổi danh thành phố này trong toàn đế quốc Thổ Nhĩ Kỳ. Tương truyền nó có đặc tính rất kỳ diệu: tự mọc, tự cuốn quanh cái lõi và chứa đựng một kho tàng thông thái lớn ngang tất cả các nhà thông thái trên Trái Đất cộng lại. Viên đại úy không giữ chiến lợi phẩm đó bên mình: làm sao mà lường được cái gì sẽ xảy ra trong chiến tranh. Bởi vậy, ông gửi chiếc lọ con có sợi tóc cho chị ông là mẹ bạn mình. Chẳng bao lâu sau đại úy Proinov chết trận. Bà chị ông không đưa cho ai xem chiếc lọ, hình như bà sợ. Chỉ sau khi bà chết nó mới đến tay bạn mình.

Lozev lặng im và cẩn thận cuốn sợi tóc vào cái lõi.

– Mình hy vọng, – tôi lên tiếng, – cậu cũng chẳng cần thiết phải chứng minh, nó không thể là sợi râu.

– Đây chỉ là lai lịch của nó. Bây giờ hãy nghe mình nói tại sao mình lại tìm đến cậu. Mình muốn cậu giữ lấy chiếc lọ kỳ lạ này. Không, đây hoàn toàn không phải là sự mê tín. Đơn giản là mình muốn đề nghị cậu nghiên cứu nó trong phòng thí nghiệm.

Quả thực, chính tôi cũng muốn đề nghị với anh bạn tôi đi đầu đó: tôi rất muốn hiểu rõ sợi dây bí ẩn này. Lúc đầu tôi sẽ không hé răng nói nửa lời với các bạn đồng nghiệp của tôi ở Viện hóa kỹ thuật (mà tôi là phụ giảng bộ môn điện hóa ở đó), bởi vì việc nghiên cứu sợi râu của Mohammed, chỉ có thể làm cho mọi người cười nhạo mà thôi.

Trước hết, tôi muốn cắt lấy một mẫu của sợi dây bí ẩn đó. Nhưng thất bại hoàn toàn. Tôi dùng kéo, sau đến rìu, và kết thúc bằng chiếc máy lớn dùng để thử sức chịu kéo của vật liệu. Sợi dây dày gần 0,07mm (vừa bằng chiều dày của một sợi tóc) chịu được một tải trọng khổng lồ – năm tấn. Nó không đứt mà chỉ bị trượt ra khỏi trục gá. Tôi tiến hành vô số những phương thức nghiên cứu khác nhau đối với sợi dây. Nó không bị đứt, không chịu tác động của bất kỳ hoạt chất hóa học nào, không bị nóng chảy dưới ngọn lửa đèn khí, không dẫn điện, không nhiễm từ, không... và không... Tóm lại, trong tay tôi là một vật được cấu tạo từ một chất mà khoa học chưa biết đến. Nhưng đó là cái gì? Làm bằng chất liệu nào?

Đúng như dự đoán, khi tôi thông báo với ban lãnh đạo Viện về “sợi râu của Mohammed”, họ đã không tin. Tôi đề nghị họ làm lại các thí nghiệm của tôi. Kết quả đúng như đã xảy ra. Có lẽ sự việc kết thúc ở đó, nếu tôi không có dịp được sang Liên Xô. Tôi quyết định chia xẻ những bản khoản của mình với các đồng nghiệp Xô viết.

Sau khi tới Moskva tôi chuyển chiếc lọ đến phòng thí nghiệm của một viện nghiên cứu và kể tất cả mọi điều tôi biết về nó. Sau hai tuần người ta gọi điện thoại cho tôi và báo rằng viện trưởng muốn gặp tôi. Ông là một nhà bác học có tên tuổi trên thế giới. Tất nhiên, tôi vội vã đến gặp ông:

– Chúng tôi đã xác định được rằng, – viện sĩ nói với tôi, – ống trụ, cái lõi và sợi dây được cấu tạo từ cùng một loại vật liệu: chất silic siêu đặc được nén dưới áp suất có lẽ cao đến vài triệu atmosphere. Dưới áp lực như vậy không những mạng tinh thể bị biến dạng mà các quỹ đạo của các điện tử cũng thu nhỏ đi.

Một nhà bác học khác có mặt trong phòng làm việc nói thêm:

– Dấu vết của vật tìm được đã biến mất trong chiều sâu của các thế kỷ, và chắc là không bao giờ chúng ta tìm ra được. Nhưng đó không phải là điều quan trọng nhất.

– Điều quan trọng hơn cả, – viện trưởng tiếp tục, – là những tính chất đặc biệt của vật này, không nghi ngờ gì nữa, chứng tỏ nó có nguồn gốc ở ngoài Trái Đất.

– Đồng chí muốn nói... – tôi xúc động ấp úng.

– Đúng, chúng tôi cho rằng ống trụ và sợi dây được những sinh vật có trí khôn sống ở các thế giới sao khác mang đến Trái Đất không rõ từ khi nào. – Viện sĩ nói câu đó liền một mạch như thể muốn giải bày ý nghĩ đã khiến ông băn khoăn. – Không thể có cách giải thích khác bởi vì không thể có một chất tương tự như vậy được tạo thành trên Trái Đất. Thậm chí, khoa học hiện đại cũng chưa có khả năng chế tạo ra nó. Nhưng lại xuất hiện một câu hỏi hoàn toàn tự nhiên: chức năng của vật này là gì?

– Có thể trên vật đó có viết gì chăng? – tôi đánh bạo phỏng đoán.

– Đúng, chúng tôi đã xác định được trên sợi dây có ghi đi đâu gì đó, nhưng không phải bằng phương pháp cơ học, quang hóa học, điện hoặc từ. Sợi dây không đặc mà có ba lớp. Dưới lớp vỏ silic là lớp dẫn điện mỏng,

trong cùng là phần lõi bằng chất dẻo nóng, trên đó có ghi các xung biến thiên với tần số rất cao bằng phương pháp nhiệt điện. Trên mỗi milimet phải có đến gần bảy triệu tín hiệu.

– Đã năm ngày nay, các cộng tác viên của chúng tôi ở Viện đi đầu khiến học kỹ thuật nghiên cứu để khám phá ra bí mật của sợi dây. Chúng tôi đã cầu cứu sự giúp đỡ của các nhà ngôn ngữ, các nhà tâm lý và các nhà sinh lý học. Chúng tôi đã thử giải mã các tín hiệu bằng chữ cái hoặc bằng lời. Chúng tôi tìm kiếm trên đó các hằng số vật lý, các dữ liệu của bảng Mendeleev. Chúng tôi cố gắng tìm ra các đại lượng toán học chung cho cả vũ trụ. Nhưng cho đến bây giờ vẫn chưa khám phá ra được đi đầu gì. Hội đồng khoa học của Viện đi đến một ý kiến thống nhất là hiện nay chúng ta chưa thể giải mã được bản ghi này.

– Có thể... trong các tín hiệu đó, nói chung, không có một ý nghĩa logic nào thì sao? – tôi hỏi một cách thiếu tin tưởng.

– Không – nhà bác học kiên quyết bác lại. – Tôi tin rằng các tín hiệu đó có ý nghĩa, chỉ có đi đầu là chúng rất phức tạp. Hình dạng các đường cong trên màn ảnh của máy ghi dao động không loại trừ rằng: đây là bản ghi các ý nghĩ. Đúng thế... các ý nghĩ. Nhưng chúng tôi không đủ khả năng giải mã bản ghi này. Tuy nhiên, khi đọc biên bản của hội đồng, – ông tiếp tục với vẻ nghi ngại, – tôi e là chúng ta có thể sai lầm trong chính cách đặt vấn đề. Chúng ta tìm kiếm xem ở đó viết gì mà không tìm hiểu xem viết để làm gì.

– Đồng chí muốn nói gì kia? – tôi hỏi.

– Tôi muốn biết mục đích của bản ghi đó là gì? Cứ thử tưởng tượng xem, anh đến thăm một hành tinh của một hệ thống sao xa xôi. Ở đó chưa

có các sinh vật có trí khôn mà anh có thể tiếp xúc. Anh muốn để lại đó bức thông điệp cho các thế hệ sau của họ có thể đọc. Anh sẽ xử sự thế nào?

– Tôi sẽ tìm phương pháp truyền các ý nghĩ sao cho bất kỳ một sinh vật có trí khôn nào cũng có thể hiểu được. Tôi sẽ lưu ý sao cho những ghi chép của tôi có thể giữ gìn được thật lâu.

– Chính thế! – Viện sĩ thốt lên. – Điều kiện thứ hai đây thôi. Chất cách điện silic có thể giữ gìn bản ghi hàng triệu năm... Nghĩa là, điều đó chứng minh bằng bản ghi được gửi đến các “độc giả” xuất hiện sau đó rất lâu. Bây giờ thử xem, điều kiện thứ nhất được thực hiện như thế nào. Phương pháp truyền đạt ý nghĩ? Các bạn cũng đồng ý là tiếng nói và chữ viết để thực hiện ý đồ đó là không phù hợp chứ: Với tư cách là phương tiện để diễn đạt hệ thống tín hiệu bậc hai, chúng hoàn toàn mang tính ước lệ, và như vậy cần phải loại bỏ chúng.

– Có thể là phim chăng? – tôi giả định.

– Khá lắm, có lẽ phim thì hay hơn đấy. Nhưng tiếc thay lại không phải là phim. Đúng hơn, đây không phải là bản ghi hình ảnh bằng ánh sáng. Có thể trên sợi dây này ghi lại sự thụ cảm tổng hợp nào đó, nhưng bằng một cách hoàn toàn khác.

– Mà chúng ta còn chưa rõ – nhà bác học thứ hai nói xen vào.

– Thế có nghĩa là chúng ta đã tìm thấy “sợi râu của Mohammed” quá sớm đấy, – viện sĩ cười khẩy. – Tuy nhiên, cần phải tiếp tục nghiên cứu. Chúng tôi đã ghi lại những xung được ghi trên sợi dây, nhưng đến đây vai trò của chúng tôi cũng kết thúc.

– Đồng chí muốn ngụ ý gì? – nhà bác học thứ hai hỏi.

– Phải đến viện đi đầu khiến học thần kinh ở Leningrad. Tôi hy vọng rằng ở đó người ta sẽ tìm ra phương pháp đọc các tín hiệu. Không loại trừ khả năng các vị khách bí ẩn để lại bản ghi hoạt động bộ não của mình.

– Sao cơ! – Tôi sửng sốt kêu lên. – Các đồng chí cho rằng sợi dây đó chứa đựng bản ghi trực tiếp những ý nghĩ của các sinh vật khác?

– Thì ở đây có gì là lạ đâu? Chắc anh đồng ý rằng sự ghi lại các dòng điện sinh học của não không những là phương pháp trực tiếp, hoàn chỉnh nhất mà còn là phương pháp truyền tin tổng hợp nhất.

Khi tôi đến Viện đi đầu kiện học thần kinh, công việc đã tiến bộ đáng kể. Các nghiên cứu cho hay rằng trên sợi dây ghi lại chính các bức xạ của não. Để đọc được bản ghi này cần phải cải tiến một vài dụng cụ và thiết bị đã có.

Toàn bộ bí quyết là như sau: Bản ghi bằng nhiệt điện, đã được chuyển hóa thành các xung điện từ, được khuếch đại và chuyển thành các tia omega (đó là các dao động do não bức xạ khi tư duy). Bộ dao động omega cần được gắn một cách thích ứng lên đầu người. Nếu như giả thuyết của chúng tôi đúng thì người được thí nghiệm sẽ cảm thấy tất cả những cảnh xúc của “người” có các tín hiệu đã được ghi lại. Mọi người đề nghị tiến hành thí nghiệm với chính tôi. Tôi đồng ý.

Người ta đặt tôi ngồi xuống một chiếc ghế bành, giữ chặt sao cho tôi không thể cự quậy được. Họ chụp lên đầu tôi một chiếc mũ bức xạ omega. Tôi cảm thấy một sự đụng chạm lạnh giá của các điện cực kim loại giống như những xúc tu của một quái vật biển đang quấn quanh đầu tôi.

– Đừng sợ! Anh hãy bình tĩnh! – một giọng không quen biết vang đến tai tôi. – Chúng tôi chỉ mới thử đi đầu chỉnh sơ bộ thôi.

Sự chờ đợi căng thẳng kéo dài mấy phút. Tôi không cảm thấy gì cả. Có thể, mọi giả thiết đều sai lầm chăng?

Bỗng nhiên, một tia chớp rực rỡ làm lóa mắt tôi.

– Anh có nhìn thấy gì không? – một giọng ai đó hỏi.

– Ánh sáng rực rỡ, – tôi trả lời. – Nhưng nó đã tắt rồi. Tôi không nhìn thấy gì hơn nữa.

– Bây giờ thì sao? – vẫn giọng đó hỏi. – Anh hãy nói, hãy tả lại tất cả các cảm xúc, tình cảm và suy nghĩ của anh.

Bỗng nhiên tôi nhìn thấy một đường phố nhỏ với những ngôi nhà xinh xắn trong thành phố quê hương tôi. Lozev, người đã mang cho tôi sợi râu của Mohammed, đang đi đến gặp tôi. Nhưng đó là cậu bé học sinh trung học Lozev. Chính mắt tôi nhìn thấy cậu ta, nhìn thấy những phiến đá của mặt đường cũ kỹ tràn ngập ánh mặt trời, đồng thời vẫn biết rằng đây chỉ là ảo giác.

– Hồi ức về thời niên thiếu của tôi này có ý nghĩa gì? Chẳng lẽ nó cũng được ghi trên sợi dây đó sao?

– Không, chúng tôi chỉ mới thử đi đầu chỉnh, – một giọng nói trả lời.

Cuộc thực nghiệm kéo dài đến một tiếng đồng hồ. Tôi trải qua khá nhiều cảm giác: nghe thấy giọng nói, tiếng nhạc, tiếng ồn trên đường phố; nhìn thấy những bức tranh đã bị lãng quên từ lâu; cảm thấy lạnh lẽo, oi nóng; cảm thấy mình đang bước lên cầu thang, đi đầu đó thậm chí rõ ràng đến mức tôi phải nhìn xuống đôi chân của mình để khẳng định là chúng không hề chuyển động.

Phần thứ hai của thí nghiệm bắt đầu từ lúc tôi cảm thấy bị chích vào cánh tay. Nhưng không có ai đến gần tôi cả: đó là bản ghi cảm giác của một trong những cộng tác viên của Viện. Sau đó, không hiểu sao tôi nghe thấy viện trưởng nói:

– Plasma là vật chất ở trạng thái ion hóa mạnh.

– Anh không cảm thấy gì ư? – người đi đầu phối chính hỏi.

– Tôi vừa mới nghe Nikolai Kirilovich nói: “Plasma là vật chất ở trạng thái ion hóa mạnh”. Nhưng đi đâu đó có liên quan gì đến thí nghiệm?

– Có chứ, có chứ! – viện trưởng thốt lên vui vẻ. – Anh nghĩ rằng tôi vừa nói câu đó, song thực chất câu đó được ghi lại từ hôm qua. Tôi nói câu đó với đồng chí Konovalov, bản ghi ý nghĩ của đồng chí ấy đang được truyền đến cho anh.

Nhưng cuộc thí nghiệm “thực sự” mãi ba ngày sau mới được tiến hành. Mọi việc bắt đầu như bình thường: các bác sĩ, chiếc ghế bành, chiếc mũ chụp. Màn ảnh sáng lên, những chiếc kim của các thiết bị rung nhẹ, những cái đèn kiểm tra nhấp nháy. Còn tôi thì chờ đợi...

Nhưng đến đây tôi phải ngừng câu chuyện của mình và thay vào đó bằng đoạn trích dẫn từ biên bản chính thức sau:

“Người được thí nghiệm cảm thấy khỏe mạnh, bình tĩnh. Vào lúc 9 giờ 21 phút, bản ghi mang ký hiệu lamda-0733 được gắn vào bộ dao động omega. Tất cả các chỉ số kỹ thuật phù hợp với tiêu chuẩn được ghi trong sơ đồ G.

Người được thí nghiệm im lặng không trả lời các câu hỏi. Mạch đập nhanh dần và đạt mức tối đa là 98 nhịp vào phút thứ tư. Áp suất máu hơi

giảm, thở nông và nhanh. Nhiệt độ cơ thể so với bình thường dao động trung bình trong khoảng cộng trừ $0,1^{\circ}\text{C}$. Trương lực của hệ cơ tăng lên rõ rệt. Đồng tử không phản ứng lại với ánh sáng. Độ nhạy cảm của da giảm đi nhiều. Cuối cuộc thí nghiệm, người được thử thậm chí không còn phản ứng dưới tác dụng của kim chích. Sau 8 phút 18 giây, khi thụ quan đạt đến điểm ghi được ký hiệu bằng fi-0209, thí nghiệm kết thúc.

Trạng thái kích thích còn tiếp tục ba phút sau khi tắt bộ dao động. Người được thử nghiệm tỉnh lại, mở mắt, ngáp to vài lần, nhìn ngơ ngác và hỏi bằng tiếng Bulgaria: “Tôi ở đâu thế này? Các anh là ai?” Chỉ vài phút sau anh ta mới hoàn toàn tỉnh táo và bắt đầu nói bằng tiếng Nga”.

Khi tỉnh lại tôi nhìn thấy xung quanh hầu hết là những người tham gia cuộc thí nghiệm. Họ đề nghị tôi nghỉ ngơi chút ít, nhưng trên khuôn mặt họ tôi nhận thấy một sự chờ đợi nôn nóng nên tôi bắt đầu kể ngay về những cảm xúc đã xảy ra với tôi dưới ảnh hưởng của tia omega.

Đầu tiên tôi nhận thấy một biển các ánh chớp chói lòa tựa như tôi đang đứng giữa những đám mây dông. Nhưng các ánh chớp đó lại có màu hồng, màu xanh lá cây nhạt, lóng lánh đủ các màu sắc của cầu vồng. Sau rồi xung quanh trở nên yên tĩnh.

Tôi bay là là trên bình nguyên phủ tuyết mênh mông. Bầu trời bao bọc bởi những đám mây xám ảm đạm. Ngực trĩu nặng tất cả là một sự im lặng chết chóc kỳ lạ, tựa như tai tôi bị nhét đầy bông. Tôi không cảm thấy giá lạnh, thậm chí không cảm nhận được cả bản thân mình nữa.

Một bầy súc vật bốn chân lông lá lờm xờm đang rượt theo một con hươu lớn. Nhưng tôi chỉ bay qua, không tham gia vào tấn thảm kịch đẫm

máu sắp diễn ra ở phía dưới. Tôi bay cao dần, nhanh dần tới dãy núi màu xanh lam.

Tôi đi tìm một cái gì hoặc một người nào đó.

Chợt tôi mơ thiếp đi trong khoảnh khắc. Trước mắt tôi hiện ra, như những ảo ảnh kỳ lạ, một thế giới khác đẹp như trong cổ tích. Dưới ánh sáng lẫn lộn của hai mặt trời – một màu xanh chói lòa và một màu huyết dụ sẫm – lấp lánh những tòa nhà bằng kim loại uy nghi. Trong bầu không khí ấm áp, hàng ngàn đồ vật hình bầu dục đang chuyển động. Ở đó, một cuộc sống văn minh tuyệt diệu đang diễn ra sôi động. Ở đó có những người thân của tôi, những người mà tôi đã giã từ. Còn ở đây – ở đây tôi chỉ có một mình.

Tôi lại tiếp tục bay.

Bây giờ tôi đang ở giữa các ngọn núi. Tôi bay chậm lại. Nó cần phải ở đây, một nơi nào đó rất gần. Tôi không nhìn thấy nó nhưng một cái gì đó thẩn mách tôi rằng nó ở đây, ngay phía dưới tôi.

Bây giờ tôi bay thật chậm, thật thấp, gần chạm vào cả các ngọn cây phủ tuyết. Đúng, nó kia rồi!

Trên mặt đất băng giá, một sinh vật hai chân mình đầy lông lá đang chạy. Nó đang ráng hết sức chạy thoát khỏi kẻ săn đuổi – một con gấu núi lớn. Nhưng nó không còn đủ sức. Chỉ mấy bước nữa thôi – và những móng vuốt khủng khiếp của con quái vật sẽ cắm ngập vào lưng sinh vật hai chân.

Một cái gì đó rung lên trong lòng tôi: sinh vật hai chân xấu xí đáng thương kia đối với tôi sao mà thân thiết. Nó hoàn toàn không giống tôi – cả về trí khôn lẫn vẻ bên ngoài. Nhưng dù sao tôi vẫn cảm thấy nó gần gũi với

mình. Trên cái hành tinh lạ lẫm, lạnh lẽo và lãnh đạm này, chỉ ở nó là có một cái gì đó chung với tôi.

Tôi có thể thiêu trụi con ác thú. Nhưng tôi chỉ cần nghĩ đến đi đầu đó, nó đã đứng chết lạng tại chỗ, như bị sét đánh và ngã phịch xuống. Còn sinh vật hai chân vẫn tiếp tục chạy trong nỗi kinh hoàng, thậm chí không ngoái nhìn lại.

Tôi không chú ý đến con gấu nữa, mà theo sau sinh vật đầy lông lá. Nó chạy trong rừng dẫn lên núi cao, luôn vấp ngã, và cuối cùng cũng đã dẫn tôi đến một cửa hang. Ở lối vào hang có đồng lửa lớn đang ngùn ngụt cháy. Xúm quanh đồng lửa là hàng chục sinh vật giống nó, mình quẩn trong các bộ da thú thô.

Thấy nó chạy đến, tất cả đều đứng phất dậy. Họ mấp máy môi khá nhanh nhưng tôi không nghe thấy một âm thanh nào, mà tôi cũng chẳng cần nghe làm gì. Bằng một cách nào đó tôi cảm thụ được các cảm xúc của họ: sự sợ hãi khi thấy người cùng bộ lạc xuất hiện đột ngột, nổi tức giận vì sự tò mò không được toại nguyện về câu chuyện nó được cứu thoát đầy bí ẩn. Sự sợ hãi, nổi giận giữ và lòng hiếu kỳ – tất cả những tình cảm đó tôi đều hiểu được. Quả là nó còn quá thô thiển, nhưng dẫu sao chúng cũng là của tôi!

Cơn kích động nhanh chóng lắng xuống. Còn kẻ mới tới đã khuất lấp vào đám bạn bè lông lá của mình.

Tôi quan sát một lúc lâu cảnh họ đi ra đi vào trong hang, chen lấn nhau, nhìn những cái trán thấp của mình. Trong tôi tràn ngập một nỗi xót thương đau đớn. Tôi thương những sinh vật đó bởi sự bất lực của họ. Và tôi cảm thấy xót thương cho chính bản thân mình. Một tình cảm cô đơn,

thậm chí tuyệt vọng xâm chiếm lấy tôi. Đột nhiên, tôi quyết định ra mắt đám sinh vật đó. Tôi trở nên có thể nhìn thấy được.

Xung quanh tôi xuất hiện một chiếc vỏ bọc hình cầu lấp lánh, từ đó trỗi ra nhiều xúc tu bằng kim loại. Khi nhìn thấy tôi ở gần như vậy, các sinh vật hai chân bỗng ngẩn người ra vì bất ngờ rồi bỏ chạy và nấp vào trong hang sâu. Chỉ còn lại một sinh vật bé nhỏ, bất động và yếu đuối. Tôi đến gần nó. Những chiếc xúc tu nhanh như chớp túm lấy nó đưa đến cho tôi. Nó giống như tất cả các sinh vật kia nhưng bé nhỏ hơn nhiều.

Chẳng lẽ tôi cần phải tìm kiếm sự hiểu biết lẫn nhau với các sinh vật đáng thương này ư?

Chẳng lẽ tôi phải sống giữa đám sinh vật này ư? Không!

Tôi hầu như nhìn thấy quá trình các sinh vật thô thiển kia sẽ phát triển thành loài người có trí khôn như thế nào, họ sẽ tích lũy tri thức, sự hiểu biết, sẽ chinh phục thiên nhiên như thế nào? Lúc đầu, sự tiến hóa đó sẽ xảy ra ở trên hành tinh này, sau đến các thiên thể bên cạnh. Và sẽ đến một lúc nào đó, mặc dù còn rất lâu, con cháu của các sinh vật nửa người nửa động vật lông lá này sẽ cử những con tàu vũ trụ đến hành tinh của chúng tôi.

Nhưng tôi không thể chờ đợi sự phát triển chậm chạp vô tận của họ. Tôi đơn độc giữa họ.

Trong khoảnh khắc đó tôi cảm thấy một trận mưa đá đổ xuống người tôi. Các xúc tu chuyển động: chúng bắt lấy các viên đá đang rơi và thả nhẹ xuống đất. Tôi có thể tiêu diệt những kẻ tấn công tôi không khó khăn gì, song tôi không muốn gây cho họ bất cứ một sự độc ác nào, bởi vậy khi đặt đĩa trẻ xuống mặt đất và lại trở nên vô hình.

Sau đó tôi bay với một tốc độ ghê gớm trên các cánh rừng rộng mênh mông. Như một kẻ mất trí, tôi bay lúc cao lúc thấp sát mặt đất, tựa như đang đuổi theo một ước mơ nào đó không thành. Rồi tất cả lại chìm khuất trong các ánh chớp đủ màu sắc.

Đến đây kết thúc các ảo ảnh của tôi. Tiếp đó tính chất của các tín hiệu thay đổi đột ngột. Hội đồng quyết định không tái hiện lại chúng, mặc dù tôi yêu cầu khẩn khoản. Các nhà bác học sợ rằng có điều gì đó bất hạnh đã xảy ra với con người từ hành tinh khác đến, còn các tín hiệu thay đổi là phần ghi cái chết của người đó. Không ai có thể đoán được cơn hấp hối của con người không quen biết kia có gây nên những chấn động mạnh mẽ trong cơ thể tôi hay không?

Những cảm xúc đã qua của tôi dưới ảnh hưởng của tia omega có nghĩa gì?

Tại sao người từ nơi khác đến lại chỉ có một mình? Chẳng lẽ anh ta là người duy nhất trong con tàu vũ trụ? Chẳng lẽ các bạn đồng hành đã bỏ anh ta lại? Tôi cảm thấy nỗi đau khổ bởi sự đơn độc, lòng khát khao được trở về quê hương của anh ta, những hy vọng vô ích của anh ta muốn giúp đỡ tổ tiên nguyên thủy của chúng ta, mà từ họ, anh chỉ nhận được một trận mưa đá.

Mặc dù tôi được sống bằng tình cảm và tư duy của anh ta chỉ trong vài phút, song con người từ vũ trụ đến và đã chết hàng trăm nghìn năm trước đó trên hành tinh của chúng ta đã trở nên thân thiết đối với tôi.

Các anh đang ở đâu, hỡi anh em của người đã chết? Các anh đang sống, sáng tạo và mơ ước dưới hai vầng Mặt Trời nào? Tại sao các anh không đến thăm Trái Đất lần nữa? Loài người sẽ không còn đón các anh

bằng những trận mưa đá nữa đâu. Hay các anh sợ rằng bom nguyên tử sẽ thay thế cho các hòn đá?

Có thể các anh đang ở giữa chúng tôi nhưng vô hình, cho rằng chúng tôi chưa đủ trình độ để tiếp xúc với các sinh vật có trí khôn của các thế giới sao khác?

Có phải điều bí mật này của các anh – điều bí mật giấu trong “sợi râu Mohammed”, là thông thái hơn hàng nghìn các nhà thông thái?

PHẠM THỊ HẠNH dịch

CON NGỔNG ĐỂ TRỨNG VÀNG*

Isaac Asimov

(Mỹ)

Nguyên văn bằng tiếng Pháp: *Pâté de foie gras*, nghĩa là: Patê gan ngỗng. Chúng tôi đổi thành “Con ngỗng đẻ trứng vàng” cho sát hơn.

Ví thử tôi có muốn cho các bạn biết tên thật của mình, thì tôi cũng không có quyền làm việc đó. Huống chi, trong tình trạng hiện nay, chính tôi không muốn nói tên mình ra làm gì.

Nếu không kể đến những bản báo cáo khoa học, tôi là một người viết lách xoàng, nên tôi đành nhờ Asimov viết thay cho tôi.

Sở dĩ tôi chọn ông vì mấy lý do. Thứ nhất, ông ta là một nhà hóa sinh và dù sao thì ông cũng hiểu được một phần câu chuyện. Hai nữa là ông viết thạo. Ít ra, ông cũng đã cho in khá nhiều sách, mặc dù, được in nhiều sách không nhất thiết đã là viết thạo.

Song đi đâu quan trọng nhất là ông có thể tìm cách để in bài của mình trong bất cứ tạp chí nào. Mà tôi thì lại đang cần như vậy.

Nguyên nhân thì rồi đây các bạn sẽ rõ.

Tôi không phải là người đầu tiên được nhìn thấy con ngỗng ấy. Người có cái vinh dự này là một ông chủ trại trồng bông ở Texas, tên là Ariel Angus McGregor. Con ngỗng ấy chính là của ông ta trước khi trở thành tài sản quốc gia. (Những tên tuổi, địa điểm, ngày tháng nói tới ở đây đều là do tôi bịa ra. Có ai trong các bạn định dựa vào đó để lằn ra dấu vết thì chỉ uổng công thôi. Các bạn không thành công đâu).

Hiển nhiên là ông McGregor nuôi ngỗng trong trang trại của mình vì chúng chỉ ăn cỏ dại mà không đụng chạm đến cây bông. Ngỗng thay thế cho ông làm máy giã cỏ, đã thế lại cho ông nào trứng, nào lông, và cứ sau một thời gian nhất định lại cả món thịt ngỗng quay nữa.

Mùa hè năm 1955, ông chủ trại này gửi đến Bộ nông nghiệp hàng xếp thư, đề nghị cung cấp những tài liệu về cách ấp trứng ngỗng. Bộ đã gửi cho ông những tập sách mỏng có sẵn, ít nhiều liên quan đến vấn đề này. Nhưng thư của ông gửi đến ngày càng khẩn khoản, và trong thư luôn nhắc tới một “người bạn” của ông làm thượng nghị sĩ ở xứ này.

Tôi bị lôi cuốn vào chuyện này chỉ vì tôi làm việc ở Bộ. Tôi khá am hiểu về nông hóa học, lại ít nhiều nghiên cứu về sinh lý học động vật có xương sống.

Tháng bảy năm 1955 tôi chuẩn bị đi dự một hội nghị ở San Antonio thì thủ trưởng của tôi đề nghị ghé qua trang trại của ông McGregor và thử xem có giúp gì được cho ông ta không. Chúng tôi vốn là công bộc của xã hội, ngoài ra, chúng tôi cũng nhận được lá thư của vị thượng nghị sĩ mà ông McGregor đã từng nhắc đến.

Thế là ngày 17 tháng bảy năm 1955, tôi đã được gặp con ngỗng này.

Tất nhiên, đầu tiên tôi gặp ông McGregor. Đó là một người cao, trạc năm mươi tuổi, nét mặt nhăn nhoe đầy vẻ hoài nghi. Tôi nhắc lại tất cả những tài liệu đã gửi đến cho ông, kể về những máy ấp trứng, về tầm quan trọng của những nguyên tố vi lượng trong dinh dưỡng, bổ sung thêm những tin tức mới đây về vitamin E, cobalamin, và cách sử dụng các chất kháng sinh.

Ông lắc đầu. Ông đã thử nghiệm tất cả những thứ đó, nhưng từ trứng ngỗng chẳng nở ra cái gì cả. Ông đã lôi kéo tất cả những chú ngỗng được mà ông mượn được vào việc này, nhưng cũng không ăn thua gì.

Tôi biết làm gì bây giờ đây? Tôi là một viên chức nhà nước chứ đâu phải là một anh chàng chăn ngỗng. Tôi kể cho ông ta nghe tất cả những gì tôi biết. Nếu như làm thế nào trứng cũng không nở, có nghĩa là trứng không thể ấp được. Có thế thôi. Tôi lễ phép hỏi liệu tôi có thể ngó qua con ngỗng được không, để sau này không ai nói được rằng tôi đã không làm hết trách nhiệm. Ông trả lời:

– Không phải ngỗng thường, thưa ông. Mà là một con ngỗng chúa.

Tôi bảo:

– Vậy có thể ngó qua con ngỗng chúa này được không?

– Mong ông thông cảm cho. Không được.

– Thế thì tôi chẳng giúp ông thêm được gì nữa. Nếu đã là một con ngỗng chúa thì hẳn phải có một cái gì không ổn rồi. Lo lắng mà làm gì. Thịt quách nó đi.

Tôi đứng dậy, giơ tay với chiếc mũ.

Ông ngằn ngừ:

– Ông đợi cho một lát.

Và tôi dừng lại. Môi ông mím chặt, mắt ông nheo lại. Ông đang tự đấu tranh với mình. Sau r ồi ông hỏi:

– Nếu như tôi để ông xem, ông sẽ không nói với ai chứ?

Ông không phải là loại người sẵn sàng tin vào lời th ề sẽ giữ kín bí mật của người khác, nhưng dường như ông đã tuyệt vọng đến nỗi không nhìn thấy một lối thoát nào khác. Tôi nói:

– Nếu như chuyện ấy không có gì là phi pháp.

– Không có thế đâu, – ông l ần b ần đáp lại.

Tôi bước theo ông vào khu chăn nuôi bên cạnh nhà, được rào lại bằng dây thép gai, khóa cẩn thận và chỉ nhốt một con ngỗng – cái con ngỗng chúa ấy.

– Đây, con ngỗng chúa đây – Ông nói rành rọt từng tiếng một.

Tôi dán mắt vào nó. Nó cũng chỉ là một con ngỗng mái, như bất cứ một con nào khác. Có đi ều, nó to béo, có vẻ ngạo mạn và giận dữ. Tôi e hèm một tiếng theo thói quen của mình.

Ông McGregor nói:

– Một quả trứng của nó đây. Nó đã được ấp trong máy ấp. Nhưng chẳng thành cái quái gì cả!

Ông móc quả trứng từ trong cái túi rộng thùng thình của bộ áo li ền quần ra. Ông c ầm nó với một vẻ căng thẳng khác thường.

Tôi nhú mày. Quả trứng có cái gì kỳ quái đây. Nó nhỏ hơn và tròn trặn hơn những quả trứng thường.

Ông McGregor nói:

– Ông cần thử xem.

Tôi giờ tay đón lấy quả trứng. Đúng hơn là gắng giữ lấy nó. Tôi đã dùng đúng một lực đủ để cần một quả trứng như thế, vậy mà nó vẫn muốn tuột khỏi tay tôi. đành phải nắm chặt hơn.

Lúc này tôi mới hiểu vì sao trông ông McGregor lại lạ lùng như thế khi cần quả trứng trong tay. Nó nặng đến tám lạng. (Sau này khi cân lại khối lượng của nó đúng bằng 852,6 gam).

Tôi đắm đắm nhìn quả trứng nặng trĩu trong tay và ông McGregor mỉm cười chua chát:

– Ông cứ vứt nó đi.

Tôi chỉ biết nhìn ông, còn ông thì giăng lại quả trứng từ trong tay tôi và tự mình thả nó xuống.

Quả trứng rơi bịch xuống đất. Nó không vỡ. Lòng đỏ và lòng trắng không bắn ra tung tóe. Nó chỉ nằm yên ngay tại chỗ vừa rơi.

Tôi nhặt quả trứng lên. Lớp vỏ trắng chỉ hơi đập ở chỗ chạm đất. Mảnh vỡ bong ra và bên trong lấp lánh một màu vàng nhạt.

Tay tôi run lên. Tôi bóc thêm chút vỏ nữa bằng những ngón tay lóng cóng và nhìn chăm chú vào màu vàng đó.

Chẳng cần đem phân tích, tôi cũng hiểu ngay đó là cái gì.

Trước mặt tôi là một con Ngỗng Chúa.

Một con Ngỗng Đẻ Trứng Vàng.

Các bạn không tin tôi. Tôi biết chứ. Các bạn quả quyết rằng đó chỉ là một câu chuyện bịa tằm thường.

Cũng tốt thôi! Tôi đã đoán thế nào các bạn cũng nghĩ như vậy. Sau này tôi sẽ giải thích vì sao.

Lúc này, nhiệm vụ đầu tiên của tôi là thuyết phục ông McGregor chia tay với quả trứng vàng này. Tôi gần như phát điên lên. Nếu cần thiết, tôi sẵn sàng nện thẳng vào đầu ông ta, cướp lấy quả trứng và chuồn luôn.

Tôi nói:

– Tôi sẽ viết cho ông một tờ giấy biên nhận. Bảo đảm sẽ trả lại ông. Tôi sẽ làm tất cả những gì có thể làm được. Ông hãy nghe tôi, ông McGregor ạ. Những quả trứng này không có lợi gì cho ông đâu. Ông không thể mang vàng đi bán khi ông không giải thích được vì sao ông có. Luật pháp cấm tàng trữ vàng. Ông giải thích làm sao được nào? Nếu Nhà nước mà...

Ông tuyên bố một cách ngang ngạnh:

– Tôi không muốn Nhà nước chọc mũi vào công việc của tôi.

Nhưng tôi còn ngang ngạnh gấp hai lần. Tôi không để cho ông yên. Tôi van nài. Tôi hò hét. Tôi đe dọa. Cuộc cãi lộn diễn ra không chỉ trong một tiếng đồng hồ. Thật đúng là như vậy. Cuối cùng tôi cũng viết được một tờ giấy biên nhận và ông McGregor tiễn tôi ra xe. Khi tôi đi khỏi, ông còn đứng giữa đường nhìn theo.

Và ông cũng không được trông thấy quả trứng này nữa. Tất nhiên ông đã được bồi thường theo giá vàng (656 đôla 7 xu sau khi đã trừ thuế), nhưng trong chuyện này, nhà nước chẳng thiệt thòi gì.

Nếu như nghĩ đến giá trị tiềm tàng của quả trứng ấy...

Giá trị tiềm tàng! Cái từ đó gói ghém tất cả sự trớ trêu của tình thế. Vì lẽ đó, tôi cho in bài báo này.

Đứng đầu cái vụ trong Bộ nông nghiệp, nơi tôi đang công tác là Louis P. Bronstein. Chúng tôi rất thân nhau và tôi cảm thấy có thể kể tất cả cho anh mà không sợ sau đó bị coi là mắc bệnh tâm thần. Tôi mang quả trứng theo người và sau khi kể đến chỗ ly kỳ nhất, tôi đặt nó lên bàn.

Anh ngần ngại lấy tay sờ vào quả trứng cứ như sợ phải bỏng.

Tôi bảo:

– Anh cứ cầm lên xem.

Anh cầm lên và chắc cũng có ý nghĩ như tôi khi đón quả trứng từ tay ông McGregor. Tôi nói:

– Đây là một thứ kim loại màu vàng, có thể là đồng thau. Nhưng không phải là đồng thau vì không tan trong axit nitric đậm đặc. Tôi đã thử rồi. Chỉ có lớp vỏ là bằng vàng vì quả trứng có thể bị bẹp dưới một áp lực không lớn. Vả lại, nếu bằng vàng cả thì nó phải nặng trên 10 pound*.

Pound: đơn vị đo lường Mỹ, bằng 0.45359 kg.

Bronstein thốt lên:

– Đúng là chuyện thần thoại...

– Chuyện thần thoại với vàng thực? Anh hãy nhớ rằng lần đầu tiên tôi trông thấy quả trứng này thì nó hoàn toàn bị bao bọc trong một lớp vỏ bình thường. Một mảnh vỏ đã được nghiên cứu một cách dễ dàng. Carbonate Calci. Khó mà làm giả cái đó. Và nếu như ta nhìn vào bên trong quả trứng

(tôi không muốn làm điếu này một mình) mà thấy lòng trắng và lòng đỏ thực, thì vấn đề sẽ được giải quyết, bởi vì nói chung không làm giả được những thứ đó. Rõ ràng là nên mở một cuộc điếu tra chính thức.

– Tất nhiên mình sẽ báo cáo với lãnh đạo...

Rồi anh lại ngắm nghía quả trứng.

Nhưng rút cục thì anh cũng đi. Hầu như suốt ngày. Anh gọi điện thoại và mướn m ô tô. Một hai quan chức cỡ bự của Bộ đã đến xem quả trứng.

Thế là bản đề án “Con Ngỗng Chúa” bắt đầu. Hôm ấy là ngày 20 tháng bảy năm 1955.

Ngay từ đầu, tôi được giao toàn quyền trong việc điếu tra và về danh nghĩa là người lãnh đạo cho tới lúc kết luận, mặc dù vấn đề gần như nằm ngoài lĩnh vực của tôi.

Chúng tôi bắt đầu từ quả trứng. Bán kính trung bình của nó là 35 mm (trục dài 72 mm, trục ngắn 68mm). Lớp vỏ vàng dày 2,45 mm. Sau này, khi nghiên cứu các quả trứng khác, chúng tôi phát hiện ra là số liệu này hơi cao. Chiều dày trung bình của lớp vỏ chỉ là 2,1 mm.

Bên trong là một quả trứng thực sự. Trông cũng thế mà mùi thì cũng vậy.

Lòng trứng được đem phân tích. Các thành phần hữu cơ gần giống như tiêu chuẩn. 9,7% lòng trắng là albumin. Lòng đỏ có thành phần bình thường. Chúng tôi không có đủ phương tiện để xác định hàm lượng các thành phần vi lượng, nhưng sau này, chúng tôi đã làm việc đó, vì vấn đề liên quan đến hàm lượng vitamin, cofermen, nucleotide, các nhóm sulfhydryl v.v., nhưng chẳng thấy gì là bất bình thường.

Một trong những điều khác thường đáng kể nhất mà chúng tôi nhận thấy là khi đem luộc trứng. Một phần lòng đỏ chín ngay tức khắc. Lấy một mẫu trứng luộc cho chuột nhắt ăn, nó ăn ngay và vẫn sống như thường.

Còn một mẫu thì đích thân tôi nếm thử. Ít quá, không đủ để cảm nhận vị của nó, nhưng ít nhiều làm tôi buồn nôn. Có lẽ là do tự kỷ ám thị.

Boris V. Finley, cố vấn của Bộ chúng tôi, cán bộ khoa hóa sinh của Trường đại học Temple chịu trách nhiệm về các thí nghiệm này. Nhân việc luộc trứng, ông bảo:

– Protein của quả trứng dễ đông tụ dưới tác dụng của nhiệt, chứng tỏ nó đã bị biến chất một phần. Nếu như xét đến thành phần của lớp vỏ, thì phải thừa nhận rằng vàng đã gây ra điều đó.

Một phần của lòng đỏ được đem phân tích sự có mặt của các chất vô cơ và cho thấy là giàu ion chloraurate, tức là những ion hóa trị 1 chứa một nguyên tử vàng và 4 nguyên tử clo, công thức hóa học là AuCl_4 . Người ta bảo rằng hàm lượng chloraurate cao, tôi xin nói chính xác là 3,2 phần nghìn hoặc 0,32%. Lượng ấy đủ để vàng tạo thành với protein một phức chất, không tan và dễ bị vón lại.

Finley nói:

– Rõ ràng, trứng không thể ấp được, cũng như bất cứ quả trứng tương tự nào khác. Nó bị nhiễm độc bởi kim loại nặng. Có lẽ vàng thì đẹp hơn chì thật đấy, thế nhưng đối với protein thì nó cũng độc như thế mà thôi.

Tôi rầu rĩ:

– Nhưng ít ra thì cũng không sợ trứng bị thối.

– Hoàn toàn đúng. Không một chú vi khuẩn tự trọng nào có thể sống trong bát xúp chứa chlorure vàng này.

Cuối cùng, chúng tôi tiến hành phân tích vàng trong vỏ trứng bằng quang phổ ký. Vàng gần như nguyên chất. Một tạp chất duy nhất phát hiện ra là sắt với lượng không đầy 0,23%. Trong lòng đỏ, hàm lượng sắt cao gấp đôi bình thường. Nhưng lúc đó chúng tôi không chú ý đến điều này.

Một tuần sau khi triển khai đề án “Con Ngỗng Chúa”, cả một phái đoàn được cử đến Texas. Tới đây có năm nhà hóa sinh, ba xe tải chở thiết bị và một đơn vị quân đội. Tất nhiên tôi cũng cùng đi.

Ngay sau khi tới, chúng tôi liền cách ly trang trại của ông McGregor với thế giới bên ngoài.

Đây mới quả là một sáng kiến: tất cả các biện pháp an ninh được đặt ra ngay từ đầu. Lúc đó chúng tôi còn chưa thật tin việc đó là cần, nhưng kết quả thì thật tuyệt vời.

Bộ chúng tôi muốn giữ bí mật đề án “Con Ngỗng Chúa” – Đơn giản là vì lúc đầu chúng tôi bị ám ảnh rằng dù sao thì đây cũng chỉ là một câu chuyện hết sức hoang đường, mà chúng tôi thì không thể tự cho phép làm điều quảng cáo ngớ ngẩn như vậy. Nếu đó không phải là chuyện hoang đường đi nữa thì chúng tôi cũng không muốn thu hút vào mình sự săn lùng của những tay nhà báo.

Ý nghĩa thật sự của toàn bộ câu chuyện chỉ mãi sau này mới bộc lộ rõ, rất lâu sau khi chúng tôi đến trang trại của ông McGregor.

Đương nhiên là ông McGregor không hài lòng về việc bấy nhiêu con người và thiết bị đến vây quanh mình. Ông cũng không hài lòng khi người

ta tuyên bố con ngỗng chúa của ông trở thành tài sản quốc gia. Ông càng không hài lòng vì toàn bộ số trứng vàng bị sung công.

Ông không thích tất cả những điều đó, nhưng rồi ông cũng đồng ý; nếu như có thể gọi là đồng ý, khi trong cuộc đàm phán người ta bố trí ở sâu sau nhà bạn một khẩu đại bác và vào lúc tranh cãi gay gắt nhất, một tiểu đội lính lười lê tuốt trên diều qua dưới cửa sổ.

Tất nhiên ông được bồi thường. Tiền đối với nhà nước thì có nghĩa lý gì.

Ngỗng ta cũng tỏ vẻ không hài lòng. Chẳng hạn khi lấy máu nó đem phân tích. Chúng tôi không làm gây mê nó vì biết đâu thuốc mê lại không phá hỏng quá trình trao đổi chất, và thế là mỗi lần lấy máu ngỗng lại phải có hai người ra sức giữ nó. Bạn đã bao giờ thử ghim giữ một con ngỗng đang nổi giận chưa?

Con ngỗng chúa được canh phòng cẩn mật ngày đêm và bất kỳ ai đến gần nó mà để xảy ra chuyện gì ắt phải ra trước vành móng ngựa. Nếu như ai đó trong số những người lính làm nhiệm vụ canh giữ được đọc bài báo này thì mới hiểu mình đang làm việc gì. Và như vậy, anh ta sẽ có đủ trí khôn để ngậm miệng.

Máu ngỗng được nghiên cứu đến nơi đến chốn. Nó chứa 2 phần 100000 (0,002%) chloraurate. Máu lấy ra từ tĩnh mạch gan chứa còn nhiều hơn – gần 4 phần 100000 chất này.

Finley gật gù:

– Vấn đề là ở gan đây.

Chúng tôi đem chụp röntgen. Trên âm bản, lá gan trông giống như một đám sương mù màu xám nhạt, hơi sáng hơn các cơ quan xung quanh, vì nó hấp thụ nhiều tia röntgen hơn, do chứa nhiều vàng hơn. Các động mạch cũng sáng hơn gan, còn buồng trứng thì trắng tuyền. Tia röntgen hoàn toàn không đi qua được.

Điêu này hẳn có một ý nghĩa nào đây. Trong bản báo cáo đầu tiên, Finley thẳng thắn trình bày điều đó. Bản báo cáo đó có nội dung như sau:

“Chloraurate tách từ gan vào dòng máu. Buồng trứng có tác dụng như một cái bẫy đối với ion này. Ở đây chúng bị khử thành vàng kim loại và tích tụ trong lớp vỏ trứng đang phát triển. Phần chloraurate chưa bị khử có nồng độ tương đối cao được giữ lại trong quả trứng đang phát triển.

Hầu như chẳng còn gì phải nghi ngờ là con Ngỗng đã dùng quá trình này để tự giải thoát mình khỏi các nguyên tử vàng mà chắc chắn là sẽ đầu độc nó nếu như chúng tích tụ lại được. Việc bài tiết cặn bã vào trứng quả là điều hiếm hoi trong thế giới sinh vật, thậm chí là chuyện có một không hai, nhưng không thể phủ nhận rằng chính vì thế mà con Ngỗng vẫn còn sống được.

Nhưng rủi thay, chính buồng trứng lại bị nhiễm độc cục bộ đến mức, trứng đẻ ra rất ít và có lẽ không hơn là lượng cần thiết để cứu Ngỗng khỏi lượng vàng tích tụ. Những quả trứng ít ỏi này tất nhiên không thể nở được”.

Tất cả những gì ông đã viết ra chỉ có vậy, nhưng riêng đối với chúng tôi, ông nói:

– Chỉ còn một câu hỏi nữa...

Tôi biết câu hỏi ấy là gì rồi. Tất cả chúng tôi đều biết.

Vậy vàng lấy ở đâu ra?

Tạm thời chưa trả lời được câu hỏi này, nếu như không kể đến một vài kết quả chẳng ra đâu vào đâu. Trong thức ăn của con ngỗng không phát hiện ra một tí vàng nào. Quanh vùng không có một hòn sỏi nào có vết vàng để nó có thể nuốt phải. Đất trong vùng không có lấy một dấu vết của vàng. Kiểm soát trong nhà, ngoài trời cũng chẳng thấy gì. Không có một đồng tiền vàng. Không một vật trang sức bằng vàng. Không một bát đĩa nào bằng vàng, không một đồng hồ vàng; nói chung là chẳng thấy một tí vàng nào cả. Thậm chí trong cả trang trại cũng không ai có răng vàng.

Tất nhiên cũng có một chiếc nhẫn đính hôn bằng vàng của bà McGregor, nhưng suốt đời bà chỉ có một cái nhẫn đó và lúc nào bà cũng đeo ở ngón tay.

Vậy vàng lấy ở đâu ra?

Chúng tôi nhận được những tín hiệu đầu tiên để trả lời cho câu hỏi này vào ngày 16 tháng tám năm 1955.

Albert Nevis từ Trường đại học Purdue đến và đưa vào dạ dày ngỗng một ống dò (thêm một hành động mà ngỗng ta cực lực phản đối), lấy ra một ít dịch tiêu hóa để nghiên cứu. Đây cũng là cách mà chúng tôi tìm kiếm nguồn gốc của vàng từ bên ngoài.

Vàng cũng tìm ra, nhưng chỉ dưới dạng các vết; và đó là toàn bộ cơ sở để cho rằng những dấu vết này đi kèm theo sự tiết dịch tiêu hóa và vì vậy nó có nguồn gốc từ bên trong cơ thể.

Tuy nhiên, cứ phát hiện thêm ra một cái này thì lại thấy thiếu một cái khác nào đó.

Nevis cùng tôi đi vào phòng làm việc của Finley được dựng tạm thời chỉ trong có một đêm ngay bên cạnh chuồng ngựa. Ông bảo:

– Ngỗng có rất ít sắc tố mật. Trong tá tràng thì hầu như không có các sắc tố này.

Finley nhăn mặt lại:

– Có thể chức năng gan bị rối loạn hoàn toàn do nồng độ của vàng. Mà cũng có thể gan không tiết mật.

– Tiết chứ, – Nevis phản đối. – Muối mật vẫn có với lượng bình thường; hay ít ra, gần với bình thường. Chỉ có sắc tố mật là thiếu thôi. Tôi đã phân tích cả phân nữa và càng khẳng định điều đó. Không có sắc tố mật.

Ở đây cho phép tôi giải thích một chút. Muối mật là các chất do gan tiết vào mật và có ở phần trên của ruột non. Chúng giống như các chất tẩy rửa: giúp vào việc chuyển hóa mỡ trong thức ăn của chúng ta (và thức ăn của Ngỗng nữa) thành nhũ tương và phân phối đều trong dịch ruột dưới dạng những hạt nhỏ li ti. Sự phân phối đó, hoặc nếu các bạn muốn, sự đồng thể hóa đó, làm cho việc tiêu hóa chất mỡ được dễ dàng.

Sắc tố mật – là chất mà con ngỗng này không có – lại hoàn toàn khác. Gan tạo ra chúng từ hemoglobin – chất protein có màu đỏ của máu, làm nhiệm vụ vận chuyển oxy. Sau khi đã sử dụng, hemoglobin bị phân hủy trong gan. Phần tách ra – gọi là hem – là những phân tử dạng vòng (gọi là porphirin) với một nguyên tử kẽm ở trung tâm. Gan lấy sắt ra từ đó và dự trữ cho những nhu cầu tiếp theo, sau đó tách ra một phân tử dạng vòng. Chính

những porfirin đã bị phân hủy này tạo thành sắc tố mật, có màu nâu nhạt hoặc xanh lá cây (tùy thuộc vào những chuyển hóa hóa học tiếp theo) và đi vào mật.

Sắc tố mật không cần thiết cho cơ thể. Nó nằm trong mật như một chất thải, đi qua ruột non và thải ra ngoài với các chất bài tiết. Vì thế, các chất bài tiết có màu vàng.

Mắt Finley sáng lên.

Nevis nói:

– Hình như porfirin bị phân hủy trong gan không giống như giả thiết. Các vị không thấy như vậy sao.

Một sự xúc động mạnh mẽ xâm chiếm mọi người. Đó chính là khác biệt đầu tiên về quá trình trao đổi chất phát hiện được ở Ngỗng Chúa, không có liên quan trực tiếp đến vàng.

Chúng ta làm sinh thiết gan (tức là lấy từ gan ngỗng ra một mẫu mô hình trụ để nghiên cứu). Con ngỗng đau thật đấy, nhưng cũng chẳng hại gì. Ngoài ra, chúng tôi còn phân tích lại máu.

Lần này, từ máu, chúng tôi tách ra hemoglobin và lấy ra một ít xitocrom từ gan (xitocrom là các loại men oxy hóa, cũng chứa hem). Chúng tôi tách riêng hem, một phần của nó kết tủa trong dung dịch axit dưới dạng một chất màu vàng da cam tươi. Ngày 22 tháng tám năm 1955, chúng tôi thu được 5 microgram chất này.

Chất màu da cam cũng giống như hem, nhưng không phải là hem. Trong hem, sắt có thể tồn tại dưới dạng ion hóa trị 2 (Fe^{+2}) hoặc ion hóa trị 3 (Fe^{+3}). Trong chất màu da cam tách ra từ hem, phần porfirin của phân tử

không có gì lạ. Nhưng kim loại ở trung tâm của vòng là vàng, hay nói đúng hơn là ion vàng hóa trị 3 (Au^{+3}). Chúng tôi gọi hợp chất đó là 4 “aurem” – đó chính là chữ viết tắt của các từ “hem chứa vàng”.

Aurem có lẽ là hợp chất hữu cơ đầu tiên chứa vàng phát hiện ra trong thiên nhiên. Giá như lúc thường thì nó đã làm chấn động cả giới hóa sinh, nhưng giờ đây, so với cả một chân trời mới mà chính sự tồn tại của nó mở ra, thì nó chỉ là một chi tiết hết sức tầm thường.

Hóa ra là, gan không tách hem thành sắc tố mật. Thay vào đó, nó chuyển hóa hem thành aurem, trong đó sắt bị thay thế bằng vàng. Aurem, khi đã cân bằng với chloraurate, đi vào máu và được chuyển vào buồng trứng. Ở đây, vàng bị tách ra và phần porfirin của phân tử bị loại trừ gián tiếp theo một cơ chế chưa biết đến nào đó.

Các phân tích khác nữa chứng tỏ rằng 29% vàng chứa trong máu ngỗng chuyển vào thành phần của huyết tương dưới dạng chloraurate. 71% còn lại chứa trong hồng cầu dưới dạng “auremoglobin”. Chúng tôi đã đưa vào thức ăn của ngỗng các vết vàng phóng xạ để theo dõi độ phóng xạ của huyết tương và hồng cầu, và tìm hiểu xem các phân tử auremoglobin chuyển hóa với tốc độ nào trong buồng trứng. Chúng tôi cho rằng auremoglobin cần phải bị loại trừ chậm hơn nhiều so với chloraurate hòa tan trong huyết tương.

Nhưng thí nghiệm đã không thành công. Nói chung, chúng tôi không “bắt được” tính phóng xạ. Chúng tôi cho rằng đó chỉ là do thiếu kinh nghiệm. Trong chúng tôi chẳng có ai là chuyên gia về các chất đồng vị. Đó quả là một sai lầm nghiêm trọng, vì cuộc thí nghiệm không thành công ấy

thực ra có ý nghĩa hết sức to lớn và do không nhận thức được điều đó, chúng tôi đã mất đứt đi mấy ngày.

Tất nhiên, auremoglobin chẳng có tác dụng gì xét ở phương diện vận chuyển oxi, nhưng nó chỉ chiếm có 0,1% tổng lượng hemoglobin của hồng cầu nên cũng không thể có ảnh hưởng gì tới quá trình trao đổi khí trong cơ thể Ngỗng Chúa.

Rút cục, câu hỏi vàng lấy ở đâu ra vẫn là đi đầu bí ẩn. Nevis là người đầu tiên đưa ra một giả thuyết quan trọng. Tại cuộc họp nhóm ngày 25 tháng tám năm 1955, ông nói:

– Biết đâu con ngỗng này không thay sắt bằng vàng. Biết đâu, chính nó đã biến sắt thành vàng?

Trước khi được trực tiếp làm quen với Nevis mùa hè năm ấy, tôi đã biết ông qua các tạp chí. (Đề tài của ông là hóa học về mật và hoạt động của gan). Tôi luôn luôn cho ông là một con người chín chắn và khôn ngoan. Thậm chí, còn quá chín chắn nữa. Không ai dám nghĩ rằng ông lại có thể nói ra những điều cực kỳ hớ hênh như vậy.

Điều đó cho thấy bầu không khí tuyệt vọng và mất tinh thần, đã bao trùm lên bản đề án “Con Ngỗng Chúa” như thế nào.

Tuyệt vọng vì vàng không thể lấy ở đâu ra. Con ngỗng đã thải ra mỗi ngày 38,9g vàng trong suốt mấy tháng trời. Lượng vàng ấy phải lấy từ đâu chứ, và nếu như chẳng lấy được từ đâu cả thì có nghĩa là, nó phải được sản xuất ra từ một cái gì đó.

Mất tinh thần là vì trước mắt chúng tôi là một Con-Ngỗng-Đẻ-Trứng-Vàng; đó là điều không ai phủ nhận được và buộc chúng tôi phải xem xét

lại một cách nghiêm túc khả năng thứ hai này. Mà đã vậy thì mọi cái đều có thể xảy ra. Tất cả chúng tôi như đang sống trong thế giới của những câu chuyện cổ tích và mất đi cảm giác về hiện thực. Finley bắt đầu thảo luận nghiêm túc về khả năng này. Ông nói:

– Hemoglobin đi vào gan, và từ đó một ít auremoglobin đi ra. Trong lớp vỏ bằng vàng của trứng chứa một tạp chất duy nhất – đó là sắt. Lòng đỏ trứng cũng chứa vàng với hàm lượng cao và một phần sắt. Điều bí ẩn là ở chỗ đó. Thừa các vị, chúng ta cần phải được viện trợ.

Quả thật, chúng tôi rất cần được giúp đỡ. Công việc của chúng tôi đã bước vào giai đoạn cuối cùng. Giai đoạn đó quan trọng và có ý nghĩa hơn cả, đòi hỏi phải có sự tham gia của các nhà vật lý hạt nhân.

John L. Billings từ Trường đại học California đến đây vào ngày 5 tháng chín năm 1955. Ông mang theo một số thiết bị và số còn lại sẽ được chuyển đến trong tuần sau. Những căn nhà tạm bợ mới lại mọc lên. Tôi có thể tiên đoán rằng không đầy một năm, cả một viện nghiên cứu khoa học sẽ hình thành xung quanh con ngõng này...

Chiều mùng 5, Billings tham dự buổi họp của chúng tôi. Finley kể lại căn kế từ đầu và nói:

– Ý kiến cho rằng sắt chuyển thành vàng liên quan đến một số vấn đề quan trọng. Trước hết, tổng lượng sắt trong con ngõng chỉ vào khoảng nửa gam, mà vàng sản xuất ra mỗi ngày khoảng 40 gam.

Billings có giọng nói cao và trong. Ông bảo:

– Vấn đề khó khăn nhất không phải là ở chỗ ấy. Sắt ở mức thấp nhất trên đường cong năng lượng. Vàng ở mức cao hơn nhiều. Muốn một gam

sắt chuyển thành một gam vàng, cần đến một năng lượng đúng bằng năng lượng phân hủy một gam uran-235.

Finley nhún vai:

– Chúng tôi dành vấn đề đó cho ông.

Billings đáp:

– Để cho tôi suy nghĩ đã.

Ông không tự giới hạn trong việc suy nghĩ. Ông lấy hem tươi ở con ngỗng, đốt và gửi oxit sắt thu được đến Brookhaven để nghiên cứu đồng vị.

Khi kết quả phân tích được gửi tới, Billings thở dài bảo:

– Ở đây không có sắt-56.

Finley hỏi ngay:

– Thế còn các đồng vị khác?

Billings trả lời:

– Tất cả đều ở tỷ lệ phù hợp, nhưng không có lấy một dấu vết của sắt-56.

Ở đây, tôi xin có vài lời giải thích. Sắt thường gặp gồm bốn đồng vị. Đó là những nguyên tử có khối lượng nguyên tử khác nhau. Các nguyên tử sắt có khối lượng 56, hoặc sắt-56, chiếm 91,6% tổng số nguyên tử sắt. Những nguyên tử còn lại có khối lượng 54, 57 và 58.

Sắt chứa trong hem của con ngỗng này chỉ gồm có sắt-54, sắt-57 và sắt-58, sắt-56 biến mất. Điều đó có nghĩa là đã xảy ra một phản ứng hạt

nhân. Chỉ phản ứng hạt nhân mới có thể đụng chạm đến một đồng vị và để yên các đồng vị khác. Bất cứ một phản ứng hóa học bình thường nào cũng lôi cuốn tất cả các đồng vị tham gia với mức độ như nhau.

Finley trầm ngâm:

– Về mặt năng lượng, điều đó không thể xảy ra.

Nói như vậy, ông muốn nhẹ nhàng bác bỏ nhận xét đầu tiên của Billings. Những nhà hóa sinh chúng tôi biết rất rõ rằng trong cơ thể xảy ra nhiều phản ứng cần thu năng lượng, và vấn đề thường được giải quyết như sau: phản ứng thu năng lượng liên hợp với một phản ứng tách năng lượng.

Nhưng các phản ứng hóa học chỉ phát ra hoặc thu vào một vài kilocalo trên một mol. Còn các phản ứng hạt nhân phát ra hoặc thu vào hàng triệu kilocalo. Có nghĩa là để bảo đảm năng lượng cho một phản ứng hạt nhân, cần một phản ứng hạt nhân khác tách ra năng lượng.

Hai ngày liền, chúng tôi không trông thấy Billings đâu, khi xuất hiện trở lại, ông tuyên bố:

– Xin các vị hãy nghe đây! Trong quá trình phản ứng dùng làm nguần năng lượng, đối với mỗi hạt nhân tham gia vào đó cần phải giải phóng ra một năng lượng vừa đúng bằng năng lượng cần thiết để phản ứng hấp thụ năng lượng xảy ra. Nếu năng lượng ấy chỉ nhỏ hơn một chút xíu thôi thì phản ứng sẽ không thực hiện được. Nhưng nếu nó lại hơi lớn hơn một chút và nếu tính đến cả một số lượng khổng lồ các hạt nhân tham gia phản ứng, thì trong chớp mắt phần năng lượng dư sẽ biến con ngỗng thành hơi ngay.

– Thì đã sao nào? – Finley hỏi.

– Thế này nhé, số phản ứng có thể xảy ra rất hạn chế. Tôi chỉ có thể tìm ra một hệ duy nhất thích hợp. Nếu oxi-18 chuyển thành sắt-56 thì sẽ giải phóng ra một năng lượng đủ lớn để chuyển tiếp sắt-56 thành vàng-197. Tương tự như ta trượt từ trên núi xuống, khi xe trượt lao xuống từ sườn núi này thì lại vượt luôn sang sườn núi bên kia. đành phải kiểm tra lại thôi.

– Kiểm tra bằng cách nào?

– Trước hết, phải xác định thành phần đồng vị của oxi trong máu ngỗng.

Oxi của không khí chứa ba đồng vị bền, chủ yếu là oxi-16. Cứ 250 nguyên tử oxi này mới có một nguyên tử oxi-18.

Lại phải phân tích máu ngỗng. Sau khi chưng chân không để lấy nước, người ta đưa một phần nước này vào khối phổ ký. Cũng thấy oxi-18, nhưng cứ 1300 nguyên tử oxi-16, mới có một nguyên tử oxi-18. Hóa ra không phải trong máu chứa 80% oxi-18 như chúng tôi mong đợi.

Billings bảo:

– Đây là một dẫn chứng gián tiếp. Lượng oxi-18 bị tiêu hao. Qua thức ăn và nước uống, nó được đưa liên tục vào cơ thể ngỗng, nhưng dù sao vẫn bị tiêu hao. Vàng-197 được sinh ra. Sắt-56 là sản phẩm trung gian. Vì phản ứng tiêu hao sắt xảy ra nhanh hơn phản ứng tạo thành nên sắt-56 không thể đạt được một nồng độ có thể nhận thấy được; phân tích đồng vị cũng cho thấy là không có.

Chúng tôi không thỏa mãn với cách giải thích này và kiểm tra bằng một thí nghiệm nữa. Suốt cả tuần, ngỗng ta phải uống nước đã làm giàu oxi-18. Lập tức, lượng vàng tách ra tăng lên. Cuối tuần, nó đã sản xuất

được 45,3g vàng trong khi đó hàm lượng oxi-18 trong mô của nó không tăng hơn trước đây.

Billings đứng dậy, bẻ gãy chiếc bút chì và bảo:

– Không còn nghi ngờ gì nữa. Con ngỗng này là một lò phản ứng hạt nhân sống.

Rõ ràng, con Ngỗng Chúa là kết quả của hiện tượng đột biến.

Để có được một sự đột biến như vậy thì, ngoài các yếu tố khác ra, còn cần đến tia phóng xạ. Điều đó làm người ta nghĩ ngay đến những vụ thử hạt nhân, tiến hành vào các năm 1952-1953 cách trang trại của ông McGregor có vài trăm dặm. (Nếu bạn chợt nhớ lại rằng, ở Texas chẳng bao giờ có các vụ thử hạt nhân, thì điều đó chứng minh cho hai sự việc: trước hết, tôi không thông báo với bạn tất cả những gì tôi biết; hai nữa, chính bản thân bạn cũng chẳng biết gì nhiều).

Vị tất trong suốt lịch sử của thời đại nguyên tử đã có lúc người ta nghiên cứu phóng xạ một cách cẩn thận như thế và phân tích thành phần đất bị nhiễm phóng xạ một cách tỉ mỉ, cẩn kẽ đến thế.

Chúng tôi lục lọi hồ sơ lưu trữ. Mặc dù chúng là những tài liệu hoàn toàn bí mật, nhưng do tầm quan trọng hàng đầu của đề án “Con Ngỗng Chúa” vào thời gian đó, chúng tôi đã có quyền làm việc này.

Chúng tôi nghiên cứu cả những số liệu về khí tượng học để theo dõi tác động của gió trong thời gian thử hạt nhân.

Có hai điều được làm sáng tỏ.

Thứ nhất: Phóng xạ trong trang trại chỉ hơi cao hơn tiêu chuẩn một chút. Tôi phải bổ sung ngay: chưa đến mức để gây hại. Nhưng các số

liệu cho biết rằng: thời gian Ngỗng Chúa ra đời, trong trang trại bị bao phủ ít ra là hai đám mây phóng xạ. Tôi cũng xin nói thêm luôn là những đám mây ấy cũng không có những nguy hiểm thực sự nào.

Thứ hai: Ngỗng Chúa là con ngỗng duy nhất trong trang trại, mà thực tế cũng là con vật độc nhất trong số các sinh vật sống, kể cả người, tuyệt nhiên không có một vết phóng xạ nào. Các bạn cứ thử nghĩ xem: tất cả những gì bạn muốn đầu thấy có vết phóng xạ, riêng Ngỗng Chúa lại không.

Tháng 12 năm 1955, Finley trình bày một bản báo cáo, có thể tóm tắt như sau:

“Con ngỗng này là kết quả của hiện tượng đột biến bất thường ở mức độ cao và được sinh ra trong bối cảnh có độ phóng xạ lớn, có khả năng gây ra đột biến nói chung và làm cho quá trình đột biến này đặc biệt thuận lợi.

Con ngỗng có các hệ men có khả năng xúc tác cho các phản ứng hạt nhân khác nhau. Các hệ này gồm một hoặc nhiều men thì chưa rõ. Người ta chưa biết gì về bản chất của các men này. Không thể giải thích được về mặt lý thuyết vì sao men lại có thể làm xúc tác cho phản ứng hạt nhân, vì phản ứng hạt nhân liên quan đến sự tương tác của các hạt, mạnh hơn phản ứng hóa học thông thường được xúc tác bằng men đến 10^6 lần.

Bản chất của quá trình hạt nhân là chuyển hóa oxi-18 thành vàng-197. Oxi-18 rất sẵn trong môi trường xung quanh, có một lượng lớn trong nước và trong tất cả các thức ăn hữu cơ. Vàng-197, qua buồng trứng tách ra khỏi cơ thể. Sản phẩm trung gian rất quen thuộc là sắt-56. Hiện tượng tạo thành các aureomoglobin cho phép ta giả thiết rằng: hem, với tư cách là một nhóm hoạt tính, đã tham gia vào thành phần của men.

Những cố gắng to lớn đã hướng vào việc đánh giá ý nghĩa của quá trình này đối với con ngỗng. Với nó, oxi-18 là không độc hại, còn việc tách vàng-197 là một khó khăn lớn; chính vàng lại có hại và là nguyên nhân khiến cho con ngỗng bị vô sinh. Có thể, quá trình tổng hợp vàng là cần thiết để tránh những nguy hiểm trầm trọng hơn. Sự nguy hiểm này...”

Đọc qua những đi đầu đó trong bản báo cáo, chắc các bạn cũng yên tâm và thấy logic. Thật ra, tôi chưa hề thấy một người nào bị một đòn chí tử đến như thế mà vẫn còn sống được như Billings, khi ông được biết về thí nghiệm của chúng tôi với vàng phóng xạ mà tôi đã kể với các bạn, – khi chúng tôi không phát hiện ra một tí phóng xạ nào ở con ngỗng và đã xô toẹt các kết quả như những đi đầu vô nghĩa.

Ông cứ hỏi đi hỏi lại mãi, tại sao chúng tôi lại có thể coi việc tính phóng xạ biến mất là đi đầu không quan trọng. Ông bảo:

– Các vị chẳng khác gì một anh phóng viên nọ mới vào nghề, được cử đi viết bài phóng sự về một buổi hôn lễ trang trọng, nhưng lại bỏ về và tuyên bố rằng không có gì để viết vì chú rể chưa xuất hiện. Các vị đã cho ngỗng ăn vàng phóng xạ và để mất luôn cả vàng. Chẳng những thế, các vị còn không phát hiện ra trong con ngỗng một tí phóng xạ tự nhiên nào. Không có carbone-14. Không có kali-40. Và các vị dám quả quyết là không thành công.

Chúng tôi bắt đầu cho ngỗng ăn các đồng vị phóng xạ. Đầu tiên thì còn ít một, nhưng đến cuối tháng giêng năm 1956, nó đã phải ăn một lượng phóng xạ ngang với liều lượng dành cho một con ngựa lực lưỡng.

Vậy mà con ngỗng vẫn không bị nhiễm phóng xạ.

– Tất cả những điều đó, – Billings nhận định, – chỉ có thể có nghĩa là, quá trình hạt nhân trong con ngỗng, được xúc tác bằng men, đã có thể chuyển hóa bất cứ đồng vị không bền nào thành đồng vị bền.

Tôi ngắt lời:

– Điều đó cũng có ích.

– Có ích không thôi ư? Đó là điều kỳ diệu! Đó là phương tiện bảo vệ tuyệt vời để chống lại mối nguy cơ của thế kỷ này! Các vị hãy nghe đây, để chuyển hóa oxi-18 thành vàng-197, mỗi nguyên tử oxi phải giải phóng ít ra là 8 pozitron. Mà mỗi pozitron khi kết hợp với electron lại phát ra tia gama. Nhưng lại không thấy tia gama ở đây! Nhất định con ngỗng đã có khả năng hấp thụ tia gama mà cơ thể lại không bị nhiễm độc.

Chúng tôi lại chiếu tia gama vào con ngỗng. Cường độ tia gama càng tăng thì nhiệt độ của nó cũng càng cao, và chúng tôi hoảng hốt ngừng ngay thí nghiệm. Một ngày sau, nhiệt độ giảm xuống và con ngỗng lại tỉnh táo như thường.

– Các vị có hiểu như thế là thế nào không? – Billings hỏi.

– Một kỳ quan khoa học. – Finley đáp.

– Trời ơi, chẳng lẽ các vị lại không nhận thấy khả năng áp dụng thực tế ở đây ư? Nếu như chúng ta giải thích được cơ chế của quá trình này và lặp lại nó trong ống nghiệm thì chúng ta có trong tay một phương pháp tuyệt vời để thủ tiêu các bã thải phóng xạ. Trở ngại chủ yếu chưa cho phép chúng ta chuyển toàn bộ nền kinh tế sang dùng năng lượng nguyên tử, đó là việc đối phó thế nào với các đồng vị phóng xạ hình thành trong quá trình phản ứng. Chỉ cần cho chúng đi qua một bể đựng các chế phẩm của loại

men này, thế là xong! Thừa các vị, chúng ta cần phải tìm ra cơ chế, và thế là có thể yên tâm với các trận mưa bị nhiễm phóng xạ. Chỉ cần thay đổi một chút cơ chế là con ngỗng có thể cung cấp bất cứ nguyên tố nào mà chúng ta cần. Làm thế nào để tạo ra vỏ trứng bằng uran-235 ư? Vấn đề là cơ chế. Cơ chế!

– Tất nhiên, ông có thể gào thét “Cơ chế” bao nhiêu lần cũng được. Chỉ có điều là chưa tìm được ra nó mà thôi!

Tất cả chúng tôi ngẩng lên, khoanh tay và ngắm nghía con ngỗng.

Giá như trứng của nó có thể nở được... Giá như chúng ta cho ấp được một lứa ngỗng con – những lò phản ứng hạt nhân...

– Lẽ ra chúng ta phải nghĩ đến điều này sớm hơn, – Finley nói.

– Các câu chuyện cổ tích về những loài chim như thế biết đâu lại chẳng dựa trên một sự thật nào đó.

– Hay là chúng ta cứ chờ xem? – Billings hỏi.

Giá như chúng tôi có cả một bầy ngỗng như thế, chúng tôi có thể xử lý một vài con. Chúng tôi có thể nghiên cứu buồng trứng của chúng. Chúng tôi có thể lấy lát cắt của các mô và những dịch đồng nhất của chúng.

Cũng có thể từ đó chẳng đi đến kết luận gì. Mô sinh thiết gan không phản ứng với oxi-18 và phải trong điều kiện nào chúng tôi mới không làm ảnh hưởng đến chúng.

Giá như chúng tôi có thể lấy ra trọn vẹn lá gan để xem xét. Giá như chúng ta có thể nghiên cứu những phôi chưa bị nhiễm độc, theo dõi xem cơ chế này phát triển ở phôi như thế nào?

Nhưng chúng tôi chỉ có mỗi một con ngỗng, chúng tôi đành bó tay. Chúng tôi không có can đảm để mổ Con-Ngỗng-Đẻ-Trứng-Vàng.

Mọi bí mật nằm trong lá gan của con Ngỗng Chúa đây đây ấy.

Lá gan của một con ngỗng béo! Đối với chúng tôi, đó đâu phải là nguyên liệu để chế biến thành món pa tê gan ngỗng nổi tiếng; vấn đề đặt ra ở đây nghiêm túc hơn nhiều.

Nevis trầm ngâm:

– Cần phải có một giả thuyết. Một lối thoát cơ bản. Một ý tưởng quyết định.

– Nói thì bao giờ cũng dễ, – Finley bu ãn r ãu ãp.

Sau khi góp một câu ãu ãng ãng ãn, tôi ãề ãghì:

– Hay là ta thông báo trên báo chí?

Và bất chợt một ý ãghĩ lóe ra trong óc tôi.

– Một câu chuyện khoa học viễn tưởng! – Tôi nói.

– Sao cơ? – Finley hỏi lại.

– Các vị nghe ãây! Các tạp chí khoa học viễn tưởng vẫn cho in những bài viết viễn vông. ãộc giả thường coi ãó chỉ là những chuyện ãu ãơi, nhưng cũng làm cho họ quan tâm.

Và tôi kể lại một bài viết của Asimov mà tôi ãã ãược ãọc trước ãây.

Nhưng ãề ãghì ãó ãược ãáp lại bằng sự phản ãối lạnh lùng.

– Chúng ta không sợ bị lộ bí mật, – tôi tiếp tục, – bởi vì chẳng ai tin chúng ta ãâu.

Tôi kể lại cho họ nghe trường hợp năm 1944, Cleve Cartmill có viết một câu chuyện về bom nguyên tử trước khi cần công bố hàng năm trời, và Cục điều tra liên bang đã tưởng kế hoạch này bị bại lộ.

Mọi người nhìn tôi chờ đợi.

– Độc giả những truyện khoa học viễn tưởng luôn luôn có suy nghĩ. Chúng ta không nên đánh giá thấp họ. Nếu họ cho chuyện đó là hoang đường, thời họ sẽ viết thư tới nhà xuất bản và cho nhận xét của mình. Và nếu chúng ta chưa đề xuất được ý kiến gì, nếu chúng ta đang sa vào ngõ cụt, thì chúng ta có mất gì đâu?

Tất cả những đi đầu đó vẫn chưa gây được tác động.

Lúc đó tôi mới nói:

– Các vị biết đấy, con ngỗng không thể sống vĩnh viễn.

Lời nói đó quả là có tác dụng.

Chúng tôi phải thuyết phục lên trên; sau đó, tôi liên hệ với John Kember, người xuất bản các truyện khoa học viễn tưởng, còn ông thì liên hệ với Asimov.

Thế là bài báo này được viết ra. Tôi đã đọc lại, đồng ý và mong rằng các bạn đừng tin nó.

Có đi đầu là...

Các bạn có ý kiến gì không đấy?

NGUYỄN QUỐC TÍN dịch

THÂN DƯỢC COFFIN

Alain Nurse

(Mỹ)

Bác sĩ Chauncey Coffin đã công bố phát minh. Tại cuộc họp hàng năm của các thầy thuốc đi điều trị Mỹ, tuyên bố của Coffin “để kết thúc” đã làm những người có mặt bị choáng váng chẳng khác gì một trái bom nổ. Sức công phá của nó còn vượt cả sự mong đợi táo bạo nhất của chính bác sĩ Coffin. Phải khó khăn lắm ông mới chọn được đám đông các phóng viên báo chí.

Nhưng không phải tất cả mọi người đều khoái trá với trái bom của bác sĩ Coffin.

Buổi sáng hôm sau, trong phòng thí nghiệm, bác sĩ trẻ Philip Dawson gất ần ỉ:

– Thật là lố bịch! Chẳng lẽ anh lại không hiểu anh đã làm bậy bạ những gì? Đây là tôi chưa muốn nói là anh đã bán đứng và phản bội chúng tôi.

Anh nắm chặt trong tay tờ báo đăng bài diễn văn của Coffin và vung vẩy nó như chiếc kiếm.

– “Báo cáo về vắc xin chữa bệnh sởi mũi do Coffin và những người khác phát minh”. Lại còn “những người khác” nữa chứ! Thực ra ý kiến ban đầu là của tôi. Trong suốt tám tháng trời, tôi và Jake đã điên đầu vì nó, còn anh, anh đã chiếm đoạt nó và tuyên bố gian lận về phát minh của chúng tôi một cách công khai trước thời gian một năm.

– Bình tĩnh, Philip. Mình tưởng cả hai cậu phải hài lòng mới đúng. Cần phải thừa nhận rằng mình đã tuyên bố thật tuyệt: truyền cảm mạnh, rất sáng sủa và cô đọng. Mọi người đều vỗ tay như điên. Giá mà các cậu để ý nhìn Underwood nhỉ?

– Còn những phóng viên thì sao? – Philip ngắt lời, quay sang người da ngăm ngăm đen đang ngồi yên lặng ở một góc. – Jake, cậu đã xem báo sáng nay chưa? Con người giáo hoạt này không chỉ chiếm đoạt phát minh của chúng mình mà còn không biết xấu hổ quảng cáo nó khắp các ngã tư nữa chứ!

Bác sĩ Jacob Miles húng hắng ho như người có lỗi.

– Philip bức mình, mà cũng đúng thôi, là vì vấn đề được công bố trước thời hạn, – anh nói với Coffin. – Quả thực, hầu như chúng ta chưa thử trên lâm sàng.

– Nhảm nhí! – Coffin nhìn Philip một cách dữ dội. – Underwood đã vượt chúng ta đến một tháng. Lúc đó thì chúng ta đẹp mặt lắm đấy! Mà muốn thử bao nhiêu nữa! Cậu nhớ không, Philip, cái bệnh sởi mũi đã hành hạ cậu như thế nào khi cậu chưa tiêm? Từ đó đến nay cậu có hắt hơi lần nào nữa không?

– Không. – Philip lờ mờ thú nhận.

– Còn cậu nữa, Jacob? Kể từ đó cậu có sổ mũi nữa không?

– Không, không. Chẳng bao giờ hắt hơi, sổ mũi nữa.

– Đấy nhé. Thế còn sáu trăm sinh viên thì sao? Hay là mình nói láo?

– Không. Anh nói đúng cả thôi. 98% rõ ràng là đã khỏi những triệu chứng sổ mũi sau 21 giờ. Và không trường hợp nào tái phát. Thật là thần diệu. Có đi đâu... mới chỉ một tháng.

– Một tháng, một năm, một trăm năm! Sáu trăm người bị sổ mũi thường xuyên, còn bây giờ không một cái hắt hơi nhỏ. – khuôn mặt béo ị của Coffin trông rạng rỡ hẳn lên. – Nào, nào, thưa các ngài, các ngài phải biết đi đâu chứ! Chúng ta không thể đứng cản trên con đường Tiến bộ! Chúng ta đã giành được một thắng lợi vĩ đại. Chúng ta đã chinh phục được bệnh sổ mũi. Chúng ta đã đi vào lịch sử!

Và dù sao thì ông ta vẫn nói đúng.

Họ quả là đã đi vào lịch sử.

Bệnh sổ mũi không thừa nhận ranh giới đẳng cấp, không có biên giới quốc gia, không phân biệt giàu nghèo: dù nhà ngoại giao hay người phục vụ đều hắt hơi, thở khò khè và khịt mũi như nhau. Vào những ngày thu lộng gió, tại Thượng nghị viện Mỹ, các diễn giả phải ngưng bài diễn văn về những vấn đề nóng hổi nhất để xì mũi. Những bệnh khác có thể đưa người ta xuống mồ. Nhưng cái bệnh sổ mũi tầm thường này hành hạ hàng triệu người và ngoan cố không chịu khuất phục những cố gắng tuyệt vọng nhằm chế ngự nó.

Vào một ngày mưa tầm tã tháng mười một, trên các báo xuất hiện hàng tit lớn chạy dài suốt trang :

COFFIN ĐÃ VĨNH VIỄN CHINH PHỤC ĐƯỢC BỆNH SỐ MŨI?

“SẼ KHÔNG CÒN NHỮNG CÁI KHỊT MŨI NỮA”? – MỘT TRONG NHỮNG TÁC GIẢ CỦA PHÁT MINH KHẲNG ĐỊNH.

CÁC BẠN HÃY THỞ TỰ DO! CHỈ MỘT MŨI TIÊM THÔI VÀ SẼ KHÔNG BAO GIỜ CÒN BỊ HẮT HƠI!

Giới y học gọi thứ thuốc mới là “vắcxin Coffin chống virus đa nhân dùng cho đường hô hấp trên”; nhưng báo chí lại đặt cho nó cái tên đơn giản là thần dược Coffin.

Những tờ báo lớn nhất có tiếng tăm đã tường thuật lại rằng: sau nhiều năm thất bại, bác sĩ Ch.P. Coffin và những người khác đã phân lập được tác nhân gây ra bệnh số mũi và khẳng định rằng: đây không phải là một virus đơn độc mà là tổ hợp các virus đa nhân, làm thương tổn niêm mạc mũi, họng và mắt và có khả năng làm thay đổi cấu tạo phân tử của chúng. Bác sĩ Philip Dawson đã đưa ra giả thuyết là có thể chiến thắng tổ hợp virus này nhờ một kháng thể có tác dụng làm “đông cứng” tổ hợp trong một thời gian, để cơ thể con người kịp thời tập trung tất cả sức đề kháng và quét sạch được các “vị khách” không mời này. Các báo còn mô tả quá trình tìm kiếm gian nan kháng thể đó, nào là họ đã tiêm hàng gallon* virus vào sườn những con chó thí nghiệm mà chúng vẫn không bị số mũi, nào là họ đã phát chán lên vì thế nhưng vẫn bền bỉ tiến hành thí nghiệm và cuối cùng đã thành công.

Gallon: đơn vị đo lường Mỹ, bằng 3,78341 dm³.

Chưa đầy một tuần sau khi báo cáo, thời gian đủ để cho Coffin kịp ngẫm nghĩ lại xem mình có làm gì quá đáng không, thì phòng thí nghiệm đã bắt đầu bị vây kín bởi đám người khổ sở vì bệnh hắt hơi, sổ mũi, cần được tiêm chủng. Mười bảy công ty dược phẩm đã cử đại diện của mình đến gặp Coffin với những bảng dự chi và những biểu đồ sắc sảo. Từ Washington, một chuyến máy bay được phái đến chỗ Coffin, những cuộc hội họp kéo dài đến quá nửa đêm, và các con bệnh tới gõ cửa liên hồi kỳ trận.

Mẻ vaccine đầu tiên xuất hiện sau 23 ngày và chỉ ba giờ sau đã bị đám người kiệt sức vì bệnh sổ mũi vét cạn ráo. Các máy bay siêu tốc chở món hàng quý giá đó vun vút bay đến châu Âu, châu Á, châu Phi; hàng triệu mũi tiêm đâm sâu vào hàng triệu cánh tay, và sau khi hắt hơi thật to một lần cuối cùng, loài người bước vào một kỷ nguyên mới.

Nhưng vẫn có những người không tin. Ở đâu mà thiếu họ được.

– Anh có nói với em bao nhiêu thì cũng vậy thôi, – Ellie Philip lắc mái tóc xoăn vàng óng, khẳng khẳng phản đối bằng một giọng khản đặc. – Em đã bảo không tiêm là không tiêm mà.

Philip nói với giọng bực bội:

– Sao em lại vô lý đến thế được. Đã hai tháng nay bệnh sổ mũi không buông tha em. Em đã không ăn được, không thở được, không ngủ được...

– Dứt khoát là em không tiêm, – Ellie một mực từ chối.

– Nhưng Ellie này...

– Em không cần. Em không muốn tiêm một tí nào hết! – Ellie ấm ức, gục đầu vào vai anh.

Philip ôm lấy vợ, hôn nhẹ lên tai và nói vài lời âu yếm. Bảo nữa cũng chỉ phí công thôi, anh buồn rầu nghĩ. Ellie không tin vào khoa học. Đối với cô ta, tiêm chủng để khỏi bị sốt mũi với tiêm chủng đậu mùa thì cũng thế mà thôi.

– Thôi được, cô bé ạ, chẳng ai bắt em phải tiêm đâu. Nhưng có lẽ do bị sốt mũi mà em mất hết cả khứu giác rồi đấy. Em đã xúc một lượng nước hoa khiến cho ngay đến một con bò cũng phải chóng mặt. – Philip lau nước mắt cho vợ và mỉm cười. – Nào, bình tĩnh lại em. Chúng mình đến tiệm Driftwood's ăn trưa nhé? Người ta đồn ở đây có món sườn ngon tuyệt...

Philip mở mắt, bàng hoàng ngẩng nhòm dậy. Ánh nắng buổi sáng yếu ớt chiếu qua cửa sổ. Ở dưới bếp, Ellie đang thu dọn bát đĩa làm phát ra những tiếng kêu lanh canh.

Anh có cảm giác như ngạt thở. Anh nhảy xuống và chạy ra bàn nữ trang của Ellie. Trời ạ, hình như ai đã đánh đổ cả một bình nước hoa thì phải. Đầu óc anh quay cuồng vì cái mùi ngạt ngào gớm ghiếc ấy. Philip chớp mắt, tay run rẩy châm một điếu thuốc lá. Bình tĩnh, và chớ có hoảng, – anh tự nhủ và hít một hơi dài. Nhưng anh bỗng ho sặc sụa: một lượng khói cay sẽ đã đốt cháy họng và phổi anh.

– Ellie!

Một lửa vì cơn ho xé ruột, anh lao ra phòng ngoài. Mùi diêm đốt trở nên cay ngọt ngạt, cứ như là cả một đồng lá ẩm mục cháy, Philip hoảng hốt nhìn chòng chọc vào điếu thuốc lá và vứt nó đi.

– Ellie! Có ai đốt nhà thế này!

– Ôi, anh nói gì vậy bà thế, – giọng Ellie từ dưới nhà vọng lên. – Em đang rán bánh mì đây mà.

Philip phóng xuống cầu thang. Mùi khét lẹt của mỡ cháy, mùi đắng ngắt của cà phê đun quá lửa xộc vào mũi anh.

– Em không nghĩ thấy mùi gì à?

Trên bếp điện, ấm cà phê tự động đang khê sôi. Trong chảo, trứng trắng sủi lèo xèo và loáng mỡ, những miếng giảm bông đã khô lại trên đĩa giấy. Tất cả đều tỏ ra rất bình thường.

Philip thận trọng bỏ tay ra khỏi mũi và... suýt nữa thì chết ngất.

– Chẳng lẽ em không nghĩ thấy mùi gì thật à? Em ra đây một phút.

Từ người Ellie bốc ra mùi giảm bông, cà phê, bánh mì rán cháy nhưng nhiều nhất là mùi nước hoa.

– Sáng nay em xúc nước hoa rồi đấy à?

– Trước khi ăn điểm tâm? Anh nhớ đấy!

Philip lắc đầu:

– Hựm, đã... Hình như anh bị làm sao ấy. Anh đã làm việc quá nhiều, thần kinh căng thẳng...

Anh tự rót cà phê vào tách mình, thêm một chút kem và bỏ vào một miếng đường.

Nhưng cà phê hôi hình như đã được đun hàng ba tuần nay trong chiếc ấm bẩn. Mùi của nó hình như bị “bóp méo” đi, bị khuếch đại lên một cách đáng sợ. Nó tràn ngập căn bếp, đốt cháy họng Philip, và nước mắt anh chảy ra giàn giụa.

Trước mắt Philip bỗng lóe lên một sự thực. Đồ cà phê đi, anh run run đặt tách xuống. Nước hoa. Cà phê. Thuốc lá...

– Mũ, – anh nghẹn ngào. – Em đưa cho anh cái mũ. Anh phải đến ngay phòng thí nghiệm.

Trên đường đi mỗi lúc anh một cảm thấy khó chịu hơn. Trong sân, suýt nữa thì anh nôn ọe ra vì mùi ẩm mốc. Con chó nhà hàng xóm bốc ra mùi hôi hám của cả một ổ chó. Trời mưa, ẩm ướt. Trong ô tô buýt, không khí ngọt ngào như phòng thay quần áo của các nhà thể thao sau những trận thi đấu quyết liệt. Một ông lão mắt kém nhòm ngó xuống cạnh Philip khiến anh liên tưởng đến hồi còn là sinh viên, anh phải đi rửa thùng ở nhà máy bia để kiếm thêm tiền.

– Sáng nay trời đẹp đấy chứ, cậu nhỉ? – ông lão khềkhà thở ra. Trời ạ, ông ta lại còn ăn sáng với cả xúc xích có lẫn tỏi nữa chứ! Một lũ cả người, Philip rên lên nhẹ nhõm và lách vội ra khỏi xe khi nó đỗ trước cửa phòng thí nghiệm.

Tại cầu thang, anh gặp Jake, mặt tái nhợt như tờ giấy.

– Chào cậu, – Philip hôn hển. – Thời tiết đẹp quá.

– Ừ... ừ, – Jake đáp. – Thời tiết đẹp thật. Còn cậu... ề... ề... cậu cảm thấy thế nào ?

– Rất dễ chịu. – Philip vờ tỏ ra miễn cưỡng mở tủ nuôi cấy đựng các bình vắc xin. Nhưng lập tức anh phải bám chặt lấy mép bàn đến nỗi gân tay nổi cả lên. – Nhưng tại sao cậu lại hỏi thế?

– Vì hôm nay trông cậu không được khỏe.

Hai người nhìn nhau im lặng. Sau đó, giống như theo hiệu lệnh, họ lại nhìn về phía cuối phòng thí nghiệm, sau bức vách ngăn là phòng làm việc của Coffin.

– Thủ trưởng đến rồi à?

– Ông ấy đang ngồi trong phòng. Nhưng đóng cửa.

– Cửa mở rồi kìa, – Philip bảo.

Bác sĩ Coffin mở cửa, đứng lui lại, tựa lưng vào tường, mặt xám ngoét. Từ phòng ông xông ra mùi các loại thuốc mà các bà nội trợ vẫn dùng để làm thoáng khí trong nhà bếp.

– Không, không, các cậu đừng vào đây, – Coffin kêu lên the thé. Mà các cậu cũng đừng đến gần. Tôi không thể tiếp các cậu bây giờ. Tôi... tôi đang bận. Có, việc khẩn...

Philip hất hàm ra hiệu cho Jake bước vào phòng, khép cửa lại và quay sang Coffin.

– Anh kể lại đi.

– Anh bắt đầu bị tù từ bao giờ?

Coffin run rẩy như chiếc lá mùa thu.

– Hôm qua, ngay sau khi ăn cơm tối. Mình tưởng đến chết ngạt mất. Mình vùng dậy và suốt đêm lang thang ngoài phố. Các cậu ơi, sao mà có mùi khủng khiếp đến thế!

– Còn cậu, Jake?

– Sáng hôm nay. Mình bị đánh thức dậy là vì thế.

– Mình cũng mới bị sáng nay, – Philip nói.

Coffin thốt lên .

– Nhưng tôi vẫn không hiểu nổi! Ngoài chúng ta ra, đi đâu đó thì đã rõ rồi, không một ai nhận thấy gì cả.

– Tạm thời thì chưa, – Philip đáp. – Nhưng anh chớ quên rằng chúng mình là những người tiêm đầu tiên.

Mồ hôi vã ra trên trán Coffin. Mắt ông mở to vì lo sợ.

– Những người khác rồi sẽ ra sao?

– Tôi cho rằng chúng mình phải nghĩ ra một cái gì đó thật phi thường, thật công hiệu, – Philip nói.

Coffin vẫn bàng hoàng:

– Thật tai họa làm sao! Chỗ nào cũng vẫn cái mùi nồng nặc không thể chịu nổi. Nay Philip, sáng ra cậu hút thuốc mà bây giờ mình vẫn thấy hôi, thậm chí chảy cả nước mắt. Nếu như mình không quen biết hai cậu, mình có thể đem đầu ra cuộc rằng hàng tuần nay các cậu không gọi đầu. Tất cả các mùi, có bao nhiêu mùi trên thế giới này, bỗng dưng dậy lên rõ mồn một.

– Ý hử anh muốn nói chúng được tăng cường lên, – Jake sửa lại. – Nước hoa thì vẫn có mùi thơm của nó, chỉ có đi đâu hắc quá là hắc. Cũng như cái mùi quế mà tôi đã cố hít lấy được. Suốt nửa giờ sau, tôi vẫn còn chảy nước mắt và lúc nào cũng ngửi thấy cái mùi quế ấy. Bản thân các mùi thì đâu có thay đổi.

– Vậy thì cái gì thay đổi?

– Rõ ràng là cái mũi của chúng ta. – Jake xúc động đi đi lại lại trong phòng. – Hãy lấy con chó làm ví dụ. Chúng không bao giờ bị ngạt mũi, vì của đáng tội chúng sống chỉ bằng khứu giác. Biết bao nhiêu loài vật khác nữa, cả đời phụ thuộc vào việc đánh hơi và chẳng bao giờ chúng bị những bệnh tương tự như sổ mũi. Loại virus gây sổ mũi chỉ làm hại loài linh trưởng và thể hiện rõ rệt nhất ở chính cơ thể con người.

– Thế nhưng cái mùi ghê tởm ấy ở đâu ra? Đã từ lâu tôi không hề bị sổ mũi.

– Thực chất vấn đề là ở đấy! – Jake tiếp tục nói. – Vì sao nói chung chúng ta có khứu giác? Bởi vì ở niêm mạc mũi và họng có những đầu mút thần kinh cực kỳ tinh vi. Virut luôn luôn sống ở đó. Từ thời thượng cổ chúng đã làm tổ ở những tế bào này, làm tê liệt các mô cảm giác, khiến thần kinh hoạt động rất ỉ ỉ tẻ. Cho nên không có gì ngạc nhiên là chúng ta hầu như không cảm thấy mùi gì. Những đầu mút thần kinh bất hạnh này quả thật là không cảm thấy gì hết!

– Và chúng ta đã tóm cổ và thủ tiêu loại virus này, – Philip nói.

– Không, chúng ta không thủ tiêu. Chúng ta chỉ lấy đi ở chúng cái cơ cấu thông minh nhất mà nhờ nó chúng được bảo vệ khỏi sức đề kháng của cơ thể. Suốt hai tháng trời sau khi tiêm, cơ thể của chúng ta đấu tranh một mất một còn với loại virus này và đã trấn áp được kẻ xâm lược từng “ngự” trong chúng ta ngay từ khi loài linh trưởng hình thành. Thế là lần đầu tiên trong lịch sử loài người, những đầu mút thần kinh đã bị tàn tật này bắt đầu hoạt động bình thường.

Coffin rên rỉ:

– Các cậu ơi, thế ra tai họa mới chỉ bắt đầu thôi ư?

Jake cay đắng nói:

– Đây mới chỉ là nhân. Còn quả đang chờ ở phía trước.

Philip thốt ra với vẻ suy tư:

– Các nhà nhân chủng học sẽ có ý kiến gì về việc này?

– Nghĩa là sao cơ?

– Có thể là, một lúc nào đó trong thời tiền sử đã xảy ra một sự biến dị đột biến. Do một thay đổi rất nhỏ nào đó, một dòng linh trưởng đã mất đi sức đề kháng đối với loại virus này. Và biết đâu, chính vì thế mà bộ óc của con người đã phát triển, và hoàn thiện như ngày nay. Mất đi cái sắc sảo của khứu giác, ở một mức độ nào đó, bản thân sự tồn tại của con người phải phụ thuộc vào trí óc, chứ không phải vào sức lực của cơ bắp nữa. Điều đó khiến cho con người phát triển hơn hẳn các loài linh trưởng khác.

– Và bây giờ, loài người phải đi trở lui và không hồi phục lại được nữa! – Coffin lại rên rỉ.

– Tôi mong rằng, – Jake nói, – việc đầu tiên là họ đi lùng bắt kẻ gây nên tội...

Cả Philip và Jake đều nhìn vào Coffin.

– Này, các cậu, hãy ném cái thằng ngu xuẩn này vào lửa đi. – Coffin nói và run bắn lên. – Cả ba chúng ta đều gây nên tội. Philip, có phải chính mình cậu nói ra là ý kiến đầu tiên thuộc về cậu? Lúc này cậu không được bỏ rơi tôi.

Có tiếng chuông điện thoại reo.

– Bác sĩ Coffin – cô thư ký sợ hãi, ấp úng nói, – có một sinh viên vừa gọi điện thoại đến đây. Anh ta... anh ta nói rằng... anh ta sẽ đến gặp bác sĩ...

– Tôi đang bận, – Coffin thét lên. – Tôi không tiếp ai hết! Không có điện thoại gì hết!

– Nhưng anh ta đã đi rồi. Anh ta nói rằng... anh ta sẽ băm nát bác sĩ ra, bằng chính tay mình...

Coffin quăng ống điện thoại đi. Mặt ông xám ngoét.

– Chúng nó sẽ băm nát tôi. Philip, Jake, hãy cứu tôi!...

Philip thở dài, gài chặt cửa lại.

– Anh hãy cử một người nào đó đến kho lạnh, bảo mang tất cả chỗ vaccine nuôi cấy đã làm lạnh đến đây. Rồi tiêm cho năm con khỉ và vài chục con chó.

– Nhưng cậu định làm gì mới được chứ?

– Tôi cũng không biết nữa, – Philip trả lời. – Nhưng chúng ta buộc phải học lại bệnh sởi mũi, thậm chí có phải trả bằng giá của đời mình.

Họ tự rưới vào niêm mạc mũi và họng một lượng virus hoạt động nhất mà bất cứ một người bình thường nào dù có chết đi cũng không thoát khỏi bệnh sởi mũi. Họ trộn sáu loại virus nuôi cấy khác nhau lại, súc rửa cổ họng bằng hỗn hợp khó ngửi này và tước lên mình cũng như lên những con khỉ đã được tiêm chủng.

– Chẳng có kết quả gì.

Họ tiêm huyết thanh vào bắp thịt, vào tĩnh mạch, vào tay, vào mông, vào dưới xương bả vai. Họ uống, họ tắm vắc-xin.

Nhưng họ vẫn không bị sổ mũi.

– Có lẽ chúng ta làm sai sách r ồi, – một hôm Jake bảo. – Hiện nay chúng mình đã có sức đề kháng tối đa, cần phải bẻ gãy sức đề kháng đó...

Mím môi mím lợi lại, họ lao theo hướng này. Họ nhịn ăn đến đói lả. Họ không ngủ sau một vài ngày đêm thức trắng. Họ ăn những thức ăn không vitamin, không đạm, không muối. Những món ăn của họ có vị của hồ dán sách và mùi thì còn t ồi tệ hơn nhiều. Họ làm việc trong những bộ quần áo ướt sũng và giày của họ lép nhép những nước. Họ tắt lò sưởi và mở toang cửa sổ mặc dù mùa đông đã bắt đầu. Sau đó họ phun đi tưới lại lên mình loại virus hoạt động đã làm lạnh và, kỳ lạ thay, họ chờ đợi để được sổ mũi.

Nhưng đi đâu kỳ lạ lại không xảy ra. Các nhà phát minh ng ồi sát lại bên nhau, nhìn nhau lo lắng. Trong cuộc sống, chưa bao giờ họ lại cảm thấy khỏe đến như vậy...

Toàn những mùi là mùi. Cả ba người cũng hy vọng rằng, với thời gian r ồi họ sẽ quen đi, nhưng nào có được như thế. Ngược lại, họ bắt đầu người thấy cả những mùi mà trước đây họ không hề ngờ tới: mùi độc hại có, mùi ngọt đến phát khiếp có, chúng làm cho họ trở nên khoái chí và chỉ còn biết xông ngay tới bồn rửa. Họ thử dùng khẩu trang che mũi, nhưng mùi vẫn lọt qua bất cứ tấm khẩu trang nào, và những người khốn khổ đó coi bữa ăn như một khổ hình.

Họ g ầy sút đi nhanh chóng, nhưng họ chẳng hề bị cảm lạnh.

– Theo ý em, cần nhất tất cả các anh vào nhà thương điên. – Ellie đã giận dữ nói như vậy vào một buổi sáng mùa đông trong khi kéo Philip mình

mấy thâm tím và run cấn cập ra khỏi vòi nước. – Các anh hoàn toàn mất trí rồi.

– Em chẳng hiểu gì cả, – Philip rên rỉ. – Bọn anh cần phải bị cảm lạnh.

– Nhưng để làm gì? – Ellie bực bội hỏi.

– Hôm qua, ba trăm sinh viên kéo đến phòng thí nghiệm. Họ bảo rằng các thứ mùi đã làm họ phát điên lên được. Họ không thể chịu đựng được cả những đám bạn bè thân thiết nhất. Nếu bọn anh không chữa trả cho họ, họ sẽ xé xác bọn anh ra từng mảnh. Ngày mai, họ sẽ lại kéo đến và cùng với họ còn ba trăm người nữa. Vì bọn anh đã bắt đầu với ba trăm người mà. Rồi còn thế nào nữa đây khi mười lăm triệu người đã được tiêm chủng phát hiện ra cái mũi của họ không để cho họ sống. – Anh rùng mình. – Em đã đọc báo chưa? Đã có người lờng lên ngoài phố và khịt khịt mũi như những con chó săn. Rõ ràng bọn anh đã làm theo lương tâm. Nhưng bọn anh bất lực rồi, Ellie ạ. Những kháng thể đã làm nhiệm vụ của chúng quá xuất sắc.

– Vậy sao các anh không đi tìm một loại kháng kháng thể để trị lại chúng – Ellie khuyên một cách mơ hồ.

– Thật là một câu nói đùa ngốc nghếch...

– Em hoàn toàn không đùa một chút nào. Đối với em tất cả những gì các anh làm đều thế cả. Em chỉ cần một người chững như trước đây, nghĩa là không thờ phì phì vào món ăn em làm; không đứng ủ rũ dưới vòi nước lạnh buốt vào sáu giờ sáng.

– Anh hiểu, đi đâu đó đối với em thì khó chịu, – Philip bất lực nói. – Nhưng anh biết làm thế nào. Đầu óc anh cứ rối cả lên.

Đến phòng thí nghiệm, anh gặp Jake và Coffin đang bàn bạc với nhau, trông xanh xao và tiều tụy.

Coffin nói:

– Mình kiệt sức mất rồi. Mình đã van xin họ hoãn lại ít ngày. Mình đã hứa với họ tất cả mọi thứ, có lẽ chỉ trừ cái hàm răng giả của mình. Nhưng mình không đủ can đảm để gặp lại họ nữa!

– Chúng ta chỉ còn có một vài ngày, – Jake nhắc lại một cách tuyệt vọng. – Nếu chúng ta không nghĩ ra một cái gì đó, chúng ta sẽ đi đời.

Bất chợt Philip reo lên:

– Chúng mình thật là những con lừa đần độn. Vì quá khiếp sợ, chúng mình đã không nghĩ ra được ý gì hết. Thật chẳng có gì đơn giản hơn.

Mắt Jake sáng lên:

– Cậu nói sao?

– Kháng kháng thế, – Philip trả lời.

– Trời đất!

– Không. Mình nói nghiêm chỉnh đấy. Chúng ta có thể tuyển bao nhiêu sinh viên làm phụ tá?

Coffin nuốt nước bọt:

– Sáu trăm. Họ đã chờ sẵn dưới cửa sổ kia và đang khao khát máu của chúng ta.

– Tuyệt rồi. Anh bảo họ lại cả đây. Tôi cần cả khỉ nữa. Nhưng chỉ những con khỉ bị cảm lạnh. Càng yếu càng tốt.

– Nhưng cậu hiểu cậu định làm gì chứ? – Jake hỏi.

– Hơi hơi thôi, – Philip đáp vui vẻ. – Mình chỉ biết xưa nay chưa có ai làm như thế bao giờ. Đã tới lúc nghĩ ra được cái gì thì làm luôn cái đó.

Con dao quảng ném đi lại lượn về chỗ cũ.

Tất cả các cửa của phòng thí nghiệm đều được bố trí chướng ngại vật. Điện thoại đã bị cắt hẳn. Trong phòng đang tiến hành những hoạt động sôi nổi, khác thường. Khứu giác của ba nhà nghiên cứu càng thính một cách không sao chịu đựng nổi. Thậm chí những chiếc mặt nạ chống hơi độc xinh xắn do chính Philip làm ra cũng không bảo vệ họ khỏi cái mùi ngọt ngào của những phát đạt bắn vào.

Những chiếc xe tải chở đầy khí đến phòng thí nghiệm. Khí hắt hơi, ho sặc sụa, khóc và thở hỗn hển. Những ống nghiệm nuôi cấy virus gây bệnh xếp chặt cả các tủ và chất đầy các bàn. Hàng ngày, sáu trăm thanh niên giận dữ đã thay phiên nhau đến phòng thí nghiệm. Họ gặm gù, nhưng vẫn sẵn tay áo lên và há hốc mồm ra mà chịu đựng.

Cuối tuần đầu tiên, một nửa số khí được chữa khỏi bệnh sổ mũi và không bao giờ có thể mắc lại nữa; nửa kia bị cảm lạnh và không bao giờ có thể thoát khỏi bệnh sổ mũi. Philip nhận ra điều đó với sự thỏa mãn dè dặt.

Hai ngày sau, anh chạy sổ vào phòng thí nghiệm, nét mặt rạng rỡ, ôm trong tay một con chó con có cái mõm rầu rĩ lạ thường. Thế giới chưa từng trông thấy một con chó nào như vậy. Nó khụt khịt mũi và hắt hơi. Rõ ràng nó đã bị mắc cái bệnh sổ mũi khốn khổ.

Ngày hôm sau, người ta tiêm vào dưới da Philip một giọt chất lỏng trắng như sữa. Họ đi đầu chế virus để phun và cẩn thận rưới vào mũi và họng

anh. Sau đó, mọi người bắt đầu ng ồi đợi. Ba ngày đã trôi qua, họ vẫn kiên trì chờ đợi.

– Ý kiến đó tuyệt thật, – Jake lẩm bầm nhận xét và gấp quyển vở ghi kết quả thực nghiệm dày cộp lại. – Có đi ầu là chẳng có kết quả gì.

– Coffin đâu r ồi?

– Ông ấy gục đã ba hôm nay r ồi. Rối loạn thần kinh. Ông đã bị ám ảnh bởi ý nghĩ là người ta sẽ treo cổ ông ấy lên.

– Hừ, có gan làm thì phải có gan chịu chứ, – Philip thở dài. – Mình rất thích làm việc cùng với cậu, Jake ạ. Chỉ tiếc rằng mọi người đã quay lưng lại chúng ta một cách đáng bu ồn như vậy.

– Thì cậu đã cố gắng làm tất cả những gì có thể làm được r ồi còn gì.

– Ủ, đã đành rằng thế...

Philip dừng lại ở giữa câu. Mắt anh mở to ra. Mũi anh phập ph ồng. Anh há hốc m ồm, nấc lên – cái phản xạ đã bị dập tắt từ lâu bỗng nhiên sống lại. Anh ngửa cổ, lấy hơi...

Philip hắt hơi.

Anh hắt hơi liên tục đến mười cái li ền và tái cả mặt đi. Anh nắm chặt lấy tay Jake và hai dòng nước mắt trào ra...

– Nguyên tắc đơn giản thật đấy, – Philip nói trong khi Ellie nhỏ thuốc xông và pha nước ngâm chân cho anh. Đã có kháng thể chống virus, thì cần phải tìm ra một kháng thể khác chống lại được kháng thể của chúng ta.

Anh hắt hơi và với một nụ cười chứa chan hạnh phúc, hít mạnh thuốc vào mũi.

– Nhưng liệu người ta có mau chóng đi đầu chế được nó không?

– Người ta sẽ đi đầu chế ra nó khi nào bị sổ mũi trở lại, – Philip nói với giọng khản đặc. – Nhưng vẫn còn một trở ngại.

– Trở ngại gì anh? – Ellie hỏi.

– Thuốc của bọn anh rất hiệu nghiệm, thậm chí quá hiệu nghiệm nữa, – Philip buồn bã trả lời. – vì vậy suốt đời anh không thể nào tránh khỏi bệnh sổ mũi nữa. Có lẽ anh phải bắt tay vào tìm kiếm một kháng thể khác chống lại kháng thể này.

NGUYỄN QUỐC TÍN dịch

MỘT CUỘC THÍ NGHIỆM

Edi Valich

(Ba Lan)

16 tháng tư

Khi tôi tỉnh dậy thì gian phòng còn tối. Nhưng ở ngôi nhà đối diện đã bắt đầu sáng nhờ nhờ. Tấm rèm cửa giống như một bàn cờ và vì các ô sáng của nó cứ tăng lên dần, nên tôi chợt nhận ra trời cũng sắp sáng rồi.

Cần phải cự mình và ngay lập tức thấy đau nhói. Tuy vậy, tôi cố đưa tay bật đài và khắp phòng tràn đầy tiếng nhạc. Tôi cảm thấy nhẹ nhõm hơn nhưng vẫn còn rất đau.

Tôi vội lấy chiếc phong bì nằm trên bàn ở đầu giường và đọc lại lá thư gửi đến từ tuần trước mà tôi đã thuộc lòng: “Ủy ban... tại cuộc họp... tổ chức tại Viên... rất tiếc báo để ông biết, vì có quá nhiều người xin nên trong năm nay không thể nhận ông vào làm việc tại máy XR-85. Đầu năm 1991, chúng tôi sẽ xem xét lại”.

“Đầu năm 1991... sẽ xem xét lại”... Tôi chẳng bao giờ tin vào các thầy thuốc, và lúc này cũng vậy. Nhưng không thể chống lại các số liệu. Tôi đã tự làm những phân tích cần thiết, tự mình lập chương trình cho máy tính.

Tôi đã giao cho máy cùng một câu hỏi và đưa ra những xác suất 10; 1; 0,1... Nhưng than ôi, kết quả luôn luôn là một. Đưa ra xác suất nhỏ hơn thì không có ý nghĩa.

Thế đấy, chẳng còn gì để hồ nghi. Thậm chí tôi tính cả ngày chết của mình: trong khoảng từ 10 đến 15 tháng năm. Còn không đây một tháng nữa.

Khó khăn lắm tôi mới lê vào được buồng làm việc, ngả xuống bàn viết chất ngồn ngang những bản đồ thị, hình vẽ, vi ảnh – có lẽ đây là những ngày tháng, những giờ phút cuối cùng mà tôi còn có thể làm được một cái gì đó.

Chính cái gì đó sẽ làm thay đổi cả quá trình diễn biến của câu chuyện.

27 tháng tư

Tiếng chuông điện thoại chói tai kéo tôi ra khỏi những ý nghĩ chán chường sau một đêm mất ngủ như thường lệ: Philadelphia gọi.

Trong óc tôi thoáng hiện một cái tên: Richard. Anh đã chết từ tháng trước. Và giờ đây, sau tròn một tháng im hơi lặng tiếng, Philadelphia lại gọi tôi.

Tôi nghe thấy, một giọng nói quen thuộc. Richard xin lỗi vì đã quá lâu không cho tôi biết tin tức gì về anh. Nhưng anh đã không để mất thời gian và đã hỏi xin hộ tôi tại Ủy ban ở Viên. Thực ra bây giờ vẫn chưa có kết quả, nhưng anh cho rằng không phải là đã hết hy vọng.

Rõ ràng là Richard đánh lừa tôi. Chẳng qua là anh không muốn để tôi mất hy vọng, cái hy vọng duy nhất mà vì nó tôi còn nán lại thêm hai tuần

cuối cùng này.

... Tự sát ư? Tự tử trước lúc mình buộc phải chết quả là một hành động ngu xuẩn. Vả lại, tôi cũng phải hoàn thành được một cái gì chứ. Có yếu tố nổi loạn ở trong đó. Nổi loạn và mất trí. Không lẽ chết đi mà chẳng để lại được một cái gì.

Tôi ng ồi h ồi lâu và suy nghĩ v ềđi ều đó. Trời tối nhưng tôi không thấp nển. Và đột nhiên – lúc này đúng vào nửa đêm – tôi nghe thấy tiếng ô tô, hãm máy, ngay dưới cửa sổ. Tiếng chân leo lên thang gấp gấp và ai đó đấm cửa thành thành.

Tôi c ần lấy chiếc gậy và khập khiễng bước ra. Đó là Cristina, cô trợ lý của tôi. Cô nắm lấy tay tôi và kêu toáng lên:

– Chuyện kỳ lạ. Lạ vô cùng. Đi nhanh lên ông. Ông sẽ tự mình trông thấy.

Tôi chẳng nói gì thêm và quay trở lại cái xe lăn dành cho người tàn tật của mình. Nhưng Cristina đã đỡ tôi dậy, quàng vai dìu tôi ra xe.

Tôi hiểu lúc này thì cô ta chẳng nói gì đâu. Chúng tôi chỉ im lặng. Thậm chí tôi quên cả đau. Ô tô dừng lại trước phòng thí nghiệm của chúng tôi, bên trong vẫn để đèn dù rằng đã muộn. Cristina giúp tôi bước vào nhà.

Mấy chiếc bàn như thường lệ chất đ ầy những bình nuôi cấy mô, trong đó chúng tôi đang nuôi vi khuẩn. Chất thuốc, được xử lý bằng nơtron ở tần số của trường điện từ 12866 megahertz, đang nằm dưới kính hiển vi điện tử.

Tôi liếc nhìn vào thị kính.

Tôi đã thấy cái mà tôi hằng mong ước bấy nay.

Trên nền xanh lá cây nhạt có thể phân được rõ ràng những tiểu thể virus cùng bị ức chế giống hệt nhau bằng neutron.

Cristina chạy đi chạy lại trong phòng thí nghiệm, hai tay vỗ vào nhau và kêu khe khẽ.

Tôi không thể nào rời khỏi chiếc kính hiển vi nữa.

Không. Đâu phải là đã mất hết hy vọng!

28 tháng tư

Suốt từ sáng, điện thoại gọi đến không ngừng. Trên tấm bảng phân phối của điện thoại truyền hình, những bóng đèn kiểm tra liên tiếp nhấp nháy. Tôi không sao tắt máy được. Từ các thành phố đều gọi điện cho tôi, gắng hỏi tỉ mỉ từng chi tiết, yêu cầu những số liệu mới.

Khoảng 11 giờ thì Philadelphia gọi điện tới. Richard chúc mừng thành công. Giọng nói của anh biểu lộ niềm vui thực sự: không còn nghi ngờ gì về những quyết định đúng đắn của Ủy ban. Ngày mai sẽ có một cuộc họp bất thường để xem xét lại đề nghị của tôi.

Cho tới rất khuya, tôi vẫn ngồi trước máy truyền hình nổi, bật hết kênh này sang kênh khác. Tôi chỉ quan tâm đến những tin tức cuối cùng. Trên màn ảnh, bất kỳ chương trình nào trước sau cũng đều giới thiệu thiết bị mà tôi chế tạo với con số thần kỳ 12866 – tần số của trường điện từ, trong đó dòng neutron tác dụng một cách có chọn lọc đã tiêu diệt những vi trùng nguy hiểm quen thuộc đối với con người.

29 tháng tư

Chiều hôm nay, qua điện thoại truyền hình từ Viên, người ta thông báo cho tôi biết: Ủy ban đã quyết định vấn đề theo ý muốn của tôi. Ngày mùng một tháng năm, tôi phải có mặt ở Paris, trong bệnh viện đa khoa của giáo sư Tibo.

30 tháng tư

Buổi sáng, ông giám đốc Trường đại học và ông thị trưởng thành phố đến thăm tôi. Họ cho biết là chương trình tang lễ của tôi đã được quyết định tiến hành với những nghi thức trọng thể. Ấn định vào ngày 6 tháng năm. Quan tài sẽ được quàn tại đại giảng đường Trường đại học. Cuối lễ viếng, tang khúc sẽ được cử tại Nhà hát giao hưởng.

... Buổi chiều tôi đáp máy bay đi Paris. Tôi ra sân bay trong chiếc xe hơi mui trần. Ngoài phố, người đi lại không nhiều nhưng một đám đông đón tôi tại sân bay. Sự chú ý của những người này cũng dễ hiểu: họ muốn nhìn tận mặt tôi lần cuối cùng.

Khi bước lên thang máy bay, tôi những muốn kêu lên: “...Hẹn gặp lại các bạn tại lễ truy điệu”, nhưng tôi đã kịp thời cắn lưỡi lại.

1 tháng năm

Tôi đã tới Paris. Tôi ngủ trong một gian phòng lớn, sáng sủa. Bệnh viện ở gần công viên Luxembourg. Mùi thơm ngan ngát của cây cỏ đang mùa hoa lọt vào qua cửa sổ.

Tibo cho mời tôi. Đó là một người đàn ông đẹp lão, tóc bạc. Tôi đã là bệnh nhân thứ tám của ông, nên ông vui vẻ kể cho tôi nghe về mọi chi tiết

của cuộc phẫu thuật này.

... Họ đặt tôi vào cáng và khiêng tới phòng phẫu thuật nổi tiếng số 15. Sau bức tường bằng thủy tinh, một nhóm sinh viên sẽ theo dõi quá trình mổ. Những bóng đèn rọi của thiết bị truyền hình nổi rực sáng. Giáo sư vẫn còn mặc bộ áo đuôi tôm. Ông hỏi tôi thích nghe bản nhạc nào lần cuối cùng.

Tôi chọn bản giao hưởng của Verniapski. Nhạc nổi lên. Tibo đưa cho tôi một chai sâm banh. Tôi uống một ngụm. Tôi thấy giáo sư thấp thoáng trong bộ áo choàng trắng như tuyết, rồi tôi không còn nhìn thấy gì nữa.

Cuộc phẫu thuật đã bắt đầu.

5 tháng năm

Tôi tỉnh dậy trong bóng tối dày đặc. Và chẳng, có nên tin vào điều nói ra không? Và có nên nói hay không? Tôi không thể nói. Và tôi cũng không thể “tỉnh dậy”! Chẳng qua đó là lúc mà con người già từ mộng mị và cảm nhận được những âm thanh của thế giới hiện thực. Đầu óc tôi trở lại hoạt động sau khi bị cưỡng bức nghỉ không làm việc bằng xung lượng của máy kích thích từ ngoài.

Thế là tôi bắt đầu suy nghĩ. Hay đúng hơn là bắt đầu nhận thức cái mà mình suy nghĩ. Tôi hồi tưởng lại tất cả những gì đã xảy ra và tự an ủi mình bằng một phương châm của tam đoạn luận:

– Ta tồn tại, và ta biết rằng mình tồn tại.

Tôi tự nhủ: thế là đã thực hiện được điều mình hằng mơ tưởng – cuộc phẫu thuật đã thành công. Bộ óc của tôi đã nằm trong cái thiết bị quý báu

có một không hai ấy, đảm bảo duy trì những hoạt động sống bình thường của nó, điều mà tôi đã giao quyền quyết định cho Ủy ban ở Viên. Bộ não của tôi đang sống. Trong giờ phút này, mỗi một suy nghĩ của tôi đều được ghi lại trên màn ảnh để cho một nhóm chuyên gia, đứng đầu là chính giáo sư Tibo, nghiên cứu. Nếu như kết quả khả quan, lập tức người ta sẽ để cho thị giác hoạt động.

Tôi cảm thấy – không nhìn thấy nhưng vẫn cảm thấy – một tia sáng bùng lên, rồi sau đó dường như lại tối đi. Nhưng đó không phải là cái bóng tối bao quanh tôi. Cái bóng tối ấy thì trống rỗng, còn bóng tối này lại tràn đầy một cái gì đó: lúc này, tôi cảm thấy và tôi tin rằng nó hoàn toàn không có giới hạn.

Sáng dần, sáng dần và các đồ vật dần dần hiện ra. Tôi đang ở trong phòng khách của Tibo. Giờ thì rõ lắm rồi. Tôi đã nhận ra những người đứng trước mặt. Trong số này có cả giáo sư. Ông hỏi:

– Ông thấy trong người ra sao?

Những lời nói của Tibo hiện trên màn ảnh trong khi tôi vẫn trông thấy ông.

Hình như tôi không trả lời, nhưng trên một màn ảnh khác, lấp loáng những từ, những câu, những đoạn. Quá nhiều đến mức tôi không nhận thức nổi. Tôi tò mò theo dõi sự thể hiện ý nghĩ của chính mình. Cuối cùng, tôi đã chế ngự được chúng và chấp lại thành câu “Cảm ơn giáo sư, tôi thấy khỏe”.

Nhưng trên màn ảnh, ở phía sau, những suy nghĩ cứ tiếp tục nhảy nhót mà tôi không chia sẻ được với ai. Một môn học quái gở – nghĩ trên màn

ảnh. Mặc dầu thấy sung sướng vì mình đang sống, tôi vẫn mong muốn kết thúc cái trò này càng sớm càng hay.

Giáo sư mỉm cười, bảo:

– Được rồi, tôi sẽ cho kết thúc. Chúng tôi lắp cho ông thính giác và giọng nói ngay bây giờ đây. Còn thị giác thì tạm đóng lại đã.

Dòng suy nghĩ chợt chậm hẳn đi, tôi buồn ngủ quá và thiếp đi mà không kịp nhận ra là mình đang ngủ một cách gượng ép. Đã đến lúc bắt thiết bị bỏ sung.

... Lại một cái gì đó bùng lên. Và tôi lại suy nghĩ, lại bắt đầu nhìn. Hơn thế nữa, tôi còn nghe được nữa chứ. Tôi nghe thấy tiếng nhạc – chính là bản giao hưởng của Verniapski mà giáo sư Tibo đã bật khi bắt đầu cuộc giải phẫu.

Trong phòng đã sáng hẳn. Tôi nghe rõ tiếng gõ cửa. Tôi chưa kịp suy nghĩ thì giọng nói của chính tôi đã vang lên:

– Xin mời vào.

Giáo sư Tibo bước vào.

– Xin chào ông. Công việc thế nào?

Tôi đáp:

– Không thể khá hơn. Ông có hài lòng về tôi không?

– Rất hài lòng. Tất cả đều đầu vào đấy.

– Hôm nay là ngày mấy rồi?

– Ngày 5 tháng năm.

Tôi ngẫm nghĩ rồi nói:

– Thế ra ngày mai đã làm lễ tang tôi.

– Đúng thế. Ông muốn tự mình tham dự hay xem trên vô tuyến truyền hình nổi?

– Thế nào là “tự mình”?

– Chúng tôi sẽ cử đến đó một nhân viên của bệnh viện, anh ta sẽ thực hiện mọi mệnh lệnh của ông. Anh ta sẽ mang theo những cơ quan thị giác và thính giác tương tự như các bộ phận đó của ông hiện nay. Các tín hiệu sẽ được truyền đến bệnh viện nhờ các thiết bị vô tuyến và ông sẽ có cảm giác hết như đang có mặt tại đó...

– Ông bảo đảm là sẽ giữ bí mật chứ? – Tôi hỏi.

– Dĩ nhiên. Tôi hiểu là ông muốn mai danh ẩn tích. Cũng như những người đã thực hiện thí nghiệm này trước ông. Nhưng vì sao ông lại muốn tham dự lễ tang của chính mình.

Tôi định cười trả lời nhưng không sao được. Yên lặng một vài giây. “A, – tôi đã nghĩ ra, – mình không được cười. Mình không được tham dự vào những chuyện đại loại”.

Tôi bảo giáo sư:

– Tôi còn một yêu cầu nữa. Tôi muốn trông thấy mình...

– Không sao. Đó là một yêu cầu thông thường. Để làm điều đó, chúng tôi có một hệ thống đặc biệt.

Giao sư ấn một cái nút. Một chiếc gương hiện ra trên tường. Tôi đã nhìn thấy mình, hay đúng hơn, các cơ cấu thay thế cho những cơ quan

cảm giác để tôi liên hệ được với thế giới bên ngoài: ba cái hộp lớn trên bàn, có trang bị những máy móc kiểm tra và hệ thống các thiết bị đi đầu chính. Trong một hộp, sau màn ảnh bằng thủy tinh là... đôi mắt. Một đôi mắt người thực, có khớp nối và góc nhìn khá lớn. Hình như đó là đôi mắt của tôi, một bộ phận của chính tôi, mặc dù tuyệt nhiên, không phải mắt tôi. Tôi bị cận thị, còn đôi mắt này không có kính vãn tinh tường. Ngoài ra, mắt tôi nâu sẫm, còn đôi mắt này lại đen.

– Cảm ơn giáo sư, bây giờ...

– Bây giờ ông muốn thấy tất cả được lắp ráp như thế nào phải không?

– Tibo nói khẽ, – Rất đơn giản. Ông hãy nhìn lên màn ảnh.

Trên màn ảnh hiện ra khung cảnh một gian phòng khá lớn, ngổn ngang những dụng cụ lạ lùng và chằng chịt những dây dẫn. Toàn bộ các dây dẫn đều tập trung vào một điểm mà tôi không nhìn thấy. Tâm điểm đó chính là tôi. Bộ não của tôi được gìn giữ ở nhiệt độ ổn định, nối liền với hàng ngàn đường dây.

Tôi băn khoăn: làm sao biết được là mình ở đâu? Ở gian phòng có ba cái hộp thần kỳ và đang nói chuyện với giáo sư, hay ở một địa điểm nào đó giữa những máy móc rất phức tạp? Cuối cùng, tôi cho rằng hợp lý nhất là quan niệm đôi mắt ở đâu là chính mình đang ở đấy.

6 tháng năm

Đúng chín giờ, người ta “nối tiếp” tôi với Michel, một nhân viên trong bệnh viện của Tibo. Sau khi mang theo một máy cảm biến, anh đi ô tô đến trường đại học. Tôi đã ở thành phố của tôi. Trời u ám. Mưa lâm thâm. Khách bộ hành lờ lững dưới những chiếc ô.

Tôi đề nghị Michel ghé vào giảng đường khi mọi người còn chưa tập hợp. Chúng tôi đã đến đúng lúc. Giảng đường còn chưa có ai. Michel bước tới một chỗ cao, nơi đặt chiếc quan tài có nắp trong suốt. Từ xa, tôi đã nhìn thấy chính thi hài của mình. Ánh sáng chiếu xuống mặt, trông tôi không tới năm mươi tuổi. Tôi thấy hài lòng.

Giảng đường đông người d ãn. Vào 9 giờ 30 phút, lễ tưởng niệm bắt đầu. Lơ ãng nghe các diễn giả, tôi sốt ruột chờ đợi bài phát biểu của mình đã gửi đến từ trước trên băng từ. Bài phát biểu của tôi không lấy gì làm t ãi: tôi hiểu được đi ãu đó qua nét mặt của những người tới dự lễ. Có đi ãu, thỉnh thoảng trong bài có gài những ý châm chọc, nhưng chắc không ai để ý.

Khi tôi theo thi hài mình vào nghĩa trang, trời lạnh buốt hơn buổi sáng. R ã mưa to. Tôi tò mò nhìn đám người cứ thừa d ãn. Ngay cả những người thân nhất của tôi cũng vụng trộm bỏ về. Tôi chỉ thương Michel không mang theo ô, tôi bảo anh đưa tôi về bệnh viện.

Thế là lễ tang đã kết thúc. Bây giờ chỉ nên nghĩ đến tương lai. Thật tuyệt vời khi biết rằng từ nay thời gian không hạn chế được mình nữa.

NĂM NĂM SAU

27 tháng tư

Bài giảng hôm nay tôi đã trau dồi quá t^hĩ.

Tôi hiểu được điều đó qua phản ứng của người nghe. Thông thường họ chăm chú theo dõi đôi mắt tôi đặt tại bục giảng. Nhưng lúc này chẳng ai thèm nhìn tôi cả. Sinh viên, cũng như tôi, thả suy nghĩ của mình tận đâu đâu.

Tôi không muốn kéo dài tình trạng này, bảo họ:

– Buổi học hôm nay sẽ kết thúc sớm hơn 2 giờ.

Các thính giả nhón nhịp h^ản lên và tôi cũng vội vã chuyển mạch sang chiếc máy đặt trong phòng mình.

Một giờ nữa, Anna sẽ tới.

Tôi chuẩn bị đón cô. Nhưng khái niệm “chuẩn bị” phải như thế nào đây? Tôi cần phải làm gì? Bốn cái hộp bảo đảm cho tôi liên hệ với thế giới xung quanh đó là thị giác, tiếng nói, thính giác, và gần đây được bổ sung thêm khứu giác nữa – lúc nào cũng hoạt động hết sức chính xác.

May quá, tôi vẫn còn có thể xúc động, cứ từng phút lại nhìn lên đồng hồ, suy nghĩ, hình dung ra cô ta lần đầu tiên bước vào nhà, và tôi lắng nghe tiếng động của những chiếc xe hơi qua lại.

Đúng năm giờ, tôi nghe thấy tiếng xe dừng ở cửa. Rồi có tiếng mở cửa, tiếng chân bước trên cầu thang: Anna.

Cô ta ôm theo một bó hoa tử đinh hương (tôi nhận ra ngay qua mùi). Tôi nhìn Anna và im lặng. Cô ta lại gần cái bàn mà tôi được đặt trên đó. Cô ta hôn những bông hoa và đặt xuống trước “mặt” tôi.

– Cảm ơn. Và cảm ơn một lần nữa vì em đã mặc rất đẹp.

Anna đỏ mặt lên. Có lẽ tôi cũng vậy (chỉ có điều không ai có thể thấy được).

– Em nấu gì bây giờ đây? Anh có tạp dề chứ?

– Tất cả những gì cần để nấu nướng đã sẵn trong bếp, – tôi trả lời. – Còn tạp dề thì e rằng không có.

Anna bước ra. Tôi nhìn theo.

Chúng tôi quen biết nhau đã hai năm. Anna là sinh viên của tôi và thường tham gia vào những buổi hội thảo do tôi tổ chức. Chúng tôi kết bạn với nhau.

Hôm nay là ngày kỷ niệm lần thứ năm cái phát minh làm tôi tởn tởn tại như hiện nay. Tôi tổ chức một buổi chiêu đãi. Tôi mời một vài người bạn, trong đó có cả sinh viên của tôi. Anna đồng ý đóng vai chủ nhà. Chúng tôi sẽ cùng tiếp khách.

Tôi nghe thấy tiếng chuông điện đầu tiên. Khách bắt đầu tới. Anna đóng vai mình một cách tuyệt vời. Mọi người tranh nhau tặng bốc món thịt hân do cô nấu. Nhìn khách ăn một cách ngon lành, tôi cảm thấy như mình cũng đói. Than ôi!

Khi bầu không khí đã trở nên hoàn toàn thoải mái, tôi chiếu cho khách xem một bộ phim mới nhất của mình, quay trong một chuyến công tác. Tôi vừa mới ở Brazil ba tháng. Chúng tôi đi tới cả những vùng rừng nguyên thủy chưa ai đặt chân tới. Chúng tôi tìm đến cả những tòa nhà đồ sộ xây dựng theo phong cách của những người da đỏ với các chi tiết độc đáo. Quả là những phát minh khảo cổ học rất đáng chú ý. Bộ phim thật hấp dẫn. Và

cuộc thám hiểm cũng cực kỳ nguy hiểm. Trên đường đi không ít những cuộc phiêu lưu và nhiều khi kết thúc khá bi thảm.

Những hình ảnh vẫn lấp loáng. Tôi thuyết minh. Khán giả nín thở nghe từng lời. Tôi cảm thấy hãnh diện. Họ hầu như không hiểu được những cái mà đối với tôi rất bình thường. Cuộc thám hiểm gay go, đầy gian nguy là sự thử thách không thể nào quên được đối với những người mang đôi mắt tôi, giọng nói tôi, đôi tai và cả khứu giác của tôi nữa. Đối với tôi, tất cả những điều đó giống như cuốn phim quá dài và chán ngắt. Tôi không thể bị chết trong cuộc thám hiểm này. Còn những cái hộp? Chúng đã được lắp lại thành một vài bộ hoàn chỉnh. Một bộ đặt tại trường đại học, nơi tôi giảng bài, bộ thứ hai trong căn phòng của tôi tại nhà riêng, bộ thứ ba trên ban công trong khu vườn nhân tạo để mỗi buổi chiều tôi có thể nghe những âm thanh từ phố phường vọng đến. Và bộ thứ tư, tại phòng thí nghiệm nằm kề với căn hộ của tôi, có khí hậu nhân tạo và được sự trông nom thường xuyên của người đã qua đào tạo đặc biệt, bảo đảm an toàn tuyệt đối để bộ não tôi sống.

Thỉnh thoảng, tôi nhìn sang Anna. Cô ta không dứt ra được khỏi màn ảnh. Tôi chỉ muốn cô là một trong những người đã mang tôi vào rừng rậm trong cuộc thám hiểm, là một trong những người khỏe mạnh và can đảm đó. Đột nhiên, Anna quay lại nhìn tôi, như thể nhìn vào... một con người thực sự.

Chúng tôi đã uống khá nhiều. Nghĩa là khách đã uống, nhưng sự hào hứng của họ lan truyền sang tôi.

Một người nào đó đề nghị khiêu vũ. Liệu tôi có hình dung ra được một cái gì đó không?

Họ khiêu vũ trước bàn tôi đang “nằm”. Từng cặp lướt qua mắt tôi, che lấp Anna. Nhưng đôi khi tôi cũng nhìn thấy cô ta và tôi cảm thấy lòng xao xuyến. Vì lẽ gì? Không hiểu đôi mắt – bộ phận duy nhất lấy từ cơ thể sống của tôi – có tổ giác suy nghĩ thầm kín đó của tôi không?

Một người khách tiến lại gần Anna và mời cô nhảy. Lưng anh ta che khuất Anna. Rồi họ hiện ra trước mắt tôi, chỉ cách có hai bước. Có lẽ Anna từ chối còn anh ta cố nài nỉ. Sau đó lưng anh ta cũng biến mất. Có nghĩa là Anna đã dứt khoát từ chối. Cảm ơn Anna. Cảm ơn em.

Khách đã ra về sau lúc nửa đêm. Anna về cuối cùng. Khi từ biệt tôi, cô nói dịu dàng:

– Ngày mai, em sẽ trở lại dọn dẹp.

9 tháng năm

Anna lại chơi tôi luôn. Cô thường ngồi trên chiếc ghế bành đặt bên tôi. Tôi nhìn thấy rõ từng đường nét của Anna, cảm thấy mùi hương từ người cô, thuộc lòng những câu nói của cô, để sau đó khi cô đã ra về tôi tưởng tượng ra một thế giới sẽ không bao giờ có.

Chúng tôi chuyện trò hàng giờ, quên cả bức tường ngăn cách hai người. Nhưng đôi khi đột nhiên, tôi thấy buốt nhói, như vấp phải một vật chướng ngại. Tôi không thể diễn tả được cảm giác đó. Có thể là do bị va chạm vào thành hộp chứa.

12 tháng năm

Hôm nay là sinh nhật Anna. Cô ta tròn hai mươi hai tuổi. Tôi khẩn khoản nhờ một người bạn mang tôi đến một vài cửa hàng lớn. Anh ngạc nhiên... Tôi chọn một sợi dây chuyền ngọc trai, vài thứ lặt vặt và một chiếc áo khoác xanh lá cây nhạt. Anna có nước da hơi xanh, mái tóc đen dài. Tôi nghĩ rằng chiếc áo khoác này hợp với khuôn mặt cô.

Buổi tối. Chúng tôi ngồi nghe nhạc bên nhau. Tôi bảo Anna mở chai sâm banh. Cô rót tượng trưng cho tôi một cốc và uống cạn cốc kia để mừng người được kỷ niệm. Tôi bảo Anna mở gói quà. Cô rất ưng tặng phẩm, vỗ tay sung sướng. Nhiều sâm banh quá. Mắt cô ánh lên những tia sáng.

Tôi bảo Anna thử áo. Cô cởi cúc áo sơ mi, nhưng đỏ mặt lên và cầm áo khoác chạy ra ngoài cửa. Lúc đó tôi nghe thấy giọng nói của mình. Tôi nghe rõ lời mình.

– Dừng lại, Anna... Anh muốn...

Im lặng. Tôi sợ hãi.

Anna cởi áo. Rồi lại bỏ chạy. Tôi nghe thấy tiếng khóc của cô trong gian phòng bên cạnh.

Tôi gọi Anna quay lại.

Cô quay lại. Trong chiếc áo khoác màu xanh lá cây nhạt. Chuỗi hạt trai quanh cổ. Anna đã khóc.

Tôi nói:

– Xin lỗi em...

Anna không nhìn tôi. Và tôi không hiểu cô nghĩ gì.

– Anna, – tôi nói, – anh không hiểu mình đã làm gì. Xin lỗi em, sự việc đó sẽ không bao giờ tái diễn.

Anna không trả lời. Tôi van nài:

– Sẽ không bao giờ tái diễn. Anh xin em. Có lẽ chúng ta sẽ không được thấy nhau nữa...

Anna ngẩng đầu lên, nhìn tôi và nói:

– Em không muốn thế. Chúng mình sẽ vẫn thấy nhau. Em sẽ đến với anh hàng ngày. Em luôn luôn ở bên anh.

Tôi bối rối quá chừng.

16 tháng năm

Tôi bảo Anna rằng tôi sẽ ra đi. Cô nhìn tôi lo lắng.

– Đừng sợ. Anh chẳng làm đi đâu gì ngu ngốc đâu... Thậm chí anh muốn... Anh đi để tìm hiểu một việc. Em biết không, có lần anh đã bị rơi vào tình thế tuyệt vọng. Và một đi đâu kỳ diệu đã chợt đến với anh. Có thể anh sẽ là người hạnh phúc, phải không Anna? Liệu đi đâu đó có đến với anh lần nữa không?

Tôi lên đường đi Philadelphia.

19 tháng năm

Hôm sau tôi đến gặp Richard. Chưa kịp nói đi đâu gì tôi đã vội vã kể với anh về Anna. Richard lắng nghe, không ngắt lời tôi. Anh được cấu tạo hơi khác tôi, tuy cũng là một người không cơ thể, cặp mắt anh đặt lại tâm điểm

của hệ thống gương khuếch đại, vì thế trông rất to. Nhìn vào đó, người ta có thể đọc thấy bất cứ một nét nào của cơ thể anh. Nhưng lần này đôi mắt anh sao mà kín đáo, chỉ đôi lúc thoáng có vẻ thương hại. Tôi bực mình hỏi vặn tất.

– Đối với mình câu chuyện về Anna không phải là chuyện tầm phào. Mà cũng chẳng phải là sai lầm của cuộc thí nghiệm. Biết đâu nó chẳng xóa bỏ cả cuộc thí nghiệm. Đã đến lúc mình phản đối sống dưới hình thức những chiếc hộp thế này. Nếu không thoát ra được, thì...

– Thì cậu làm gì? – Richard ngắt lời tôi. – Cậu sẽ tự sát như ngày xưa ngày xưa ấy à?

Tôi im lặng. Richard nhìn tôi một cách độ lượng:

– Để tớ chiếu cho cậu xem một cuốn phim.

Anh bật máy chiếu. Màn ảnh lấp lánh tuyết trắng. Mùa đông. Đồi núi. Mặt Trời. Một cô gái Mexico nước da bánh mật có cặp mắt to nhí nhảnh. Một thanh niên Thụy Điển cao lớn, tóc bạch kim, một nhà trượt băng xuất sắc. Trên phim, khi thì anh, khi thì cô gái. Rõ ràng là họ quay phim lẫn cho nhau. Sau đó là buổi tối ở túp lều trên núi. Ánh lửa hồng rực rỡ trong lò sưởi.

Phim tắt. Tôi nhìn sang Richard. Anh nhìn hờ hững. Tôi hiểu rằng anh đang thả suy nghĩ tận đâu đâu. Dường như đối với anh cuốn phim còn chưa kết thúc. Rồi anh hỏi:

– Cậu có thích Margarit không? Cô thiếu nữ trong phim ấy mà?

– Rất thích. Nhưng để làm gì? Cậu muốn nhắc nhở mình về những đi đâu mà bọn người như chúng ta không sao đạt được phải không?

– Không sao đạt được à? Cậu tưởng thế sao? – Richard hỏi lại. – Đây là cuốn phim mà chính tớ và Margarit quay tháng trước khi bọn mình đưa nhau đi trượt băng ở Colorado.

– Bọn cậu quay? Cậu trượt băng – Tôi như phát điên lên.

– Tất nhiên, cậu không tin tớ à? Chờ một phút, rồi cậu sẽ hiểu.

Đôi mắt anh chợt đờ đẫn và mờ đi. Những dụng cụ lắp thành Richard đã chết – tất cả những ngọn đèn kiểm tra đột ngột tắt ngấm. Yên lặng bao trùm. Nhưng chỉ một phút sau, tôi nghe thấy có tiếng chân ở phòng bên. Và cuối cùng, tiếng gõ cửa.

– Xin mời vào, – tôi nói.

Cửa bật mở. Chàng thanh niên Thụy Điển tóc bạch kim ở trong phim hiện ra trên ngưỡng cửa. Anh ta nhìn tôi một cách đặc thảng và nói bằng một giọng giống hệt Richard.

– Chắc cậu vẫn chưa tin tớ với Margarit đã ở Colorado?

– Cậu ấy à? Nhưng cậu là ai đây? Cậu... lột xác như thế nào mới được chứ?

– Hết sức đơn giản. Ban đầu, tớ bị dẫn dắt sớm hơn cậu rất nhiều. Và cũng sớm hơn cậu, tớ làm như đã thoát khỏi ràng buộc của bộ não quý giá nhưng được bảo vệ chu đáo này. Vừa lúc, ông Olav xuất hiện. Đó chính là anh chàng đang đứng trước mặt cậu đây. Hắn là sinh viên y khoa từ Oslo tới. Hắn đề nghị được ký giao kèo với tớ. Hắn đang cần một món tiền khá lớn mà không xoay đâu ra. Hắn tuyên bố cho tớ thuê chính bản thân hắn. Trong hai năm chẳng hạn. Olav khá am hiểu về sinh lý học thần kinh; đề nghị của hắn chẳng vô lý chút nào đâu. Chúng tớ cùng nhau phân tích và tớ

hiều ra rằng dự án ấy hoàn toàn có thể thực hiện được. Chúng tớ ký một hợp đồng. Các cộng tác viên của tớ đã lắp ráp một hệ thống thông tin; nhờ đó Olav phải xác lập tất cả những mệnh lệnh của tớ thay cho những suy nghĩ phát ra từ bộ não của chính mình. Cuộc phẫu thuật ấy không gây ra một hậu quả nào và diễn ra thuận buồm xuôi gió. Từ đó trở đi, hần là tớ. Chỉ có tớ. Trong hai năm, bộ não của hần được hoàn toàn nghỉ ngơi, không tiếp nhận bất cứ một sự kích thích nào. Trong hai năm, tớ sẽ được sống một cuộc sống bình thường, trong khi đó hần chỉ sống vài phút để xuất hần và sau đó nhập lại hần.

Richard vừa nói vừa đi đi lại lại trong phòng. Tôi theo dõi những động tác của anh, những bước đi nhún nhảy của anh một cách ghen tị. Tôi nhìn anh hút điếu thuốc lá thơm một cách thèm khát... Dường như anh nhận thấy vẻ ghen tị trong mắt tôi. Anh ngẩng xuống ghế, ngắm nghía những máy móc vô tri vô giác đặt trên bàn. Anh nhìn chúng một cách trù mến.

– Đã tròn một năm kể từ ngày chúng tớ ký hợp đồng. Đó là một năm tuyệt diệu, – Richard nói. – Phải nhận rằng tớ làm việc không nhàn. Tớ lang thang khắp mọi nơi. Đi tìm cảm giác. Đi ve vãn các cô gái... Mà cậu biết không, tớ đã quá mệt mỏi vì những trò ấy rồi. Thậm chí phát ngấy lên và đâm ra khát khao làm việc, mong đợi từng giờ đến lúc lại được bắt tay vào công việc... Thế đấy, – anh nhìn thẳng vào mắt tôi. – Thế này nhé. Nếu cậu muốn, cậu hãy sử dụng một năm còn lại của mình theo hợp đồng. Cậu nhận hộ mình nhé. Hai bên đều có lợi mà.

25 tháng năm

Đường từ Philadelphia về mất sáu tiếng. Khi tôi về đến nhà thì trời đã tối mịt. Lúc đó, tôi chợt nhớ ra là mình sẽ mở cửa bằng gì đây? Thực ra, tôi có thể chuyển mạch qua bộ thiết bị đặt ở trong nhà, và từ phía trong có thể mở được cửa nhờ một tế bào quang điện. Nhưng tôi lo cho chính mình. Tôi sợ phải để lại ở ngoài phố cái lớp vỏ bọc không có khả năng suy nghĩ của mình, nên cứ đứng mãi mà chẳng biết phải vào bằng cách nào.

Cuối cùng, đợi lúc phố vắng người, tôi lao theo ống máng lên ban công, đập vỡ một cánh cửa sổ rồi luồn lách qua ô kính vỡ trèo vào trong nhà.

Thế là tôi đã vào được phòng mình. Tôi đi lại trong phòng, cảm nhận mọi thứ đều khác, vì đã có một cách nhìn khác hẳn. Tôi sờ tay vào từng vật bày biện trong nhà. Tôi ngắm nghía mình rất lâu trong gương. Rồi tôi đi lại bàn, nơi có đặt một tấm ảnh của Anna. Tôi nhắm mắt lại và hình dung ra cô ta. Sẽ thế nào đây? Tôi cần chuẩn bị gì cho cuộc gặp gỡ đầu tiên này? Khó thật. Làm thế nào để Anna tin ngay rằng người nàng gặp trong gian phòng này chính là tôi. Tôi bước chậm rãi trong phòng mà không nghĩ ra được điều gì.

Đột nhiên, tôi chợt nhớ ra. Tôi chạy vào bếp. Trên ngăn rượu, may sao vẫn còn lại vài thứ gì đó. Tôi rót một cốc cô nhắc, pha cà phê đặc, vặn nhạc rồi ngẩng vào bàn.

Lúc này tôi đã trở nên minh mẫn hơn. Sau cốc rượu thứ hai, đầu óc thật sáng khoái. Kế hoạch bắt đầu hiện ra từng chi tiết như trong một kịch bản điện ảnh... “Sự việc sẽ như thế này...”

Có tiếng xe rin rít dưới cửa sổ. Ô tô đã dừng lại. Tôi chạy ra ban công và nấp sau tấm màn nhung.

Chiếc ô tô màu trắng mui trần đỗ lại ở cửa. Một mái tóc đen óng mượt. Chiếc áo khoác xanh lá cây nhạt. Một cặp mắt sợ hãi ngược lên... Tất cả các cửa sổ trong phòng tôi đều sáng. Nhạc vang lên. Anna hiểu ngay rằng có ai đó ở trong nhà. Cô còn nhận thấy cả những mảnh kính rơi vỡ. Anna bước nhanh xuống ô tô. Cô luống cuống và hình như suýt khóc.

Tôi sửng sờ. Tôi không biết mình phải làm gì. Đột nhiên, tôi hét lên:

– Anna!

Cô nhìn lên ban công nhưng không thấy ai. Tôi vẫn đang bị tấm màn nhung che khuất. Tôi gào lên:

– Anna! Anh đây. Anh đã về. Lại đây em.

Anna chạy lên. Tôi lao ra đón cô. Chúng tôi gặp nhau ở cầu thang. Chúng tôi yên lặng nhìn nhau hồi lâu.

Rồi chúng tôi hôn nhau như bất cứ người nào trên thế giới này. Tôi lẩm bẩm một câu gì mơ hồ, nhưng không thốt ra được một lời nào.

MỘT NĂM SAU NỮA

25 tháng năm

Tôi lại ở trong phòng mình, trong bốn cái hộp. Tôi nhìn thấy Anna qua cánh cửa mở.

– Sắp năm giờ rồi. Một tiếng nữa khách sẽ đến. Em đã chuẩn bị xong chưa?

– Xong cả rồi. Anh có muốn em mang anh ra ngoài phòng khách không? Anh sẽ thấy tất cả đầu trang hoàng lộng lẫy...

Tất cả đầu lộng lẫy thật: bàn ghế, hoa, cốc tách. Có tiếng chuông đầu tiên ngoài cửa.

– Các bạn thân mến. Chúng tôi có hai lý do để mời các bạn đến chơi hôm nay. Thứ nhất, hôm nay là đúng một năm kể từ ngày tôi tới Philadelphia. Một năm không gặp lại các bạn. Tôi đã xin nghỉ việc ở trường đại học, viết sách và đi đây đi đó.

Nhưng có một lý do thứ hai – đó là đám cưới của chúng tôi. Chúng tôi lấy nhau đã được một năm. Nhưng rất tiếc chúng tôi đã không thể mời các bạn sớm hơn.

Sao các bạn lại yên lặng thế? Tôi không nghe thấy một tiếng vỗ tay nào. Có thể, các bạn tưởng rằng tôi mất trí rồi sao? Thật đáng xấu hổ. Các bạn phải biết rằng, bộ não đặt trong chiếc máy tuyệt vời của giáo sư Tibo không bao giờ bị mất trí cả. Nhưng tôi hiểu sự im lặng của các bạn. Tôi không giận các bạn đâu.

Các bạn là những người thân của tôi. Tôi biết rằng các bạn sẽ hiểu tất cả một cách đúng đắn. Ngày hôm nay cuộc thí nghiệm thứ hai của tôi đã hoàn thành. Tôi mong các bạn cũng nhận thấy là nó quan trọng như thí nghiệm trước.

Các bạn thân mến, các bạn hãy vui lên. Cho chúng tôi xin lỗi vì phải rời khỏi nơi đây. Nghĩa là Anna đi ra khỏi phòng và những ngọn lửa trong

bốn chiếc hộp này sẽ tắt. Ngày cưới của chúng tôi, chúng tôi có quyên ở bên nhau chứ. Chúng tôi mang theo một chai sâm banh. Khi các bạn nghe thấy tiếng nút chai nổ, các bạn hãy nâng cốc, chúc cho đôi lứa chúng tôi.

– Rất ít khi anh ở đây, Anna ạ. Ở đây lạnh và không thoải mái. Lại còn tiếng động của chiếc máy đi đầu hòa nhiệt độ đáng nguy hiểm rửa kia nữa. Những người phục vụ trong nhà không hỏi gì em chứ?

– Không. Em đã bảo họ vào ở cùng với khách. Em nói là chúng mình muốn đi chơi riêng bên nhau một chút. Họ chỉ hơi ngạc nhiên nhìn cái chai này.

– Trời ạ, thế mà họ không nghĩ ra là cần phải xin một cốc nhỉ. Vị nitroglycerin* làm anh khó chịu quá. Mà này, anh nói không xúc động quá đấy chứ?

Nitroglycerin: một loại chất nổ.

– Không. Anh nói rất hay. Hãy để những đi đầu đó lưu lại trong trí nhớ của họ.

– Em hãy đặt cái chai vào đám dây dẫn màu đỏ kia. Mà cẩn thận, đừng chạm vào bộ phận phát tín hiệu. Bây giờ đến dây cháy chậm. Bất cứ trường hợp nào em cũng phải làm hai dây. Anna, em...

– Anh không muốn hỏi em đang suy nghĩ gì ư? Thế này anh ạ: khi em còn nhỏ, mẹ thường dạy em rằng; ở trên đời này tất cả những cái gì hay ho đầu tiên kết thúc ở giờ phút đẹp đẽ nhất. Cho nên em luôn luôn bỏ về nhà vào đúng lúc vui vẻ nhất của mỗi buổi liên hoan...

– Tại sao em lại im lặng thế, Anna?

– Em nhìn sợi dây. Nó đã cháy hết rồi.

NGUYỄN QUỐC TÍN dịch

VỤ GIẾT NGƯỜI BẰNG TÌNH THỂ

V. Dicter, Ia. Cunisky

(Ba Lan)

Nhân vật phải là người Anh. Trong các câu chuyện hình sự cần phải có những điếu bí ẩn. Và tác giả đáng kính xây dựng từ các đống bào thân thiết của mình những thám tử và những kẻ giết người. Rồi đem hòa tan hành động vào trong sương mù ngoại thành London, và tất cả mọi người đều hài lòng.

Trong một ngôi nhà ngoại ô của một siêu đô thị có hai người đang ngỗ nói chuyện. Không ai quấy rầy họ cho đến cuối câu chuyện. Người lên tiếng đầu tiên đeo một cặp kính đen.

– Ngày mai tôi sẽ rời bỏ nước Anh. Vì lòng thương của anh mà tôi đã để mất hai tuần ở đây. Hai tuần trong căn phòng này, anh bạn già ạ.

– Đây là một ngôi nhà rất tuyệt.

– Còn phải nói, tôi đã phải trả cho nó tám nghìn đồng bảng.

– Ngày mai anh sẽ rời bỏ nước Anh?

– Đúng thế. Anh đưa tôi ra sân bay chứ? Đã năm năm anh không đến đây, mà trong hai tuần qua ngày nào anh cũng đến. Đây là một căn phòng

tuyệt diệu, nó rất tiện lợi cho việc tiếp khách, đúng không anh bạn già? Nhưng đáng lẽ tôi không ở lại đây đến trọn một ngày, thậm chí có vì nữ hoàng Anh đi nữa, thế mà tôi đã hiến cho anh cả hai tuần. Để làm gì kia chứ?

– Hai tuần trước trong căn phòng này...

– Tôi biết.

– Một người đã bị giết.

– Anh điên rồi. Tôi mù và tôi không trông thấy gì khi cái giá treo đèn đáng nguy hiểm kia rơi xuống đầu anh ta. Đó là một trường hợp không may. Anh và tất cả những người có mặt trong phòng hôm ấy đều thấy việc đó đã xảy ra như thế nào. Tôi nói chung không trông thấy anh ta và không biết anh ta người ra sao. Và tôi không thể giúp đỡ gì anh được.

– Ai đã mời James Patton đến buổi tiếp hôm đó?

– Anh cần cái đó để làm gì? Thế nào, anh là cảnh sát đấy à? Thanh tra đã đến đây, và cuộc đi điều tra đã kết thúc.

– Nhưng dù sao, ai đã mời James Patton đến?

– Vợ tôi.

– Anh có người vợ rất tuyệt vời, Grayburn ạ.

– Anh hãy để cho cô ấy yên!

– Bao giờ vợ anh ở nhà mẹ vờ?

– Anh cần cái đó để làm gì?

– Họ quen nhau lâu chưa?

– Này, anh bạn già...

– Anh không muốn nói à? Tôi có thể đi về..

– Hãy ở lại đây!

– Thế anh muốn kể chuyện gì? Có thể, về công việc của mình?

– Nhưng dù sao anh cũng sẽ chẳng hiểu gì về chuyện đó đâu. Cũng như về những vụ giết người. Tôi nghiên cứu các tinh thể và tôi chỉ nghĩ về chúng mà thôi. Bao nhiêu vấn đề tôi đã giải quyết được trong cuộc đời của mình! Kể cho anh nghe về các tinh thể chứ?

– Kể đi!

– Đó là các công trình kiến trúc của thiên nhiên. Tinh thể của muối, hay của kim loại bao gồm các phần tử rất nhỏ. Hay tinh thể thạch anh chẳng hạn. Đã bao giờ anh thấy chim bay trên trời chưa, anh bạn già?

– Thấy rồi, Grayburn ạ.

– Có thấy chúng lượn vòng không?

– Có thấy.

– Nếu chúng bay lượn hỗn loạn – đó là hình ảnh của khí. Ở đó các nguyên tử muốn chạy lung tung đâu cũng được, cách xa nhau. Còn về mùa thu chim bay khỏi nước Anh. Chúng bay thành đàn, kề sát nhau – đó là hình ảnh của chất lỏng. Khi nước chảy từ cốc ra, lúc đó các nguyên tử theo nhau rơi xuống dưới. Trong chất lỏng, các nguyên tử liên kết với nhau nhiều hơn so với trong chất khí. Còn chim nhiều khi đứng lặng trên trời, dường như không chuyển động...

– Và chỉ khẽ vỗ vỗ cánh trong không khí.

– Điều ấy rất quan trọng. Anh hãy nhắc tôi chuyện đó, khi nào tôi nói xong. Các nguyên tử đứng im, như những dấu chấm trên bầu trời. Các vật thể vật lý cố định cũng tương tự như vậy đấy.

– Còn khi chim vỗ cánh, Grayburn?

– Các nguyên tử giao động. Nhưng không có các chuyển động lớn, như ở chất khí hoặc chất lỏng, mà chỉ dao động từ trái sang phải, từ trên xuống dưới. Và rất nhanh. Đó là những vật như ghê và bàn...

– Và như cái giá đèn kia?

– Đúng thế, đó là những vật bền vững.

– Grayburn, tôi phải ngắt lời anh. Bây giờ tôi đã biết ai là thủ phạm.

– Anh không nghe tôi nói gì cả.

– Khi cái giá đèn rơi xuống, tất cả mọi người chạy đến. Nhưng James Patton đã chết rồi.

– Vâng, đấy là một giá đèn bằng đồng thau rất nặng. Trên đó có khắc hàng chữ “Thanh kiếm Damocles”^{*}. Trước đấy, mọi người đều đã đến gần để xem, nhưng nó chỉ rơi đúng Patton.

Theo thần thoại Hy Lạp, bạo chúa Dionysius trong một bữa tiệc đã bắt Damocles, người tỏ ý ghen tị với ông ta, ngồi vào chỗ trên có treo một thanh kiếm sắc. Từ đó, thanh kiếm Damocles trở thành điển tích chỉ sự nguy hiểm đang chờ đợi. – N.D.

– Tôi rất chú ý nghe những gì anh nói về tinh thể, Grayburn ạ. Tốt hơn là chúng ta đừng nói về chuyện kia nữa. Anh gọi tinh thể là công trình kiến trúc của thiên nhiên, tuyệt lắm.

– Vâng, ở đó có một thứ trật tự mà con người không thể biết được. Mỗi nguyên tử đều có chỗ của mình và không bao giờ chiếm chỗ của nguyên tử khác. Tinh thể là một thí dụ đặc biệt của vật thể bền vững, một thí dụ đẹp nhất. Những con chim đứng im bất động trên trời và vẫy cánh, nhưng chúng có thể tạo nên được những hình dáng nhất định. Khi các nguyên tử tạo thành một hình dáng bền vững và có một sự đối xứng nhất định, lúc đó tinh thể xuất hiện.

– Thế cái gì ở giữa các nguyên tử?

– Đợi một tí. Đàn chim tạo thành hình, nhưng anh hãy hình dung ra một đàn chim rất lớn. Bên cạnh mỗi con chim là ba, bốn, mười con khác. Và không phải từng con chim riêng lẻ tạo thành hình, mà từng nhóm chim một. Bởi vì tinh thể là một cấu trúc đều đặn không phải của từng nguyên tử riêng lẻ, mà của từng nhóm nguyên tử. Một nhóm nguyên tử như vậy được gọi là nút tinh thể.

– Thế cái gì ở giữa các nút?

– Không có gì cả. Chân không hoàn toàn.

– Từ đâu mà chúng ta biết được quả thật chúng là như vậy?

– Nếu như cánh cửa không có lỗ khóa, thì ánh sáng không thể lọt thành chùm hẹp từ ngoài vào trong phòng. Nếu như tinh thể chứa đầy, thì các tia sáng sẽ bị ngăn lại ở trong đó. Nhưng chúng đi lọt qua các khoảng trống, như ánh sáng lọt qua lỗ khóa cửa.

– Tinh thể rỗng à?

– Như tất cả mọi vật trong tự nhiên. Chỉ có đi đâu những chỗ rỗng của tinh thể, những đỉnh cao và lũng thấp của nó tạo thành một hình đối xứng...

Ngày mai tôi rời khỏi nước Anh, anh bạn già ạ. Và để lại đây một người Anh, cũng yêu tinh thể như tôi.

– Không, anh không còn yêu ai nữa cả.

– Vâng, tôi đã phải giải quyết quá nhiều vấn đề trong cuộc đời của mình.

– Và hai tuần trước...

– Anh buộc tội tôi!

– Tôi đã trông thấy mọi người chạy đến bên người bị giết với vẻ kinh hoàng trước sự việc xảy ra. Và tôi có cảm tưởng rằng chỉ có vợ anh là hiểu hết và cảm thấy bản án số phận đã được thi hành.

– Anh để cho cô ấy yên.

– Anh vẫn ngẩng im trong ghế. Bởi vì anh mù. Nhưng vợ anh không chạy đến bên anh, mà đáng lẽ phản ứng đầu tiên của cô ta phải là như vậy. Cô ta sợ, lúc đó sợ, và bây giờ, đang ở nhà mẹ, cô ta vẫn sợ.

– Anh nghi ngờ cả vợ tôi?

– Grayburn, tốt hơn là anh hãy tiếp tục kể về tinh thể đi.

– Anh đừng tưởng là mình đi đầu khiến được câu chuyện. Tôi nói những gì tôi muốn, và tôi ngạc nhiên trước sự ngớ ngẩn của anh. Tinh thể là bờ biển, một bờ biển như nước Anh. Còn nút tinh thể – đó là London, Glasgow, Liverpool. Từ trên tằm chim bay nhìn xuống, bờ biển dường như nằm bất động. Những thành phố – các nút tinh thể – cũng bất động. Nhưng hãy thử nhìn kỹ xuống London khi mọi người đi làm về anh sẽ không còn

thấy vỉa hè, lòng đường, cả thành phố là một đám người đông nghịt. Dày đặc những nắp xe hơi, mũ trên đầu những người tan tãn về

– Grayburn...

– Cái gì thế?

– Không có gì cả.

– Trong tinh thể cũng như vậy. Nút là chỗ nguyên tử này ở cạnh nguyên tử khác. Mỗi nguyên tử đều có chuyển động riêng của mình mà tôi gọi là sự giao động. Các nguyên tử, hạt nhân và điện tử của chúng đều giao động. Cả nút giao động, dường như mặt đất dưới thành phố đang rung chuyển. Nhưng ngoài ra còn các đám đông, các đám đông điện tử nằm xen giữa những hạt nhân nguyên tử trong nút tinh thể.

– Ai là người đầu tiên biết việc đó?

– Pierre Curie! Người sau này lấy Mari. Đó là một cặp vợ chồng tuyệt vời!

– Nhưng ông ta chưa bao giờ thấy chúng cả?

– Cái gì?

– Những nút tinh thể và các hạt điện tử.

– Không. Không thể thấy được, kể cả người có cặp mắt rất tinh.

– Anh nói đúng. Còn có thời gian để suy nghĩ. Anh suy nghĩ đi. Tôi cũng vậy.

– Cái gì?

– Đã từ lâu tôi nhận thấy rằng James Patton là tình nhân của vợ anh.

– Tại sao trước đây anh không nói với tôi về điếu đó? Một năm về trước...

– Chính anh cũng biết, Grayburn ạ.

– Thật đáng tiếc là tôi chưa bao giờ được thấy anh ta. Thậm chí không biết cả tên. Tôi chỉ biết rằng anh ta cân nặng tám mươi sáu kilogram.

– Anh điên đấy à?

– Vợ tôi không giấu tôi những bức thư và các thứ giấy tờ khác. Mà việc đó cũng chẳng cần thiết. Một lần, ngẫu nhiên tôi tìm thấy trong túi xách của cô ta một hóa đơn mà người ta thường trao cho người nào cân thử. Trọng lượng người cân được đập lên một mảnh bìa các tông. Lần sờ bằng tay, tôi đọc được con số đó. Vợ tôi không cân nặng đến tám mươi sáu kilogram. Trong hóa đơn ghi rõ ngày – mùng một tháng sáu.

– Vợ anh đi ngay sau hôm Patton chết. Cô ấy sợ.

– Sợ à?

– Đúng thế. Sợ cảnh sát và chạy trốn khỏi London. Và chính đó là chỗ khác nhau giữa con người và tinh thể của anh. Các điện tử chỉ chạy trong nút tinh thể, còn cô ấy đã chạy ra khỏi nút.

– Anh nói những điếu ngớ ngẩn. Cô ấy không giết Patton.

– Thế thì ai?

– Cái giá đèn. Đó là một trường hợp không may. Hơn nữa, điện tử cũng có thể đi ra khỏi nút. Tinh thể là nước Anh, các nút là các thành phố. Nếu như có một người khổng lồ Gulliver nào đó dùng tay tóm lấy hòn đảo của chúng ta từ Canal đầu Scotland rồi bóp mạnh, thì London sẽ xịch lại

gần Glasgow, còn Liverpool lại gần London. Lúc đó thì từ các thành phố những đám đông sẽ đổ ra và chạy thẳng đến bờ biển sát mép nước. Còn nếu như người khổng lồ bắc một chiếc cầu sang lục địa, thì đám đông sẽ chạy theo chiếc cầu đó. Anh hiểu không, anh bạn già?

– Anh nói tiếp đi.

– Không cần đến Gulliver, để ép tinh thể, chỉ cần đặt lên nó một vật nặng nào đó. Còn nếu như tinh thể là thạch anh – tôi đã nói với anh rằng thạch anh cũng là tinh thể chưa nhỉ?

– Rồi.

– Lúc đó từ các nút điện tử sẽ chạy ra và giạt đến biên giới của tinh thể. Còn cầu thì sao? Cái gì sẽ làm cầu? Đó là hai sợi dây dẫn cho các điện tử chạy qua. Sự chuyển động của các điện tử – đó là dòng điện. Trong dây dẫn xuất hiện điện áp. Đây là những điều anh có thể hiểu không cần toán học. Tôi rất hài lòng kể tất cả những cái đó cho một thám tử như anh, anh bạn già ạ.

– Và tôi nghe anh cũng hài lòng không kém, Grayburn ạ. Và bây giờ tôi biết: không phải vợ anh giết James Patton. Cô ấy không thể có cơ hội để giết anh ta tại buổi tiếp này. Có thể, đúng hơn là chính Patton đã tự mình ném cái giá nền này lên đầu mình.

– Vợ vẫn. Đây là một trường hợp không may. Thôi ta ngừng câu chuyện về tinh thể, anh bạn già ạ. Tốt hơn là anh chúc tôi sức khỏe rồi về nhà mình đi.

– Thế nhưng chỉ có tinh thể thạch anh là tạo ra điện áp khi bị nén thôi à?

– Không, những vật khác cũng thế. Cái đó, gọi là áp điện học. Trong kỹ thuật, người ta thường sử dụng thạch anh nhiều hơn cả. Trong n ồi hơi có thể đặt một ống có màng đàn h ồi. Hơi nước đẩy căng màng đàn h ồi, màng ép lên mạng tinh thể thạch anh, và xuất hiện điện áp.

– Thế điện áp này có lớn không?

– Không, rất yếu.

– Tiếc quá.

– Tại sao lại tiếc? Có thể khuếch đại nó lên. Bây giờ chúng ta đã biết cách khuếch đại điện áp r ồi. Sự khuếch đại đó chúng ta có thể theo dõi trên vôn kế và như vậy, bằng cách gián tiếp, có thể xác định được ứng suất trong n ồi hơi.

– Anh hãy đưa thêm một thí dụ nào khác nữa đi.

– Thí dụ khác à? Có thể đo được điện áp trong các động cơ phản lực và động cơ pittông.

– Anh cho thêm một thí dụ nữa, Grayburn.

– Sự khuếch đại điện áp có thể dùng cho quá trình tự đi ều chỉnh. Việc cắt một điện áp xác định nào đấy sẽ tạo nên một xung lượng giảm cung cấp xăng hoặc d ầu hỏa trong các động cơ phản lực. Tất cả những cái đó diễn ra một cách tự động.

– Xin hãy cho thêm một thí dụ nào khác nữa, Grayburn.

– Dòng thạch anh có thể đo được ứng suất trong các khẩu pháo và súng máy. Ném thạch anh xuống độ sâu của biển, qua điện áp có thể biết được áp suất của nước. Các phương pháp đo bằng áp điện đã gắn chặt với

kỹ thuật đến nỗi nếu ngày nay trên Trái Đất không có đủ thạch anh, thì nhiều xưởng thí nghiệm, xí nghiệp, nhà máy phải ngừng hoạt động.

– Nếu trên Trái Đất thiếu thạch anh thì cũng đã có một điểm tốt.

– Điểm tốt nào? Anh đang đứng ở đâu đấy?

– Ở giữa phòng.

– Vì anh không sợ rằng giá đèn sẽ rơi xuống đầu à?

– Tôi đã treo rất chắc.

– Trước kia nó cũng đã được treo rất chắc.

– Nhưng lúc đó đứng dưới nó là James Patton. Grayburn, thạch anh có thể dùng để đo trọng lượng được không?

– Tôi không phải là từ điển bách khoa để biết hết tất cả.

– Hôm nay anh gọi tôi là thằng ngớ ngẩn. Nhưng anh đã lầm. Anh nói rằng không phải tôi lái câu chuyện của chúng ta. Điều này thì anh đúng. Chúng ta cùng đi bên cạnh nhau. Thực ra, về những chuyện vừa rồi thì một nhà chuyên môn khác cũng có thể kể cho tôi nghe, nhưng anh lại tự mình nói ra. Cảm ơn anh. Anh là kẻ giết người, Grayburn ạ. Anh không sợ khi đứng dưới giá đèn, vì anh chỉ nặng bảy mươi lăm kilogram, chứ không phải tám mươi sáu, như James Patton. Quả là vợ anh sợ, nhưng không phải sợ cảnh sát, mà là sợ anh, người đã đặt ra bản án và thi hành nó. Ngoài vợ anh ra, không ai trong số những người khách hôm đó, quen biết James Patton. Thậm chí anh cũng không biết anh ta. Nhưng anh biết rằng Patton nặng tám mươi sáu kilogram. Dưới sàn, nơi treo giá đèn có một ống thạch anh.

– Anh khiêu khích đấy à, anh bạn già?

– Điều đó không cần thiết, Grayburn ạ. Nếu anh muốn, tôi có thể cạy sàn lên và dưới một tấm ván tôi sẽ tìm thấy thạch anh. Nó được nối bằng dây dẫn qua tường và lên trần nhà. Ở đó điện áp được khuếch đại lên. Giá đèn của anh không treo trên móc, mà bằng dây dẫn, nó sẽ bị đứt vào lúc cần thiết. Dây dẫn được nối với bộ tích điện. Và khi miếng thạch anh nằm dưới sàn bị một sức nặng đúng bằng tám mươi sáu kilogram nén lên, tất cả sẽ hoạt động. Anh đã gây sự chú ý bằng dòng chữ “Thanh Kiếm Damocles”. Tất cả mọi người đều đến dưới giá đèn để đọc dòng chữ đó. Và khi James Patton đến chỗ đó, thạch anh bị nén lại và một dòng điện được truyền qua dây dẫn. Dây dẫn nóng lên và đứt. Khi tôi treo lại giá đèn lên chỗ cũ, tôi đã nhận thấy đầu dây bị nóng chảy.

– Anh nói vậy, anh bạn già ạ. Trước đó Patton có thể cân khi mặc cả áo bành tô, và trọng lượng sẽ không khớp.

– Không, không thể. Patton cân vào tháng sáu. Mà trong mùa đó tất cả mọi người đều mặc áo vét. Anh ta đến buổi tiếp cũng mặc áo vét. Buổi tiếp là để nhằm mục đích đó. Chỉ có một điểm anh rất mạo hiểm, Grayburn ạ. Bởi vì có thể một người nào khác cũng cân nặng tám mươi sáu kilogram. Nhưng anh gặp may. Đến cảnh sát toàn thế giới cũng không thể tưởng tượng được vụ án mạng này đã diễn ra như thế nào. Với những tang chứng như thế này. Anh thì mù, không trông thấy gì hết. Nhưng anh đã tự mình chuẩn bị tất cả. Và anh đã phải chuẩn bị rất lâu.

– Vâng, rất lâu, anh bạn già ạ.

– Anh nói rằng ngày mai sẽ rời bỏ nước Anh. Và khi anh rời bỏ nước Anh, anh sẽ để lại trên đảo này thêm một người Anh, rất yêu tinh thể.

NAM HỒNG dịch

CUỘC ĐUỔI BẮT BAN ĐÊM

Nils Nielsen

(Đan Mạch)

– Chúng là những con kiến thép thông minh và cần cù, – giáo sư Macgatri sôi nổi nói. – Khi chúng nhều lên thì không ai có thể địch nổi chúng, kể cả trong chiến tranh lẫn trong lao động. Vì vậy, anh đặt tên cho mẫu thử của mình là “kiến”. Nó sẽ sản sinh ra hàng triệu con giống hết nhau, chúng sẽ bò đi khắp Trái Đất vì lợi ích của con người! Chúng sẽ biến những vùng đồi núi ngày nay thành các đồng bằng màu mỡ, sẽ đào than, tưới nước cho các sa mạc, chiến thắng trong các cuộc chiến tranh, khai phá những hành tinh xa xôi, cho con người. Chúng sẽ làm nên những chuyện thực sự kỳ diệu!

Malcolm Macgatri, giáo sư đi đầu khiến học Trường đại học tổng hợp Edinburgh đi đi lại lại trong phòng khách, cái bụng đã bắt đầu tròn của anh lắc lư theo nhịp bước chân.

Ursula, vợ giáo sư, ngồi trong ghế bành và nhìn theo chững bằng ánh mắt dịu dàng và hơi lo lắng:

– Nhưng, anh Malcolm...

Giọng chị hơi run, nhưng cần phải đưa chồng từ trên trời mây trở lại mặt đất này – ngoài những máy móc của mình ra, anh không còn muốn biết đến cái gì nữa!

– ... chúng có thể trở nên nguy hiểm đối với con người không? – chị nói tiếp. – Em chỉ muốn nói rằng... về ngoài những con vật này – những con ở dưới tầng hầm của anh ấy mà, – không được dễ coi cho lắm.

– Không dễ coi à? – Hơi cáu, anh lấy bàn tay xoa xoa chỗ hói trên đầu. Mắt anh ánh lên lấp lánh. – Ôi, các bà này! “Kiến” không thể đẹp hay xấu, thiện hay ác được – về ngoài của nó nói chung không nói lên đi đâu gì cả! Đó chẳng qua chỉ là một cái máy – một robot tự đi đâu khiêu, tự sinh sản và tự hoàn nguyên!

– Vâng, anh yêu ạ, – Ursula dịu dàng đáp, mặc dù chị chỉ hiểu được một nửa những gì chồng nói, và mỉm cười một cách khổ sở.

Nhưng cơn sôi nổi của giáo sư đã nguôi đi. Anh kéo lê chân bước đến bên cửa sổ và đưa ánh mắt trăn trăn nhìn ra địa hình tẻ ngắt của Scotland: trải rộng dưới ánh nắng đỏ quạch của vầng mặt trời sắp lặn – những đụn lầy buồn tẻ, những bãi đất hoang mọc đầy các bụi gai xơ xác nằm giữa những mảnh núi đá hoa cương của dãy Ben Attow và bờ biển Manray-Ferx. Đây là thế giới mà tất cả mọi người – nếu không kể tới những ông già chần sù vật mủi chữ gầy gò nhưng gân guốc – đều lảng tránh. Đối với họ, những đi đâu kỳ diệu của thiên kỷ thứ ba trẻ trung là hoàn toàn không đáng bận tâm, đến nỗi họ chẳng thèm ngẩng đầu nhìn lên ngay cả khi những tên lửa hành khách bay từ một nơi nào đó tận Thái Bình Dương đến sân bay Heathrow ở London vụt qua để lại một vệt lửa cắt ngang bầu trời trong bóng hoàng hôn đã bắt đầu dày đặc.

Nhưng giáo sư Macgatri lại rất thích cảnh hoang vắng không người nơi đây. Hai năm trước, theo ý muốn của anh, một ngôi nhà giống như giọt nước mắt khổng lồ đã được đưa tới đây bằng cần cầu bay. Cùng với nó, người ta chuyển đến cả một trạm thí nghiệm với đầy đủ các thiết bị cần thiết. Từ đó đến nay anh và Ursula sống yên ổn ở đây với các con – cậu bé Rolyst và cô bé Lilian sinh đôi mười một tuổi. Và hàng ngày, chúm đầu vào các thiết bị đi đầu khiến học rắc rối, giáo sư hì hụi tính toán, lắp ráp một cái gì đó dưới tầng hầm của mình.

Khắp ngôi nhà yên vắng vang lên tiếng cười trẻ con lạnh lạnh. Hai vợ chồng giáo sư nhìn nhau rồi cùng mỉm cười.

– Chúng đang xem phim vô tuyến “Robinson Crusoe”, – Ursula nói, chị đã kịp quên đi lũ “kiến” – chắc chúng thích thú và vui vẻ lắm! Thậm chí bây giờ đây, vào năm 2011, trẻ con vẫn say mê những Robinson Crusoe và Thứ Sáu, những nàng Bạch Tuyết và bảy chú lùn. Anh còn nhớ, vụ rắc rối năm ngoái khi chương trình vô tuyến thiếu nhi định thay các buổi phim phiêu lưu bằng những bài học lắp ráp máy và các phim tài liệu về Sao Hỏa không? Tất cả trẻ em Scotland đều đòi phải trả lại chương trình phim phiêu lưu cho chúng.

– Trẻ con vẫn là trẻ con – giáo sư khẽ ho, đầu óc vẫn mãi mê với những suy nghĩ của mình. – Nay em biết không, chỉ ầu nay anh định thử nó ở bãi cây hoang ngoài kia đấy!

– Thử cái gì? À, vâng, tất nhiên rồi! – và chị gạt đầu ra bộ đi đầu đó làm chị rất vui. – Nhưng cái... cái vật này sẽ làm gì ở bãi cây hoang ấy?

– Em có thấy không... – và bàn tay anh vẽ một đường vô hình lên không khí, – con “kiến” này có thể bằng phương pháp điện phân luyện

nhôm ngay từ đất đá. Anh chọn nhôm vì nó là nguyên tố rất phổ biến – nó chiếm không ít hơn bảy phần trăm toàn bộ khối lượng Trái Đất!

Và giáo sư nhìn vợ về đắc thắng.

– Vâng, anh ạ, – chị nói bằng cái giọng mà các bà vợ vẫn nói những lời này với các ông chồng không còn tỉnh táo hay đang tức giận.

– ... Và như thế là “kiến” có thể luyện được nhôm từ bất cứ loại đất nào ở trong núi và sa mạc – fenspat, cao lanh, đất bùn! Mà hợp chất nhôm có thể cứng như thép, nhưng lại nhẹ gấp hai.

– Vâng, anh ạ!

Đã bao nhiêu lần chị được nghe những lời khó hiểu này! Và một phút sau, khi giáo sư bảo đảm với vợ rằng phát minh của anh không có gì nguy hiểm đối với con người, chị mới yên tâm và bắt đầu nghĩ đến bữa ăn tối. Không biết nên đi máy bay lên thẳng đến Kindlanen để mua bít tết không? Và có lẽ cũng nên thêm một chai rượu vang để mừng thành công của Malcolm nữa? Đường đi chỉ trên dưới bảy mươi cây số, chưa đầy một giờ là chị đã về đến nhà rồi.

Rung nhẹ nhẹ, ngôi nhà, như bông hoa hướng dương, xoay mình theo hướng Mặt Trời. Những đám mây trên các ngọn núi sẫm màu cháy lên đỏ rực. Trong khi đó, Malcolm vẫn tiếp tục nói:

– ... Trong bộ não điện tử sẽ được đưa vào những mệnh lệnh cơ bản nhất, và các role của bộ não này sẽ tạo ra những kết hợp mới, trong thực tế những kết hợp đó là vô tận! Kết quả là ta có được hàng triệu những tuyến hành vi khác nhau. Và ngoài ra, “kiến” có rất nhiều các cơ quan cảm xúc: máy định vị vô tuyến, tế bào quang điện, các cơ quan khứu giác nhân tạo,

microphone cách mười dặm có thể thu được tiếng cọ cánh của châu chấu. Bộ thu hồi nhiệt của nó phát hiện ra ở một khoảng cách lớn bất cứ một cơ thể sống nào có thân nhiệt khác với nhiệt độ không khí dù chỉ một phần mười độ. Bằng các bộ xích có giác bám, “kiến” có thể đi lại ở bất cứ đâu, dù dưới nước hay thậm chí theo những vách đá trơn dựng đứng. Còn nguồn pin thorium cung cấp năng lượng cho nó thì đủ dùng trong mười năm! Hơn nữa, thorium cũng có ở khắp tất cả các lục địa!

– Nhưng, anh...

Một cánh tay bằng kim loại từ bức tường giờ ra đón lấy mẫu tàn tro rơi xuống từ đầu điều thuốc lá của Malcolm. Thật là tiện lợi, Ursula nghĩ, mình không phải lo việc giữ gìn nhà cửa. Nhưng hôm nay Malcolm làm sao thế? Chưa bao giờ chị thấy chồng mình bị kích động như vậy.

– Những cơ bắp bằng kim loại của nó không bao giờ biết mệt! – giáo sư gằn như hét lên. – Bộ não của nó không cần ngủ! Phản ứng của nó là tức thời! Sức sản sinh của nó cũng không thể tưởng tượng nổi! Nó chỉ cần hai giờ để tạo ra một bản sao cũng giống hệt như nó, vì để làm việc đó, nó thực hiện bốn mươi ngàn thao tác! Và hai con “kiến” lại sẽ lập tức tạo ra hai con khác! Bốn con sẽ sinh ra tiếp bốn con nữa! Em có biết sau hai mươi bốn tiếng đồng hồ chúng lên tới bao nhiêu không?

– À... à... một trăm?

Chị đang tô môi để chuẩn bị đi mua thực phẩm.

– Bốn nghìn chín mươi sáu con – Anh kêu to đắc thắng. – Còn sau ba mươi sáu giờ – hai trăm sáu mươi hai nghìn một trăm bốn mươi tư con! Còn sau hai ngày đêm – hàng triệu con! “Kiến” của anh sẽ là một cục tuyết mà từ đó sinh ra cả một trận tuyết lở!

– Nhưng... nhưng như thế có nhiều quá không? – Chị hơi lo lắng hỏi, và rời mắt khỏi gương, nhìn sang phía ch ồng.

– Vào bất cứ lúc nào, chỉ cần ra lệnh là có thể dừng ngay lại quá trình sinh sản đó, – anh vui vẻ nói để vợ yên tâm. – Anh sẽ làm đúng như vậy khi nào “kiến” của anh đã qua xong giai đoạn thử thách. Em thử hình dung xem, những chú “kiến” của anh có thể san bằng dãy Himalaya hoặc mang quần đảo Anh quốc lên Bắc cực một cách nhanh và rẻ như thế nào?

Chị cười:

– Anh nói gì vậy, Malcolm? Ở đó chúng ta chết cồng mât!

– Đây chỉ là thí dụ thôi, – anh đáp, không chú ý đến tiếng cười của vợ. – Và nó lại còn là một thứ vũ khí... Chắc em cũng đã nghe những lời kêu ca vô tận về các khoản chi phí quân sự khổng lồ chứ? “Kiến” có thể tạo ra quân đội từ một đồng đất đá! Tất nhiên, chỉ một con “kiến” với độ vững chắc của nó như hiện nay thì có thể dễ dàng dùng pháo chống tăng để tiêu diệt, nhưng nếu một triệu con, mà sau hai giờ sẽ thành hai triệu, thì mọi cố gắng chống cự là vô nghĩa! Hàm răng thép của chúng sẽ nghiền nát xe tăng, hàng sư đoàn xe tăng, và làm tan hoang lãnh thổ quân địch đến tận gốc cũng hết như những bầy kiến thật. Em hãy tưởng tượng sẽ ra sao nếu như thả dù hai mươi chú “kiến” của anh xuống sa mạc Gobi? Sau một ngày đêm chúng sẽ lên tới hơn tám mươi một nghìn con! Còn nếu như đưa vào cho chúng bản năng di cư thì chẳng bao lâu nữa chúng sẽ bò đi khắp châu Á!

– Dừng, đừng có chiến tranh! – và chị thở dài: ôi, cánh đàn ông này! – Chẳng lẽ những cuộc chiến tranh trước đây đối với chúng ta hãy còn ít sao?

– Tất nhiên, – anh hơi bối rối, lẩm bẩm đáp. – Nhưng mà... bất kỳ một thành tựu khoa học nào cũng có thể áp dụng vì lợi ích của con người cũng như để làm hại chúng ta. Tất cả chỉ phụ thuộc vào việc những thành tựu đó rơi vào tay ai. Nhưng dù sao cũng cần phải nghiên cứu, thử nghiệm...

– Có cần thật không? – Chị lại nghe có tiếng cười trẻ con, nhưng lần này chị không mỉm cười. – Bởi vì hiện nay chúng ta đã có tất cả – đủ ăn, sung sướng, nhàn rỗi... Anh còn làm cái này để làm gì nữa, Malcolm? Con người còn có thể muốn gì hơn?

– Nhiều lắm. Thí dụ, đề thỏa mãn tính hiếu kỳ của mình, – và anh nhún vai. – Hơn nữa, những con “kiến” của anh sẽ mang lại lợi ích cho con người. Nhờ nó con người có thể thay đổi bộ mặt của hành tinh khác, biến chúng thành những vườn cây màu mỡ!

– Hoặc thành sa mạc! – Chị đã trang điểm xong và sắp bay vào thành phố. – Malcolm, anh cho phép em đi chứ?

Tất nhiên là anh để cho chị đi, nhưng suốt thời gian mua bán ở thành phố, chị vẫn nghĩ rằng đàn ông, – thậm chí có là thiên tài đi nữa, – cũng chỉ là những đứa trẻ bồng bột, tò mò, thiếu thận trọng mà thôi.

Buổi tối, khi Mặt Trăng hiện ra từ sau những đỉnh núi nặng nề của dãy Ben Attow, trong làn ánh sáng mờ nhạt trải trên bãi đất hoang mọc đầy những bụi cây nhỏ, một vật hình bán cầu bằng kim loại trắng dễ dàng và nhanh chóng tìm ra đường đi giữa những tảng đá và hồ nước. Theo sát sau nó, cố không tụt lại, một người đàn ông đã hơi phục phịch và có đi đâu gì đó xúc động, thở hổn hển vừa đi vừa chạy.

“Kiến” đã được thả ra. Phía trên khối bán cầu, cách mặt đất tám foot*, những cần anten định vị quay tròn và ngọn đèn chỉ báo nhấp nháy.

Malcolm tự chúc mừng mình – những cử động của robot do anh tạo ra mới chính xác và khéo léo làm sao! Không có gì có thể bắt nó dừng lại được: cả bóng tối, sương mù, cả giá lạnh và địa hình không bằng phẳng. Đi đâu khiến học chưa bao giờ sáng tạo ra một cái gì hoàn thiện hơn thế!

Foot: đơn vị đo lường Anh, bằng 0,3048m.

Tuy vậy, anh vẫn đề phòng ngắt role đi đâu khiến bộ thu h ồ nhiệt. Anh không cần để robot đầu tiên này của mình phải đánh nhau – “kiến” của anh phải trở thành thủy tổ của hàng tỉ những con vật tương tự để phục vụ loài người. Trái tim giáo sư tràn ngập niềm vui sướng.

Trong lúc đó khối bán cầu, như một con vật sống, vẫn tiếp tục bò lên phía trước. Vệt bóng đen của nó nhảy múa trên những mô đất nhỏ mọc đầy cây bụi và những hố đá trứng. Các giác quan của nó ngửi, nghe và nhìn... Nó phát ra tiếng vo vo khe khẽ, con mắt xanh nhấp nháy liên tục. Phía xa, ở một nơi nào đó dưới chân núi Ben Attow màu bạc thẫm, một con cáo rúc lên não nuột, và tiếng vọng của nó mãi không tắt trong các vách đá. Bình sơn nguyên Scotland vô tận và đen thẫm trải dài ra tới tận r ờ biển mất trong màn đêm mát mẻ. Nhưng Malcolm không nghe tiếng cáo rúc, không trông thấy cảnh vật hoang vắng xung quanh. Anh chỉ nhìn thấy tác phẩm của mình, say mê như nhìn một đứa con đẻ.

Cuối cùng, sau khi đã lang thang đến gần một dặm, khối bán cầu dừng lại cạnh đồng sỏi đá lở nằm dài trên các bãi lầy rải rác từ chân nhánh núi non ở ngay bên cạnh. Đồng sỏi nằm ở đây từ thời kỳ băng giá cuối cùng, khi những bức tranh khủng khiếp của thiên nhiên đã nghiền nát các đỉnh núi nhọn và ném mảnh vỡ của chúng xuống dưới chân.

Giáo sư hài lòng mỉm cười trong đêm tối. Đúng, cái vật kỳ lạ này biết được mình cần gì vì không lưỡng lự đi thẳng đến đích đã được vạch sẵn.

Tiếng vo vo đều đều khe khẽ của “kiến” đã biến thành tiếng rú nhiều giọng. Các tấm thép quay với tốc độ khó hình dung nổi nhanh chóng xuyên sâu vào đất và ném lên trên không lớp đất đá đã bị nghiền nát. Sau vài phút “kiến” đào được một cái hố sâu bằng nửa chiều cao của nó, bò xuống đáy và bắt đầu quá trình luyện quặng. Phía trên khối bán cầu bốc lên những đám mây hơi nước nhỏ. Rồi các gọng kìm ở phía cuối những cánh tay thép nhiều khớp bắt đầu xếp các thỏi nhôm màu trắng bạc thành những đồng lớn...

Trong thực tế, “kiến” đang làm công việc của một nhà máy tự động lớn, chỉ có đi đâu nhanh hơn nhiều. Một tiến trình sản xuất tiếp theo tiến trình khác. Và trong phút chốc, nó đã hoàn thành lớp giáp che hình bán cầu ở phía trên. Trong các tế bào quang điện “kiến” dùng làm mắt, nhấp nháy một thứ ánh sáng đục. Những anten xúc giác rung rinh và vươn dài ra như những cái vòi ruồi.

Giáo sư ngồi trên một tảng đá. Anh cảm thấy lạnh, hơn nữa trong khi chạy theo “kiến”, chân phải anh bị trầy da; nhưng những cái khó chịu đó có nghĩa lý gì khi anh được trông thấy trước mắt mình niềm mơ ước đang biến thành hiện thực.

– Thế, thế, tuyệt lắm! – anh thốt lên, mắt không rời “kiến” – Cứ thế, anh bạn, cứ thế!

Robot không đáp. Nó hoạt động với một sự tập trung cao độ, tất cả các thao tác của nó nhanh nhẹn và chính xác đến mức khó hình dung nổi. Nó đã bắt đầu lắp ráp trong thân vỏ đứa con đẻ tương lai của mình hệ thống điện

tử cơ bản. Và đây, bằng những động tác tỉ mỉ, thận trọng đến buồn cười, nó hàn những tế bào của bộ nhớ mà sau này sẽ trở thành bộ não điện tử của “đứa con” sắp sinh ra. Robot nhớ tất cả các thao tác, thậm chí nó còn có khả năng hoàn chỉnh các chương trình vạch sẵn. Chỉ còn hơn một giờ nữa là hai con “kiến” hoàn toàn giống nhau sẽ lại bắt đầu chế tác ra hai con khác cũng y hệt như thế. Sáng ra trong núi này sẽ có một cái hang lớn, còn trong hang là hơn một trăm con “kiến”. Sau đó sẽ là hai trăm, rồi bốn trăm.

“Nếu như sáng mai có một người chăn bò nào đến đây thì sao?” – giáo sư nghĩ thầm và mỉm cười. – Ông ta sẽ không tin ở mắt mình nữa! Nhưng chắc sẽ chẳng có ai đến đâu. Đó là ưu điểm chính của vùng này. Sau vài ngày nữa, anh sẽ bay đến London để mời các giám định viên của chính phủ tới đây. Và tất nhiên anh sẽ làm cho tất cả sửng sốt khi chỉ cho họ xem cả một tổ khổng lồ những con “kiến” cần cù này – những con vật tự sinh sôi nảy nở không cần đến một khoản chi tiêu nhỏ bé nào. Tất cả những vấn đề công nghiệp sẽ được giải quyết ngay một lần và vĩnh viễn: hãy tạo ra mẫu máy, và anh không cần phải nghĩ thêm nữa! Đến chiều mai sức sản xuất của những con “kiến” này cộng lại sẽ lớn hơn cả một trung tâm công nghiệp hạng trung...

Chẳng bao giờ anh cảm thấy hài lòng đến như vậy, kể cả khi chế tạo ra xe hơi không động cơ hay khi lắp thành công mắt điện tử cho người mù.

Nhưng trong một khoảnh khắc nào đó – anh không thể nói được chính xác là vào lúc nào, – có một cái gì đấy phá vỡ dòng suy nghĩ thanh thản của anh. Một sự lo lắng mơ hồ nào đó... À, đúng rồi! Trong khi đang mải mê làm việc, “kiến” bỗng quay những con mắt nhợt nhạt của nó về phía anh. Cánh tay nhiều khớp đang lắp bộ xích của con “kiến” mới chợt dừng lại

trên không. Điều đó chỉ kéo dài mấy giây. Rồi chương trình hoạt động lại bắt “kiến” tiếp tục công việc như cũ.

Giáo sư khéп chặt tà áo lại. Hừ, thì ra là thế này: có lẽ khối ngắп điện tử giữa hai hệ thống chương trình *làm việc* và *đánh nhau* quá yếu. Điều đó bây giờ anh mới phát hiện ra, khi các hệ thống điện tử đã bị nóng lên. Nhưng đây cũng chỉ mới là dự đoán. Anh biết rất rõ là bộ não điện tử phức tạp này rất nhạy cảm. Gần như là hệ thần kinh của người. Bộ não này rất dễ “thức tỉnh” và nó có thể sinh ra những “sự gián đoạn thần kinh”. Thêm vào đó, con “kiến” này là mẫu thử nghiệm đầu tiên. Anh sẵn sàng trả giá rất nhiều để biết chính xác cái gì hiện đang xảy ra dưới lớp vỏ thép lấp lánh này...

Giáo sư ng ắп lưỡng lự, bị những mối nghi ngờ chia xẻ. Một mặt, anh muốn trông thấy đứa con đầu tiên của “kiến” được hoàn chỉnh, nhưng mặt khác, một sự lo lắng không rõ như thúc giục anh bắt con quái vật này dừng lại. Quái vật à? Vớ vẩn! Đây chỉ là máy móc, là robot không có ý chí riêng của mình!

Trong lúc đó “kiến” tiếp tục hoàn thiện đứa con đẻ đầu tiên của mình với một tốc độ khủng khiếp. Mấy phút liền nó hoàn toàn tập trung thực hiện chương trình vạch sẵn, nhưng đôi mắt tròn nhợt nhạt giống như hai mặt trăng lại một lần nữa chĩa cái nhìn về phía người sáng tạo ra nó. Những cánh tay nhiều khớp bằng kim loại ngừng việc, và cỗ máy bước đi hai mét về phía giáo sư. Hoảng sợ, anh vùng đứng dậy. Cả lần này nữa, chương trình cho sẵn lại bắt robot trở về với công việc của mình, và tất cả dường như vẫn ổn thỏa.

Nhưng nếu như “bản năng đánh nhau” xuất hiện lần thứ ba, khối ngăn có thể không chịu đựng nổi, và lúc đó...

Giáo sư toát mồ hôi. Những cánh tay khỏe mạnh có các gọng kìm, những tấm thép quay tít... Nếu như bộ phận thu hồi nhiệt của nó hoạt động, nếu như cỗ máy đuổi theo và tóm lấy anh, thì anh sẽ như một con chuột nằm trong móng vuốt mèo.

Dừng nó lại? Nhưng để làm việc đó, cần phải đến sát bên nó. Anh lau mồ hôi mặt. Mùi mồ hôi anh đang toát ra, cũng như cảm giác sợ hãi, chắc sẽ bị các bộ xúc giác điện tử của máy bắt lấy, phóng đại lên, và sau đó...

Mặt Trăng treo cao lơ lửng trên các đỉnh núi màu xám bạc. Những bãi đất hoang trải rộng dưới làn ánh sáng mờ nhạt của nó. Hoảng hốt, anh nhìn vào đêm tối yên ắng, lần đầu tiên cảm thấy mình hoàn toàn bất lực. Mà ai có thể giúp đỡ anh nào? Để bắt “kiến” dừng lại cần phải có ít nhất là một khẩu pháo!

Anh không rời mắt nhìn cỗ máy giống như con vật do chính bàn tay và bộ óc không biết nghỉ ngơi của anh chế tạo ra. Chẳng bao lâu nữa sẽ có hai, và sau hai ngày đêm nữa, nếu như không dừng sự sinh sản của chúng lại, sẽ có hàng triệu con như thế. Và lúc đó toàn bộ quân đội Anh quốc sẽ bất lực trước chúng.

Làm sao anh lại quên rằng nhất thiết phải đưa vào bộ não của mẫu thử đầu tiên một mệnh lệnh tự động, bắt robot ngừng hoạt động ngay khi bắt đầu xuất hiện những dấu hiệu của sự không tuân theo chương trình cho sẵn? Làm sao mà cái việc đơn giản đến thế anh lại không nghĩ ra từ trước?

Trong khi mới chỉ có một robot này, còn có thể dừng nó lại được, và anh là người duy nhất có khả năng làm việc đó. Còn... nếu như anh bị giết

chết thì sao? Lúc đó... lúc đó, sáng ngày kia tỉnh dậy, dân nước Anh sẽ thấy đất nước của họ đã bị xâm chiếm bởi một bầy thú bằng kim loại sáng lấp lánh đông vô kể, bọn chúng điên cuồng biến các thành phố thành những bãi hoang tàn và đuổi dân chúng chạy dài như đuổi thỏ. Rồi biến các khối bán cầu này sẽ tràn ngập hòn đảo. Còn sau một tuần, sau một tháng nữa? Mười tỉ, một trăm tỉ những con vật này sẽ bò đi khắp hành tinh, lấn xuống đáy đại dương, tràn ngập các vùng rừng rậm, nghiền nát tất cả các châu lục!

Trong đầu anh lóe lên như một tia chớp: hậu quả công trình của anh là như thế đấy! Bằng tự chính tay mình, anh mở hộp Pandora*, thả ra một con quái vật bị chém đầu này lập tức lại mọc ra đầu khác!

Pandora: Theo thần thoại Hy Lạp, là một người đàn bà đẹp do thần Zeus phái xuống trần với một chiếc hộp đựng đầy tai họa để giết cả loài người.
– N.D.

Cho đến khi nào bầy “kiến” còn chưa khai thác hết nhôm có trong vỏ Trái Đất, đội quân kim loại sẽ không ngừng tăng lên! Còn khi dấu vết của loài người đã biến mất khỏi mặt đất từ lâu, bầy quái vật sáng loáng này sẽ phủ kín khắp bề mặt Trái Đất hoang tàn; không biết mình tồn tại để làm gì, không bị hao mòn hư hỏng, tự hoàn nguyên, chúng ngăn những cặp mắt – tế bào quang điện nhợt nhạt lên bầu trời, hướng tới những ngôi sao, nơi còn có chỗ đứng, còn có nhôm...

Giáo sư run lên. Những viễn cảnh khủng khiếp đó làm tiêu tan chút sức lực cuối cùng của anh. Bị thôi thúc bởi sự say mê nghiên cứu mù quáng, anh đã mở cánh cửa ra trước một tương lai ảm đạm như thế đấy, đã gieo những mầm mống của cái chết không tránh khỏi cho cả loài người.

Tất cả là lỗi ở anh, chỉ một mình anh! Bởi vì Ursula, với sự nhạy cảm của phụ nữ, đã nhiều lần ngăn cản anh – ôi, nếu như anh biết nghe những lời khuyên can đó! Nhưng đâu có! Các người thấy không, “kiến” là một thành tựu mới của kỹ thuật, mà chẳng lẽ có thể dừng lại nửa chừng trên con đường tiến bộ kỹ thuật hay sao?

Và anh, với quyết tâm ngăn chặn cái viễn cảnh khủng khiếp đó, chạy đến bên robot. Anh, nếu cần, sẽ hy sinh cả cuộc đời riêng của mình.

Nhưng chỉ vừa chạy được mấy bước, đôi mắt tròn nhọt nhọt của “kiến” lần thứ ba lại quay về phía anh. Nó lập tức bỏ đưa con đầu gối như đã hoàn chỉnh của mình xuống và chạy ngược lại đón anh. Giáo sư nghe thấy tiếng quay vo vo của những lưỡi dao thép. Đây giờ là lúc quyết định sống chết – khối ngăn điện tử đã bị phá vỡ! Chỉ đến khi nào trái tim đang đập thình thịch trong ngực anh dừng lại và thân thể anh trở nên không còn hơi thở, lạnh giá, robot mới lại quay về với công việc bỏ dở của mình.

Kinh hoàng, anh quay đầu bỏ chạy, hoàn toàn không ý thức, theo hướng về nhà. Cần phải trốn! Nhất thiết phải làm sao cho giữa cái con vật bằng thép không hề biết đến thương hại này và anh được ngăn cách bằng cánh cửa đóng kín của nhà anh!

Và mặc dù giáo sư phóng như một con thỏ sợ đến chết khiếp, “kiến” vẫn đuổi kịp anh. Bộ lưỡi phay đáng sợ tiến lại gần một cách không thương tiếc. Tiếng giác bấm của bộ xích bập trên mặt đất nghe mỗi lúc một rõ hơn. Trong ánh sáng lờ mờ màu trắng xám xung quanh anh, đã thấp thoáng những tia sáng màu xanh nhạt của ngọn đèn trên đầu robot.

Khi đã cảm thấy luồng không khí từ những lưỡi dao thép quay vù vù quạt vào gáy anh, giáo sư liền nhảy tránh sang bên, núp vào phía sau một

khối đá nhô ra. Các bộ phận định vị vô tuyến và thu hồi nhiệt của “kiến” bị mất dấu vết – khối đá hoa cương đã che khuất anh. Giáo sư nép chặt mình vào vách đá, cố gắng không thở. Ô cửa sổ với luồng ánh sáng màu vàng ấm áp của ngôi nhà anh – ngôi sao hy vọng – đã ở gần ngay bên cạnh. Chỉ cần ba trăm mét nữa là anh đã ở nhà mình!

Robot vừa kêu vừa quay tròn một chỗ. Những ngọn gió đêm làm cho nó không phát hiện ra nguồn nhiệt tỏa ra từ thân người, nhưng nó vẫn nghe được tiếng tim đập liên hồi. “Kiến” đang tìm con mồi của mình.

Nhưng bây giờ giáo sư có thể nghỉ lấy hơi. Anh căng thẳng điếm qua trong đầu tất cả các khả năng. Cần phải chống lại cả logic cực nhanh và lạnh lùng của máy tính điện tử bằng trí tưởng tượng và tính linh hoạt của bộ não con người! Vẫn còn có hy vọng là anh sẽ thoát về được đến nhà. Đây đó trong các bãi cây nổi lên những mòm đá lớn nhẵn bóng, chúng sẽ trở thành từng cái móc trên con đường dẫn anh đến chỗ thoát. Biết đâu anh vẫn còn có thể đánh lừa được robot?

Nhưng anh bỗng dừng người lại vì kinh hoàng. Về nhà à? Tại sao anh lại có thể làm như vậy được? Bởi vì ở nhà còn có Ursula, và các con! “Kiến” chỉ cần ngửi thấy hơi người của vợ anh và mấy đứa trẻ là nó sẽ đảo tung cả ngôi nhà lên ngay. Chẳng lẽ anh lại để cho con quái vật mà anh đã thả ra này giết chết vợ con mình?! Không, bằng bất cứ giá nào, anh cũng phải dẫn con vật này đi ra xa nhà, vào trong núi chẳng hạn. Có thể lừa cho nó rơi vào vực? Hay là từ trên cao ném đá xuống đập vỡ nó ra? Bằng bất kỳ cách nào, anh *phải* làm cho nó trở thành vô hại!

Vẫn còn chưa biết mình phải làm gì, anh rời mắt khỏi luồng ánh sáng ấm áp nơi cửa sổ và nhìn về phía dãy núi Ben Attow đen sẫm ở cách đây

vài dặm. Liệu anh có thoát được con quái vật tàn nhẫn không biết mệt mỏi và không bao giờ bỏ dấu vết này không? Đúng, không chỉ gia đình anh, mà tất cả các gia đình ở Scotland cũng đều có quyền đòi hỏi anh phải đương đầu với cái hậu quả này của những phát minh táo bạo của chính anh. Anh không chỉ phải dẫn con quái vật đáng nguy hiểm rửa này qua bãi đất hoang mọc đầy những bụi cây dại vào núi, mà còn phải tiêu diệt nó. Anh không có quyền thất bại trong cuộc chiến đấu không cân sức này. Bởi vì cái gì sẽ xảy ra sau đó? Điều này thì anh biết rất rõ! Chẳng phải chính tự tay anh đã đặt vào bộ não điện tử của robot chương trình xác định các hành vi của nó đó sao?!

Chỉ cần anh bị giết và xác vừa mới nguội đi, cái con quỷ ham hoạt động này sẽ lập tức quay về với đứa con chưa hoàn chỉnh của nó và tiếp tục công việc cho đến khi kết thúc. Ở con “kiến” thứ hai này cũng sẽ có những “bản năng”, “cảm xúc” và khối ngăn bị phá vỡ như thế.

Rồi sự việc lại sẽ lặp lại từ đầu. Sau hai giờ sẽ có bốn con “kiến”. Tiếng máy kêu vo vo khe khẽ, những cặp mắt điện tử nhấp nháy, những thao tác nhanh như chớp – cả một nhà máy cơ điện sẽ mọc lên ở giữa bãi cây hoang, nơi con người rất ít khi đặt chân tới.

Còn đến chiều mai, tuân theo cái bản năng di chuyển được đưa vào trong chương trình của chúng, hàng nghìn con vật đầu tiên sẽ bò đi khắp mọi phía. Chúng sẽ tìm ra nhà anh, giết chết mọi người ở trong đó rồi lại bò đi tiếp, tìm những con mới mới. Đến sáng ngày kia, một phần tư triệu những con quái vật bằng kim loại sáng lấp lánh sẽ san phẳng những thị trấn Scotland lân cận – Kindlanen, Anlapun, Dornoc. Còn đến trưa, cái đội quân mỗi lúc một lớn này sẽ tràn vào nước Anh đương lúc nó không may mắn gì... nghỉ ngơi đi đâu gì...

Malcolm rời khỏi chỗ nấp và như một người mất trí chạy bộ về phía bình sơn nguyên. Lấp lánh dưới ánh trăng, “kiến” cũng quay người lại và đuổi theo giáo sư.

Một giờ sau, một người thở hổn hển nặng nề chạy luồn lách giữa những mỏm đá đen thẫm của dãy Ben Attow, còn phía sau, vừa bập những giác bám, vừa nhấp nháy đôi mắt xanh, là một cỗ máy tự động bám sát không rời nửa bước.

Sức lực của giáo sư đã cạn kiệt, trái tim như sắp nhảy ra ngoài lồng ngực. Chỉ bằng một nỗ lực phi thường của ý chí anh mới bắt mình cất bước lên được. Và, thực ra Malcolm đã làm được nhiều hơn cái mà có thể chờ đợi ở anh. Từ trên cao, anh ném từng hòn đá tảng xuống thân robot khi nó vừa kêu vo vo, vừa bò lên theo vách đá dựng đứng, nhưng lần nào thì cặp kim thép cũng gạt đi được hết.

Đầu gối của giáo sư khụy xuống vì mệt, nhưng anh vẫn chạy dọc theo mép vực, mạo hiểm tính mạng nhảy qua nhảy lại giữa các khe đá với hy vọng rằng robot trong khi đi theo anh sẽ rơi xuống vực và đập vỡ. Nhưng thật là quá ngây thơ! Bởi vì chính anh đã trang bị cho cỗ máy này các cơ quan cảm xúc điện tử, đã lắp cho nó những bộ xích với giác bám mạnh như ở loài bạch tuộc! Bây giờ anh chỉ còn có một cách là chạy ngoằn ngoèo, xuyên qua các bụi mận gai. Nhưng dù anh có trốn ở đâu, tiếng kêu vo vo và tiếng giác bám bập vào đất vẫn nhanh chóng đuổi kịp anh.

Anh không còn có thể nghĩ gì hơn, không còn có thể hy vọng gì hơn. Chân mỗi lúc một khó nhấc lên khỏi mặt đất, tốc độ chạy giữa những mỏm đá, bụi cây mỗi lúc một chậm lại, còn phía sau tiếng máy vo vo mỗi lúc một gần thêm, những tia sáng xanh mỗi lúc một trở nên rõ hơn.

Và bỗng nhiên, vô cùng kinh hoàng, anh thấy ở phía xa, giữa những bụi cây nhỏ, có một ánh lửa màu trắng đang di động. Ánh đèn bấp! Ursula đi tìm anh! Thấy anh mãi không về chị đâm lo. Nhưng có lẽ chỉ trong vài phút nữa “kiến” sẽ giết chết anh và lúc đó bộ thu hồi nhiệt của robot sẽ hướng sang cái nguồn tia hồng ngoại mới kia...

Nhưng liền lúc đó, một ý nghĩ vụt lóe lên: đầm lầy! Những bãi lầy sâu, nơi bùn nước đặc sệt nổi bong bóng đen. Làm sao mà anh không lập tức nghĩ ra điều đó kia chứ?!

Hy vọng truyền thêm sức mạnh cho anh. Bây giờ anh không còn chạy nữa, mà bay, như một con chim, xuống dốc. Mỗi khi chùm sáng xanh chạm đến vai anh, giáo sư lại nhanh chóng tìm chỗ ẩn ở sau các mỏm đá nhô ra. Ánh lửa trong đám cây thấp mỗi lúc một gần. Thời gian quyết định tính từng phút. Anh cảm ơn trời đất vì những tiếng tim đập rất to và tiếng thở hổn hển của mình – chúng mạnh hơn nhiều lần so với những tín hiệu mà các giác quan của “kiến” nhận được từ Ursula.

Bụi cây con, gò đất, đồng sỏi, rồi lại bụi cây con, và đất ở dưới chân anh bỗng chùng chình lún xuống. Rồi anh đã bước trên bãi bùn bết dính kêu oà oạp dưới đôi giày. Mùi bùn lầy bốc lên từ các hố nước giống như những con mắt đen phản chiếu các ngôi sao trời. Giáo sư không trông thấy gì, anh không hề nghĩ về mình, nhưng một giác quan thứ sáu nào đó dẫn anh đi theo đúng những mô đất mọc đầy lau sậy và cỏ lác, nơi có thể chịu đựng được trọng lượng của con người, nhưng không chịu nổi một cỗ máy nặng hàng tấn. Trong khi chế tạo robot đi lại được mọi địa hình, giáo sư không hiểu sao không nghĩ về sự cần thiết của nó ở trong các vùng đầm lầy, và cái kế hoạch thoát thân của anh bây giờ chính là dựa vào thiếu sót đó.

Trong lúc đó “kiến” vẫn kiên trì bò theo sau anh. Một vài phút, bộ xích vẫn còn nện trên lớp đất cứng phập phồng. Rồi bề mặt bãi lầy cuộn lên, và robot bắt đầu từ từ lún chìm xuống. Vũng nước đen sôi lên, và bãi lầy khép kín lại phía trên mình “kiến”. Cặp kìm bằng kim loại vùng vẫy thêm một lúc, múa loạn xạ trên bề mặt bãi lầy, và vật phát minh kỳ diệu của Malcolm Macgatri vĩnh viễn biến mất khỏi tầm mắt người chế tạo ra nó.

Mất một lúc lâu giáo sư mới leo lên được chỗ đất khô, Ursula đợi anh bên mép bãi lầy. Nhưng anh nhìn vợ bằng đôi mắt của người không hồn.

– Malcolm! Có chuyện gì thế? Máy của anh đâu?

– Ở kia!

Anh giơ cánh tay run run chỉ về phía bãi lầy, ở đó, như tuân theo một sức mạnh ghê gớm nào ở sâu phía dưới, mặt bùn cuộn lên rồi lại thụt xuống. “Kiến” hãy còn sống, nó còn đang vật lộn. Những con mắt bằng tế bào điện tử nhìn trừng trừng vào khối bùn đen. Bộ xích quay không nghỉ. Nhưng bãi lầy đặc sệt đã ôm chặt nó vào lòng.

– Ôi, thế nghĩa là toàn bộ công sức của anh bị mất toi? – Ursula thất vọng nói.

Anh đã mở miệng định trả lời, nhưng bỗng ôm lấy vợ vật ngã ra đất. Trong khoảnh khắc, một vòng mặt trời bùng lên sáng rực trên bãi lầy. Từ dưới đáy sâu dựng lên một cột nước đen ngòm giống như cây nấm độc và lập tức biến mất. Nghe có tiếng nổ ừng ục, mặt đất rung lên.

– Bộ pin thorium đã nổ, bị nước chảy vào trong, – anh nói với một sự nhẹ nhõm sâu sắc. – Bây giờ với nó... thế là hết!

– Anh, đừng buồn, – và vợ anh, vẫn chưa hiểu việc gì xảy ra, nhưng như thường lệ quen an ủi người khác, nắm lấy khuỷu tay chồng bóp chặt. – Chắc anh sẽ lại làm được cái mới thôi mà! Lại còn tốt hơn nữa, đúng không anh?

– Ôi, Ursula!

Anh mỉm cười nhìn vợ và đưa tay uể oải vuốt những vết bùn bám trên mặt. Và bỗng nhiên trên khắp đầm lầy và bãi đất hoang tĩnh mịch vang lên tiếng cười to và sáng khoái của anh.

– Ursula, – cô lấy lại hơi thở, anh nói, – em thân yêu! Anh đã làm ra một con quỷ dữ không có tâm hồn nhưng đồng thời lại có sức sống? Nhôm và những cơn lốc điện tử, các trường điện từ và điệu nhảy vĩnh cửu của các hạt neutron cần phải trở thành một điều tốt đẹp vĩ đại nhất của loài người. Anh đã bao nhiêu năm làm việc không nghỉ, sử dụng tất cả các kiến thức của mình, hơn nữa lại còn tốn bao nhiêu là tiền. Thế nhưng...

Anh ngừng lại lấy hơi. Mặc dù anh tiếp tục cười, đôi mắt của anh vẫn chứa đầy kinh hoàng như cũ.

– Thế nhưng anh cảm ơn trời đất rằng, công trình của anh đã chết! Tất cả, Ursula ạ, thế là hết. Em có biết bây giờ anh sẽ làm gì không?

– Không anh ạ, – và chị tò mò nhìn chồng.

– Mua một trang trại và bắt đầu trồng măng tây!

– M... măng tây? – chị ngờ ngác thì thầm. – Nhưng tại sao lại là măng tây?

– Vì rằng, – giáo sư chậm rãi nói từng lời, – Măng tây là cái hoàn toàn vô hại!

ĐOÀN TỬ HUYỀN dịch

MỐI TÌNH NGOÀI THỜI GIAN

Manuel García-Viñó

(Tây Ban Nha)

Julian Sender được coi là người đầu tiên từ xưa đến nay đã thực hiện cuộc thám hiểm vào chiều thứ tư. Anh không hề dấn dng đến việc phát minh ra máy thời gian, mà chỉ là người thử chiếc máy đó thôi.

Năm 1980, khi anh tròn ba mươi tuổi, các nhà bác học ở Viện nghiên cứu đo thời gian đã chế tạo ra một chiếc máy có thể đưa con người tới tương lai. Ở viện, Julian là phó giám đốc trung tâm báo chí, và trong số mười hai người tình nguyện, anh được chọn ra để thực hiện cuộc thám hiểm tới năm 2020.

Anh không qua một cuộc huấn luyện đặc biệt nào. Người ta chỉ nói với anh rằng anh sẽ phải hoàn thành một chuyến đi duy nhất mà thôi. Anh sẽ vượt qua bốn mươi năm về tương lai và sẽ ở đó một tuần lễ. Sau bảy ngày anh lại quay về nơi xuất phát. Người ta không để anh hỏi gì thêm và cho biết một khi đã được lựa chọn thì anh không được phép can vãn gì cả.

Sau kỳ nghỉ phép một tuần mà anh được hưởng trước cuộc thí nghiệm, Julian tới viện đúng tám giờ sáng. Theo chỉ dẫn của bức thư nhận được ngày hôm trước, anh tới căn phòng số 23.

Một thanh niên bận bộ combinedon* màu trắng có mang dòng chữ V.N.C.Đ.T.G. trên túi ngực, mở cửa cho anh. Anh ta mỉm cười, bắt tay Julian và mời anh vào.

Combinedon: bộ áo liền quần.

Sau đó người thanh niên dẫn Julian vào một căn buồng có sàn, trần và tường đều bằng kim loại, không để chừa một kẽ hở nào. Chiếc bàn duy nhất có ở đây cũng bằng kim loại. Không có thảm, không có tranh ảnh và cũng không có một đồ dùng bằng gỗ nào.

– Thế này, – người thanh niên dẫn anh vào nói, – khi tôi ra, anh hãy ngồi ngay xuống.

Sender muốn nói một điều gì đó, nhưng người thanh niên đã ngắt lời anh.

– Anh không phải lo lắng gì cả. Tất cả những gì anh cần biết thì anh đã biết rồi. Bây giờ chỉ yêu cầu anh có một điều – thực hiện những chỉ dẫn của tôi, khi tôi đi ra, anh hãy ngồi xuống.

Người thanh niên đi ra, khóa cửa lại và Julian ngồi xuống chiếc ghế bằng kim loại. Anh liếc nhìn xung quanh. Căn buồng được chiếu sáng rực nhưng Julian không phát hiện thấy nguồn sáng ở đâu ra. Anh đưa mắt tìm chiếc cửa nơi người dẫn anh vào vừa bước ra, nhưng anh không thấy nó. Căn buồng là một khối lập phương có các cạnh dài gần năm mét. Sàn, các bức tường và trần trông giống nhau: những tấm kim loại tuyệt đối phẳng, ánh lên mờ mờ trong một thứ ánh sáng lạ lùng.

Một lúc sau – Julian thấy khó xác định được là bao nhiêu lâu – Anh nghe thấy tiếng vo vo, nó tác động không chỉ đến thính giác, mà cả đến

xúc giác và thị giác nữa. Tuy nhiên, Julian không tin chắc là tiếng vo vo ấy bây giờ mới xuất hiện hay đã có ngay từ lúc anh mới bước vào. Có một cái gì đó tựa như tiếng rung của bầu không khí chết lặng trong căn buồng, tiếng rung ấy được toàn bộ giác quan tiếp nhận và thấm vào nơi sâu nhất của cơ thể.

Julian nghĩ rằng từ khi cuộc thí nghiệm bắt đầu đến giờ đã hàng giờ trôi qua. Song anh không thấy đói, không thấy khát, không mảy may mệt hay đau đớn. Ánh sáng trong buồng bây giờ đã hết chói. Những bức tường trở nên tối và có vẻ chắc chắn hơn. Nhưng anh cho rằng đó chỉ vì anh đã quen với luồng ánh sáng đầu đầu mà lúc đầu suýt nữa đã làm anh lóa mắt.

Julian nhắm mắt và anh không còn biết mình mê hay tỉnh. Sau này anh cũng không thể hiểu rõ được đi đâu đó. Khi lại mở mắt ra, anh có cảm tưởng như mình cùng với chiếc ghế không phải ở trên sàn nữa, mà ở trên một bức tường của căn buồng. Tiếng kêu vo vo đã hết nhưng bây giờ anh thấy chóng mặt và có cảm giác như đang bay trong khoảng không và rơi mãi vào chốn vô tận.

Anh tỉnh dậy trên một bãi cỏ mọc đầy cỏ ba lá, và linh tính lập tức nhắc rằng anh đã ở năm 2020. Căn cứ theo Mặt trời đang tỏa sáng trên những cụm mây tích trắng như bông thì lúc đó vào khoảng từ mười đến mười một giờ của một buổi sáng mùa xuân.

Anh đứng lên, cảm thấy hơi mệt mỏi và nhìn xung quanh. Bãi cỏ được rào bằng những chiếc cọc kim loại sơn trắng ở phía bắc, phía đông và phía tây, ở ngoài hàng rào cho đến tận chân trời là những cánh đồng đã cày vỡ.

Ở phía nam, bãi cỏ nối liền với một triền dốc thoải của ngọn đồi không cao lắm.

Julian đi lên đỉnh đồi, linh cảm là sẽ tìm thấy con đường cần thiết ở triền dốc bên kia.

Quả vậy, ở phía kia ngọn đồi cũng trải rộng những cánh đồng đã được cày, nhưng cách đó chừng hai cây số anh thấy thấp thoáng không hẳn là một làng lớn cũng không hẳn là một thành phố nhỏ.

Cái thế giới nơi anh vừa đến hầu như chẳng khác gì với thế giới anh vừa già biệt, thậm chí anh còn cho rằng chỉ đổi chỗ chứ không phải thời gian.

Anh nhận ngay ra nhãn hiệu và kiểu chiếc xe hơi mà một ông chủ trại tuổi chừng năm mươi được một cậu bé giúp đang chất những chiếc hộp hình lăng trụ sắc sảo vào như chất lên một chiếc xe tải. Thế nhưng vật liệu khác lạ dùng để chế tạo chiếc xe ấy và chất lượng tuyệt vời của nó đã thu hút sự chú ý của anh. Hoàn toàn có thể tin là những đồ vật này cũng đã tồn tại vào thời đại anh sống, chỉ có điều ở một nước phát triển hơn đất nước của anh mà thôi.

Julian thầm tính toán trong đầu: bây giờ người chủ trại này chỉ chừng mười – mười hai tuổi thôi. Cậu bé thì chưa ra đời. Julian rung mình vì ý nghĩ đó.

Anh bước đến bên những ngôi nhà đầu tiên của thành phố. Những người đi ngược lại không mấy may chú ý đến anh. Những người này có nhìn thấy anh không? Anh có tồn tại đối với họ không? Tất cả những cái này không phải là do anh nằm mơ thấy, là ảo ảnh chứ?

Ở góc phố anh nhìn thấy một tiệm rượu và đi lại gần. Sau những khung kính rộng của tủ bày hàng, giữa những chai rượu mang nhãn hiệu mà anh không biết đến, anh tìm thấy cái anh đang đi tìm – tờ lịch ngày thứ hai mùng 5 tháng 5 năm 2020.

Một chú bé chừng tám tuổi chạy trên hè phố lao vào người anh và ngã lảo ra. Sự va chạm ấy như một sự phóng điện giúp Julian hoàn toàn bước vào một hiện thực mới.

Chú bé sợ sệt nhìn người khách bộ hành lạ lẫm. Cái nhìn của cặp mắt xanh này, Julian nghĩ, đang dõi tới anh qua cả một vực thẳm thời gian, qua một bề dày cuộc sống của anh và cuộc sống của cậu bé, qua làn sương mù bí ẩn.

Ý thức về điều đó sinh ra một cái gì ngây ngất.

Giọng nói cậu bé ngân vang:

– Xin lỗi, seño^{*}.

Seño : ngài, ông (tiếng Tây Ban Nha).

Giọng nói ấy cũng êm ái như cái nhìn, một giọng nói tuyệt diệu, nó đã đem lại cho Julian sự tồn tại, trao cho anh quyền của người công dân trong thời đại này.

Anh giúp chú bé đứng dậy và phủi quần áo cho cậu:

– Cháu tên gì?

– José ạ.

– Tốt lắm, José, cháu đi đâu mà vội thế?

Chú bé nhún vai.

– Cháu đi tìm các bạn à?

– Vâng ạ.

Julian giữ hai vai chú bé và không muốn rời ra, mặc dù anh hiểu là cần phải để cho chú đi. Thời gian mà bất kỳ một người quan sát khách quan nào cũng còn cho là bình thường, đã trôi qua. Nhưng anh không muốn từ giã José. Julian có một khoái cảm không gì so sánh nổi khi bằng đôi mắt anh hút theo ánh sáng của cái nhìn ngây thơ ấy, cái nhìn của một con người còn chưa ra đời.

– Chú bé tám tuổi này sẽ là ai khi anh, Julian, tròn bảy mươi tuổi? Có thể, là con anh, là cháu hay học trò của anh. Trái tim Julian đập rộn ràng, thái dương anh giần giật vì một tình cảm sâu lắng, muốn được bộc lộ ra và để cho mọi người hiểu. Nó giống như một hũ ỉa xa xôi vọt lóc lên từ đáy sâu của tiềm thức.

“Ta biết cháu, José ạ, ta biết... Nhưng không, đi đâu đó không thể được, bây giờ còn chưa thể.”

Anh lo sợ rằng mình sẽ điên lên mất vì những suy nghĩ như thế. Và anh bỏ tay ra khỏi vai chú bé. Chú lại mấp máy lời xin lỗi rồi biến mất.

Julian đi tiếp, anh tò mò nhìn khắp xung quanh. Anh hiểu nhiệm vụ chính của anh là nhìn, kiểm tra, phát hiện, so sánh, và ít ra là phải *có mặt ở đây*, bởi vì cái thực sự quan trọng không phải là những biến đổi về xã hội chính trị, kinh tế hay tôn giáo xảy ra sau bốn mươi năm (chúng có thể dự đoán được một cách chính xác tương đối), mà là chính cuộc thám hiểm vào chiều thứ tư, là bước nhảy trong thời gian mà anh vừa thực hiện xong.

Tới ngã tư, anh nhận thấy trên bến đỗ một chiếc xe buýt với biển đề “Đến trung tâm thành phố”. Không cần nghĩ nhiều, anh nhảy lên bậc xe. Và chỉ khi chiếc xe đã lao nhanh dọc đại lộ cắt ngang một công viên rộng, Julian mới lo lắng nghĩ mình mua vé bằng tiền nào đây? Anh sờ túi. Còn một ít tiền, nhưng không biết có còn dùng được không? Anh đưa mắt tìm người bán vé. Mà có thể ở đây người ta trả tiền cho lái xe chăng? Để tránh những sự phiền toái, khi chiếc xe buýt vừa đỗ lại sau khi đã qua hết công viên, Julian vội xuống xe.

Anh thấy mình trên đường phố rộng, xe cộ nhộn nhịp, hai hè đường đây người đi lại và anh nhận ra: đây chính là một phố của thành phố quê hương anh. Anh chợt nảy ra ý nghĩ đi về nhà mình, hay đến chỗ bạn bè, hoặc tới viện nghiên cứu, nhưng anh ý thức được một cách trực giác là không nên buông trôi theo những sự quyến rũ đó.

Rồi Julian hòa mình vào đám đông ồn ào. Anh muốn quan sát hành vi của những người quanh anh, nghe xem họ hỏi gì, tìm hiểu họ sống như thế nào. Nhưng một sự do dự đầy dằn vặt đã choán lấy anh từ khi anh nghĩ đến chuyện trả tiền xe. Vấn đề tài chính sẽ được giải quyết thế nào đây trong chuyến du lịch lạ lùng này, chuyến du lịch mà anh là người đầu tiên thực hiện. Anh thấy cần phải làm rõ điều này.

Cuối ngõ phố anh nhìn thấy một chợ hoa và sau một quầy bán hoa là một cụ già. Julian nghĩ rằng nhất định ông cụ sẽ nhận biết được tiền của anh; và chờ khi ông cụ còn có một mình, anh bước đến bên quầy.

– Señor cần gì ạ?

Julian thấy ngập ngừng:

– Xin cụ cho hai bông hồng, – cuối cùng anh nói. – Những bông kia kìa. Cháu cần làm quà tặng... – Anh thấy cần phải giải thích, và đưa cho ông già tờ giấy bạc lớn nhất của mình.

Ông cụ xoay xoay tờ giấy bạc trong tay và cuối cùng dứt vào ngăn kéo.

– Anh moi nó ra ở đâu thế? – Ông cụ hỏi và tính tiền trả lại. – Thứ tiền này bây giờ hầu như chẳng còn.

– Nhưng vẫn còn tiêu được chứ ạ? – Julian lo lắng hỏi.

– Được, – Ông già mỉm cười trả lời. – Tôi nghĩ là còn tiêu được.

– Người ta đưa nó cho cháu... – Julian không biết nói gì, bỏ lửng câu.

Anh nhận thấy ông già nhìn anh vẻ dò hỏi.

– Thật lạ. Vải và kiểu may bộ quần áo của anh nhắc tôi nhớ về thời xa xưa... Cái thời trẻ trung của tôi ấy.

– Thế ạ? Vải ở nhà cháu có sẵn; cháu...

Tiếng cười của ông cụ ngắt lời anh.

– Anh đang sống hoàn toàn trong quá khứ, phải không?

Julian mỉm cười bối rối.

Ông cụ lấy tay chạm vào ve áo anh, và gật đầu khẳng định.

– Năm một nghìn chín trăm bảy mươi lăm, – Ông cụ nói. – Tôi sinh năm năm mươi một...

Julian suyt nữa thì nói với ông cụ là ông còn trẻ hơn anh một tuổi, nhưng anh ghìm lại được:

– Xin cảm ơn cụ, – anh nói và đi ra.

– Ấy, anh quên những bông hồng rồi!

– Thôi cụ giữ lấy, cháu chỉ muốn đổi tiền thôi.

– Anh bạn ơi, quay lại đi, để đổi tiền không nhất thiết phải mua đâu.

Julian ra hiệu bảo rằng đi đâu đó không quan trọng, rồi anh rảo bước phớt lờ những tiếng gọi của ông cụ bán hoa.

Ngày thứ ba, khi đi ra khỏi khách sạn nơi anh dừng chân – một khách sạn yên tĩnh ở phía bắc thành phố – lần đầu tiên Julian cảm thấy anh đang ở trong một tình thế lạ lẫm. Anh ăn sáng ở tiệm mà anh vẫn ăn, mua mấy tờ báo và bình thản bước lại vườn hoa gần nhất.

Ngồi xuống ghế, anh giở một tờ báo. Nhiều tin tức về các cuộc thi đấu thể thao, những chuyến bay liên hành tinh, những đại hội liên hoan sân khấu... Không có một tin tức nào về chiến sự hay chuẩn bị chiến tranh. Có lẽ, thời đại hòa bình đã đến với loài người. Julian thầm mỉm cười vì ý nghĩ anh sẽ có một tuổi già êm đềm, và có nghĩa là một tuổi già hạnh phúc...

Bất giác anh cảm thấy một cái nhìn của ai đó và ngẩng đầu lên. *Nàng!* Nàng chăm chú nhìn anh và bị bắt gặp bất ngờ, nàng bối rối đỏ mặt xấu hổ. Đến lượt anh, anh không đủ sức hướng cái nhìn đi nơi khác; cái cảm giác mà hai ngày trước José gợi lên trong người anh bây giờ càng trở dậy mãnh liệt hơn gấp ngàn lần.

– Xin lỗi, – cô gái nói về xúc động và bước đi.

Sau một chút đắn đo, Julian rảo bước theo nàng:

– Xin lỗi, – cô gái nhắc lại khi anh đuổi kịp nàng. – Em có cảm giác là thấy người quen. Nhưng hóa ra em nhầm. Xin lỗi anh.

– Không sao. Tôi không thể...

Cái nhìn của cô gái, màu đôi mắt nàng, thanh âm giọng nói nàng đã tác động đến cảm xúc của Julian mạnh đến nỗi ý thức về điều kiện thực tế bây giờ không còn có tác dụng điều khiển đối với những hứng thú, ý muốn, hành động và cả chính sự tồn tại của anh nữa.

Nàng gần như cùng tuổi với anh, là người phụ nữ tuyệt diệu nhất trong số những người xưa nay anh đã từng gặp.

– Mà đâu sao, – cô gái nói, – em cũng nhận ra anh rồi.

– Không thể được, – Julian phản đối. – Lần đầu tiên tôi tới thành phố này.

– Không, em không khẳng định là em đã gặp anh trước kia. Chỉ có điều là tuấn trước người ta có hỏi em về anh...

– Về tôi à?

– Anh tên là Julian. Julian Sender, đúng thế không nào?

Julian thấy chóng mặt. Trong một thoáng anh có cảm giác như mình đang mê sảng hay phát điên lên. Anh nói lúng búng:

– Thế đấy.

– Đó là một người đã có tuổi, đúng hơn là một ông già. Ông ấy chỉ cho em xem tấm ảnh của anh. Và ông ấy rất bối rối khi em nói là em chưa gặp anh bao giờ.

– Tôi không hiểu, – Julian nói.

Vừa nói chuyện anh vừa tìm trong óc lời giải thích cho đi đầu bí ẩn này. Không nghi ngờ gì nữa, đi đầu này liên quan đến việc cuộc sống thực của hai người diễn ra trong những hệ không gian và thời gian khác nhau. Nhưng mối liên quan đó như thế nào?

– Tôi không hiểu, – anh nhắc lại, – Ở đây không ai biết tôi cả.

Trong một lúc – Julian cảm thấy nó như kéo dài vô tận – cả hai người im lặng, không biết nói gì. Cuối cùng anh buộc mình phải lên tiếng:

– Dù thế nào đi nữa thì bây giờ cũng đã rõ một đi đầu: chúng ta đã có duyên nợ được quen nhau.

Cô gái không nói gì. Nàng nhìn anh chăm chú, rồi cúi đầu, và sau một lúc suy nghĩ nàng lại ngẩng lên. Julian lý giải đi đầu đó như một dấu hiệu của sự đồng tình.

– Cô đã biết tôi tên là Julian. Thế còn tên cô?

– Em là Isabel.

Isabel mỉm cười dịu dàng, lắc đầu vẻ không tán thành.

– Em không hiểu, phải không? – Julian hỏi.

Anh nắm lấy hai bàn tay nàng, đưa lên môi và hôn say đắm. Nàng không cưỡng lại.

– Em hiểu là anh yêu anh với tất cả tấm lòng, và em tin anh, mặc dù chúng ta quen nhau mới có bốn ngày. Em tin bởi em cũng rất yêu anh... Nhưng em không hiểu nguyên nhân sự tuyệt vọng của anh.

– Đi đầu đó không thể giải thích được.

– Vì sao vậy?

Julian cúi đầu lặng đi, xiết chặt bàn tay nàng trong tay mình. Sau đấy anh ngẩng lên tìm ánh mắt của nàng, nhưng anh lại cúi xuống ngay để Isabel không trông thấy những giọt nước mắt đang trào ra.

– Bởi vì anh không thể, – cuối cùng anh thốt lên.

Isabel hất mớ tóc rũ xuống trán anh.

– Anh nói như trẻ con ấy, – nàng nói.

Nhưng anh liề n phản đối:

– Anh già hơn em nhiều lắm.

– Già hơn nhiều lắm, – nàng dài giọng chế giễu. – Thế anh già hơn bao nhiêu nào? Em đánh cuộc là chúng mình gần bằng tuổi nhau.

Julian lại ngẩng đầu lên. Bây giờ anh đứng dưng với việc nàng sẽ thấy anh khóc hay không. Cấn môi, anh lắc đầu không tán thành.

– Không, – anh nói với vẻ kiên quyết. – Anh già hơn rất nhiều.

Isabel nghiêm nghị nhìn Julian:

– Em không hiểu được anh, – nàng nói vẻ ngạc nhiên.

Anh im lặng.

– Em không hiểu cả những giọt nước mắt của anh, cả việc anh khẳng khẳng không nói, cả nỗi tuyệt vọng mà nếu tin lời anh nói thì anh đã yêu em.

Julian không đáp lại, nàng cũng không nói gì thêm, bởi thế sự im lặng cứ kéo dài.

Mặt trời đã ngả về tây, Julian cảm thấy sinh lực anh như cạn theo ráng chiều đang tắt dần. Không có ai, dù là ở vào thời đại nào, đã từng phải nếm trải những nỗi buồn như lúc này đang làm đau thắt con tim anh khi anh đứng nhìn vầng Mặt Trời khuất sau chân trời và mang theo một ngày anh được hưởng ngoài cuộc đời anh, cái ngày mà không hiểu anh có sống được tới lúc đó hay không. Đây là cái chết trong khuôn mặt của sự sống, là một sự vô nghĩa. Dường như anh được nhìn thấy thế giới, cảm giác cuộc sống, nếm trải khoái lạc và tình yêu từ thế giới bên kia, xa xăm vậy.

– Em đến lúc phải về rồi, – Isabel nói.

– Em ở lại thêm phút nữa đã, – anh nài nỉ.

Không chớp mắt, anh đắm đuối nhìn đôi mắt nàng với vẻ bất lực và xa lạ đến nỗi nàng không thể trả lời gì.

Vào những buổi chiều trước đây họ thường chia tay nhau ở nhà ga đường sắt nối dẫn tới một thành phố vệ tinh. Cụ thể là thành phố nào thì Julian không biết, và bỗng nhiên anh nghĩ mình cần phải biết, nhất định phải biết nàng sống ở đâu để còn tìm được nàng sau này.

– Chúng ta đi thôi, – anh nói.

Rồi anh đứng dậy. Anh kéo nhanh nàng đến lối ra công viên. Bóng đêm đã xuống.

– Hôm nay anh dẫn em về nhà.

– Đừng, xa lắm anh ạ.

– Chúng ta đi nhanh lên, – anh ngắt lời nàng, thở ra một cách nặng nề.

Anh ngờ rằng có thể đã muộn rồi. Anh lại nghe tiếng vo vo xa xăm, thấy ánh sáng chói lòa lấp lóa khi anh nhớ lại những nếm trải trong bảy ngày qua, bảy ngày vượt bốn mươi năm trong một căn buồng kim loại lạnh kỳ.

Anh hiểu – qua đám mù đang tụ lại trong óc anh – là ngay bây giờ có thể xảy ra cái mà nàng không nên nhìn thấy.

– Isabel, Isabel... – anh dừng lại nói thì thào.

Anh điên cuồng ôm chặt lấy nàng, trong một khoảnh khắc quyết định không buông tay ra để mang nàng đi theo mình, hoặc sẽ được ở lại đây nếu tuổi trẻ của nàng thắng thế. Sau đó anh bỏ chạy không ngoái lại, để tìm bãi cỏ ngoại ô, nơi anh đã lọt tới sau chuyến bay không thể tưởng tượng nổi trong thời gian.

Cuối cùng anh cũng không biết là mình có tới được bãi cỏ đó hay không. Khi anh tỉnh lại, anh đã ở thời đại của mình, trong thành phố, trong ngôi nhà và căn phòng của mình.

Cả quãng đời sau đó của Julian Sender, nhà thám hiểm tới châu thứ tư đầu tiên và duy nhất từ trước tới nay, đã trôi đi trong bóng hình của một mối tình không thành hiện thực và không đạt tới được.

Những người thân nhớ về anh như về một con người ưu tư kín đáo, một con người trầm lặng hờ hững, cách biệt hiện thực xung quanh; anh lang thang khắp những vùng ngoại ô, đánh bạn với sự cô tịch và những buổi hoàng hôn; anh là kẻ hành hương suốt đời không biết đến giấc ngủ và sự nghỉ ngơi, là người đã mất ý chí đối với cuộc sống.

Trong cảnh cô đơn anh dõi theo những ngày đêm thấp thoáng trôi đi, dõi theo sự xoay vần chậm chạp của bốn mùa; anh so mạch sự tồn tại của mình với những tờ lịch và đồng hồ. Trước năm 1995, cuộc đời anh xoay xung quanh một người phụ nữ chưa ra đời người mà thậm chí đến cha mẹ tương lai của nàng cũng chưa nghĩ đến việc đặt tên, có thể cha mẹ nàng là một đôi lứa đang yêu nhau mà anh gặp vô số trên mỗi đường phố, trong bất kỳ vườn hoa nào.

Vào năm 1995 – nhưng tháng nào, ngày nào? – nàng đã ra đời. Anh bắt đầu đi tìm nàng. Ước nguyện duy nhất của anh là gặp được Isabel khi nàng còn là một cô bé tí xiu và theo dõi xem nàng lớn lên như thế nào. Nhưng anh chỉ biết có tên nàng mà thời thơ ấu của nàng có thể trôi qua ở nơi khác và nàng sẽ đến đây chỉ sau hai mươi năm nữa.

Và hai mươi năm năm đã trôi qua, Julian Sender đã già đi. Cái thế giới mà ông đã được biết trước tất cả mọi người, dần dà theo một cách không nhận thấy đã đến xung quanh ông. Ông nhận biết nó như một dư âm của giấc mơ xưa, như một kẻ báo lời tiên tri, như một hồi ức về đi đâu đã xảy ra trong dĩ vãng xa.

Đã vài tháng nay Julian thường xuyên ghé thăm cái công viên nơi ông đã từng gặp nàng. Suốt những giờ đăng đẳng ông ngẩn trên chính chiếc ghế xưa, hồi hộp phập phồng trong nỗi mong chờ sự xuất hiện của nàng.

Vào ngày hôm nay, trước khi cặp mắt ông nhìn thấy Isabel, thì sự xuất hiện của nàng đã được báo trước bởi tiếng tim đập gấp và bởi một nỗi cay đắng trong lòng đến nghẹt thở – nó như một sự phản ứng không ý thức chống lại tuổi trẻ đã chết, chống lại cuộc đời đã tiêu phí vô ích, chống lại mối tình không mục đích, chống lại nỗi chờ mong vô vọng.

Ông không đủ can đảm để lại gần cô gái. Suốt hơn một giờ ông kín đáo theo dõi nàng, và khi nàng đi ra khỏi công viên, ông liền theo sau để biết ở đâu có thể nhìn thấy nàng lần nữa.

Isabel ngạc nhiên nhìn ông bằng chính đôi mắt trong sáng và êm ái mà suốt đời ông đã mang trong ký ức của mình, bằng chính đôi mắt tuyệt diệu mà bốn mươi năm trước ông đã tan đi trong đó.

– Có tin tức gì cho cháu à?

Julian gật đầu.

– Của ai vậy?

– Của một người mà cháu rất quen và đã gây cho cháu một nỗi đau, nhưng... Nhưng cháu hãy tin rằng, đi đâu đó hoàn toàn ngược lại với ý muốn của người đó.

– Cháu không hiểu.

Julian cắn môi.

– Đó là Julian Sender, – ông nói.

Isabel nhún vai.

– Cháu không biết ai như vậy.

Ông nhìn nàng, choáng váng và bối rối.

– Có lẽ, – cô gái nói thêm, – bác đã nhầm cháu với một người phụ nữ khác.

– Không, không... Isabel ạ.

Nàng khẽ nhăn trán lại:

– Vâng, cháu tên là Isabel. Nhưng...

Julian rút trong ví ra bức ảnh chụp bốn mươi năm trước.

– Đây là anh ấy.

Cô gái nhìn mãi bức ảnh. Cuối cùng cô trả lại:

– Cháu rất lấy làm tiếc. Nhưng cháu chưa hề nhìn thấy người này, cháu không biết anh ấy.

Sau đó hai ngày, Julian được gọi tới Viện nghiên cứu đo thời gian. Khi ông xưng tên với người gác cổng, anh ta liền vội vã dẫn ông tới gặp giám đốc.

– Bác đã tới đây à? – ông giám đốc đứng dậy chào ông và hỏi – lạy chúa. Lẽ nào bác không nhận được giấy báo của chúng tôi? Chúng tôi mời bác tới lúc bảy giờ sáng. Mà bây giờ đã tám giờ kém mười lăm rồi.

Julian nhún vai. Ông không biết đến ngày, đến giờ nữa.

– Thôi được, seño Sender ạ. Theo số liệu lưu trữ của chúng tôi, thì sau một giờ mười lăm phút nữa sẽ đến thời điểm bác đi từ năm một nghìn chín trăm tám mươi đến thăm năm hai nghìn không trăm hai mươi của chúng tôi.

Julian vụt ngừng đầu:

– Thế có nghĩa là tôi còn chưa...

Nhưng viên giám đốc ngắt lời ông:

– Chúng tôi không biết đi đâu gì sẽ có thể xảy ra với bác... – ông ta nói về xúc động. – Những biện pháp phòng ngừa đơn giản nhất đòi hỏi phải đưa bác vào bệnh viện của chúng tôi.

Julian không nghe. “Sự thể là thế đấy, ông thầnh nhắc đi nhắc lại. – Isabel còn chưa làm quen với mình, vì vậy nàng chưa thể nhận ra mình trên ảnh.”

Sau khi làm khuây đi nỗi đắg cay của mình bằng sự an ủi yếu ớt ấy, ông để người ta dẫn vào phòng phẫu thuật, nơi một nhóm các bác sĩ và y tá đang h ồ h ợp vây quanh ông với sự hiếu kỳ.

– Xin mời lại đây, lại đây, nhanh lên cho.

Khi ông vừa nằm lên chiếc cắg, một giọng của ai đó tuyên bố:

– Chín giờ mười. Còn hai phút nữa thôi.

Hai phút sau, Julian cảm thấy một sự chóng mặt kỳ lạ, và ông thiếp đi trong mê man. Dường như mỗi lúc ông càng đi xa khỏi thế giới và cõi đời. Trong một tia lóe cuối cùng của ý thức, ông nghĩ rằng mình đang hấp hối.

Tỉnh lại sau giấc ngủ dài một tuần lễ, ông hiểu rằng: không ai lại có thể hai lần sống cùng một số ngày đó. Thời gian khi ông t ồnh tại không ý thức hoàn toàn trùng với thời gian bốn mươi năm trước ông đã sống trong thế giới của tương lai. Trong thế giới của tương lai mà giờ đã trở thành quá khứ và mỗi phút một trôi xa hơn.

Trong giấc ngủ lịm tri ền miên của ông, José, cậu học trò nhỏ, đã vấp phải một thanh niên không quen biết ở cửa tiệm rượu. Bốn ngày sau người thanh niên đó đã nếm trải mối tình của cuộc đời mình, một mối tình duy nhất của mình trong nỗi đau khổ và hoan lạc. Một mối tình vô vọng mà không đi ầu kỳ diệu nào, không thành tựu khoa học nào có thể giúp được.

Viện có một mối, Julian hứa sẽ quay trở lại viện sau vài ngày nữa để trả lời những câu hỏi của các bác sĩ, và ra về

Ông chầm chậm bước về thành phố. Bây giờ ông quyết định dứt khoát không nói gì với Isabel cả. Trong những ngày này, tất nhiên, nàng đang đau khổ. Nhưng sớm hay muộn, sự biến mất bí ẩn của ông của Julian Sender vẫn sẽ an ủi nàng nghìn lần hơn là sự thật khắc nghiệt này.

Ông đi lang thang không chủ định, và bất ngờ thấy mình đã tới chợ hoa, gần quây của ông già nọ, nơi ông đã mua mấy bông hồng, không hẳn là một tuần trước, cũng không hẳn là bốn mươi năm trước... Đúng, mấy bông hồng đó còn đây.

Khi thấy không còn ai bên cạnh ông già bán hoa. ông rụt rè lại gần.

– seño cần gì ạ?

Julian không trả lời ngay.

– Vài ngày trước... – cuối cùng ông nói, – Đúng hơn, một tuần trước, có một thanh niên, con trai của... của tôi đã trả tiền hai bông hồng và chưa lấy hoa đi...

– À vâng, đúng thế. Tôi vẫn nhớ.

Ông già bán hoa đưa mắt nhìn quây hoa của mình:

– Đây, những bông này. Hơi héo rồi.

– Không sao. Ông có thể cho tôi xin chứ?

– Tất nhiên rồi.

Ông cụ đưa hai bông hồng cho Julian.

– Tôi phải trả ông bao nhiêu?

– Không, hoa ấy là của ông.

Julian lê bước rời quây hoa.

Ông chần chập đi về nhà, cảm thấy trên đôi vai cả gánh nặng của tuổi già. Ông bóp chặt trong tay hai bông hồng nay đã hơi héo, ngả màu, sắp tàn lụi.

Về đến nhà, ông ném chúng lên bàn, bên cạnh bức ảnh chụp Julian Sender mà giờ đây đâu còn là ông nữa. Vài cánh hoa úa rụng xuống...

Ông nghĩ về Isabel, về mối tình thanh khiết, say mê và không lối thoát của mình. Nỗi đau buồn trong tâm hồn ông giờ không còn là sự thất vọng và lo âu đã từng dày vò ông khi từng ngày, từng tháng, từng năm ông suy nghĩ về tấn bi kịch tương lai. Bây giờ mối tình của ông đã đi về quá khứ, như mối tình của ngàn vạn những con người khác. Nó đã thành một phần không thể tách rời được của cuộc đời ông. Nó đã thành kỷ niệm. Đã tìm được chỗ của mình.

NGUYỄN CHIẾN dịch

LỜI GIẢI

V. Komarov

(Liên Xô)

Suốt ngày biển động, mặc dù bầu trời vẫn hoàn toàn quang đãng. Con tàu không lờ chậm rãi, cứ như là miễn cưỡng, chao đi đảo lại trên mặt sóng. Nhìn từ cửa sổ buồng tàu ra có cảm tưởng như đường chân trời lúc thì tụt xuống biển đi sâu trong lòng biển, lúc thì lao vút lên trên, và khi đó nó gây ra cảm giác như đại dương sắp đổ ụp xuống chúng ta.

Đến chiều thì sóng yếu đi, nhưng con tàu như đã nhiễm thói quen vẫn còn tiếp tục tròn trành đơn điệu. Tôi ngồi suốt ngày viết bài để sáng mai gửi tới tòa soạn từ một bến cảng gần nhất.

Viết lách chẳng đâu vào với đâu. Có thể bầu không khí ngột ngạt miền nhiệt đới – cái mà tôi rất kém chịu đựng – đã cản trở tôi, rồi lại sự dập dờn đơn điệu của con tàu làm tôi mệt mỏi.

Khoảng chín giờ, tôi cảm thấy lòng suy nghĩ cuối cùng đã không còn giữ được sự minh mẫn cần thiết. Muốn hít thở bầu không khí tươi mát bên ngoài, tôi gấp cặp giấy trở lại và leo lên boong.

Trên boong im ắng và ngọt ngào. Có lẽ ở đây còn khó thở hơn là ở trong phòng tàu có điều hòa không khí.

Tôi bước xuống boong dưới gần mặt nước và cúi người xuống tay vịn. Bên dưới mặt nước tối thẫm một màu, dường như đại dương bị ngập dưới một lớp dầu mỡ. Bầu trời đen kịt đầy sao hòa lẫn với mặt biển xanh đen.

Trong những giờ phút như thế, người ta thường quên đi tất cả. Những ý nghĩ không còn tập trung ở một điểm nhất định nào đó nữa, mà chúng trượt đi theo những hướng chẳng thể nào lý giải được, vờn bắt những hình ảnh mờ ảo, một cái gì đó xa xăm hoặc đã gần như quên lãng trong ký ức. Bỗng một giọng đàn ông hời hợt gọi giật tôi ra khỏi trạng thái thôi miên ấy:

– Xin lỗi, vừa rồi anh có nghe thấy gì không?

Tôi lắng tai nghe như một cái máy mà chẳng hề quan tâm xem ai đã hỏi như thế. Thiếu gì những âm thanh có thể làm cho con người ở trên tàu ngoài biển khơi này quan tâm. Song tôi chẳng nghe thấy gì ngoài tiếng sóng vỗ mạn tàu và tiếng ầm ì đều đều của máy tàu đang làm việc.

– Không, chẳng nghe thấy gì cả...

Có thể, cuộc nói chuyện khuya ngẫu nhiên đó của chúng tôi đã kết thúc ở đây, nhưng vừa vặn vào lúc ấy, cửa sổ một phòng tàu sát boong dưới sáng lên. Tia sáng rơi vào khuôn mặt người đang đứng cạnh tôi.

Chao ôi, đôi mắt... đôi mắt của anh ta – chúng làm tôi sửng sốt. Cái nhìn của đôi mắt ấy pha trộn lạ lùng cả sự chờ đợi đầy lo âu, niềm hy

vọng, và có lẽ cả sự hãi hùng. Lẽ nào mà một thanh âm bình thường lại có thể gây ra những cảm giác quặn lẫn nhau như vậy.

Giống như khi ta bắt gặp đi đâu gì đó lạ thường, tôi hơi tròn trợn. Rồi tôi hỏi:

– Anh nghe thấy gì vậy?

Cái nhìn căng thẳng của anh ta liến tắt ngay như có ai vừa ngắt mạch điện. Về chờ đợi lo âu đã thay hẳn sự mệt mỏi. Anh ta lắp bắp một câu gì giống như là xin lỗi, quay người lại phía mạn tàu, tựa tay lên lan can, rồi nhìn xuống làn nước trôi bên dưới.

Nhưng lúc này trong tôi đã dậy lên sự tò mò, và trực giác nghề nghiệp liến nhắc nhở rằng sự ngẫu nhiên đã dẫn tôi tới một cái gì đó khác thường.

– Tôi có thể giúp anh được gì chăng? – tôi nói với giọng rất mực chân thành.

Người lạ mặt không quay đầu lại, giơ tay ra về ngăn ngừa và nói giọng thì thào rõ tiếng:

– Khẽ thôi, xin anh khẽ cho...

Rõ đi đâu đó thật lạ lùng!

Cả hai chúng tôi đứng im vài phút. Sau đó anh ta sốt ruột phẩy tay và quay lại phía tôi:

– Có thể, anh nghĩ rằng tôi... – anh ta mỉm cười về có lỗi.

– Tóm lại là...

– Quả là có vậy, – tôi nói sau khi quyết định rằng trong trường hợp này tốt nhất là nên hoàn toàn cởi mở.

– Không sao, – người lạ mặt lẩm bẩm, – đi đâu đó hoàn toàn tự nhiên. Chính tôi lúc đầu cũng nghĩ như anh. Khi đi đâu đó xảy ra lần đầu tiên.

Anh ta lại im lặng, có vẻ như chìm đắm vào những suy nghĩ của mình.

– Có thể, những ảo giác thính giác chẳng? – tôi phỏng đoán, cố gắng gọi lên để người nói chuyện lạ lòng lúc khuya khoắt này phải giải thích tiếp. – Anh nghe thấy những âm thanh nào đấy chẳng?

Người lạ mặt vươn thẳng người và im lặng gõ gõ các ngón tay lên thành lan can. Sau đó anh bỗng hỏi:

– Anh đã bao giờ trông thấy một tai nạn máy bay chưa?

– Rất may là chưa bao giờ.

– Anh thử hình dung xem. Một chiếc máy bay bay trên biển. Và bỗng nhiên – một đám cháy, động cơ bốc lửa. Những ngọn lửa trùm lấy chiếc máy bay. Nó nhanh chóng mất độ cao. Hành khách biết rằng không thể thoát được... Còn chiếc máy bay... – anh ta đột ngột dừng câu chuyện của mình và quay đi.

– Chuyện đó xảy ra ở đâu? – Tôi thận trọng hỏi.

– Ở đây.

– Ở đây?

– Vâng... ở một nơi nào đó trong khu vực này.

– Và chính anh... – tôi lại nói, nhưng người nói chuyện lúc đêm khuya của tôi đã cúi mình xuống lan can và nói bằng giọng mệt mỏi:

– Chuyện này đòi hỏi phải có những giải thích cặn kẽ. Mà bây giờ thì khuya rồi... – Và không hiểu sao, anh ta nhìn lên trời.

Nhưng tôi cảm thấy rằng anh ta cần phải tâm sự. Chính ngay bây giờ. Và tôi vội nói rằng tôi quen đi ngủ muộn.

– Thôi được, – người lạ mặt đồng ý với vẻ hững hờ, có lẽ anh ta còn chưa quyết có nên bắt đầu cuộc nói chuyện hay không.

Tôi kiên nhẫn chờ đợi mà không muốn trở thành người quấy rầy anh ta... Có thể, đến mười lăm phút đã trôi qua. Cuối cùng, người lạ mặt đứng thẳng lên và đi lại gần tôi.

– Xin lỗi, anh làm nghề gì nhỉ? – anh ta hỏi.

– Về nghề nghiệp thì tôi là nhà báo, nhưng về chuyên môn...

– Mà thực ra cái đó không quan trọng. Chỉ đơn thuần là tôi muốn kể câu chuyện lạ lùng này cho người nào có thể suy nghĩ về nó với ý thức phê phán và không có định kiến.

– Tôi sẽ cố gắng...

Người lạ mặt day tay lau trán như muốn tập trung tư tưởng, rồi nói chậm rãi:

– Tất nhiên, anh sẽ thấy đi đâu đó ít ra là rất lạ lùng... Tôi tên là Lipatov, Sergei Lipatov... Tôi là nhà điểu khiển học. Tôi sẽ chẳng làm một anh với những chi tiết tiêu sử của tôi đâu, mà sẽ đi vào vấn đề ngay. Vài năm trước, tôi và người cộng tác viên thường xuyên là Iuri Kuznetsov cùng nghiên cứu một vấn đề lý thú có liên quan đến các máy móc tự điểu khiển. Tôi sẽ không giải thích vấn đề đó như thế nào vì điểu ấy không có ý nghĩa gì đối với câu chuyện của tôi cả. Chỉ cần nói để anh biết rằng lời giải thành công cho bài toán của chúng tôi sẽ mở ra những khả năng mới về nguyên tắc trong kỹ thuật điểu khiển học. Lúc đầu, công việc tiến triển nhanh. Nếu

anh đã làm quen với khoa học, với các nhà bác học, thì có lẽ anh cũng biết là đôi khi chỉ riêng việc đặt vấn đề một cách đúng đắn đã mở ra được con đường thẳng tắp mà theo đó người ta có thể lao đi như trên ô tô đua vậy. Nhưng chỉ đến một thời điểm nào đó mà thôi. Sớm hay muộn rồi cũng phải va chạm với một cản trở nào đó. Đôi khi đó là vật cản không vượt qua nổi. Chúng tôi cũng không tránh khỏi số phận tương tự. Sự mắc mớ diễn ra khi chúng tôi đã cho rằng mình đang ở đoạn chót của con đường. Chúng tôi nhanh chóng hiểu rằng vấn đề ở đây rất hóc búa. Chắc anh biết sự thế thường như thế này: Khi nghiên cứu một bài toán nào đó ta cứ tưởng rằng chỉ cần trả lời cho một câu hỏi duy nhất. Thế nhưng chỉ cần suy nghĩ sâu hơn thì lập tức xuất hiện hàng chục, hàng trăm câu hỏi mới, rồi đủ mọi phân nhánh, đủ mọi vấn đề phụ.

Lúc đầu Lipatov nói có vẻ căng thẳng. Đôi khi anh dừng lại, lắng nghe điếu gì đấy, rồi lại lựa cách diễn đạt một cách khó khăn, cứ như bắt buộc mình phát âm từng từ một. Nhưng dần dà lời nói của anh trở nên thoải mái hơn.

– Tóm lại, chúng tôi mất hơn một năm để dọn sạch toàn bộ mớ câu hỏi đó. Bây giờ vấn đề đã hiện lên rõ ràng. Và chỉ còn phải trả lời cho độc một câu hỏi mà thôi. Nhưng đó là một câu hỏi ra trò! Ngay đến cách tiếp cận nó cũng chưa thấy rõ. Giờ khó mà kể hết mất bao ngày đêm chúng tôi đánh vật với nó. Những nào là giả định, đề xuất, phương án – chúng kể đến hàng ngàn chứ không kém. Nhưng chẳng nhích lên được tí nào. Dẫu một tia sáng nhỏ cũng không thấy...

Anh lặng đi một phút như để ném trái lại những xúc động trong ký ức, rồi tiếp:

– Bây giờ tôi phải làm quen anh với Kuznetsov. Đó là một con người tài năng lạ thường. Anh ấy có một khả năng kỳ diệu nắm bắt được cái chung nhất trong những hiện tượng có vẻ khác nhau hoàn toàn. Tiếc rằng anh ấy ốm đờm quá. Anh ấy có quá nhiều điếu say mê. Nhiếp ảnh, đá bóng, săn, bắt cá leo núi – không thể kể hết được. Mà cái gì anh ấy cũng như muốn hiến trọn cả tâm hồn. Nhưng đồng thời anh ấy cũng biết làm việc, biết tập trung sức lực để giải quyết một nhiệm vụ cụ thể. Trong những phút như vậy anh ấy hoàn toàn đắm mình trong suy nghĩ – chẳng gì có thể bắt anh ra được, cả thế giới xung quanh với anh như đã thôi tồn tại. Dầu sao, theo quan điểm của tôi, phạm vi quan tâm của anh ấy quá rộng. Quá rộng... Tuy nhiên, về mặt đó anh ấy có một lý thuyết riêng – anh biết không, việc gì anh ấy cũng muốn dẫn tới một cơ sở lý thuyết. Và khi tôi định chứng minh với anh ấy điếu gì đó thì anh ấy chỉ mỉm cười. Tóm lại, Iuri đã nghĩ ra cả một lý thuyết. Anh ấy khẳng định rằng cần phải “đặt” vấn đề phức tạp vào trong tiềm thức như đưa bài toán vào trong máy tính điện tử. Sớm hay muộn rồi tiềm thức cũng làm việc và đem lại kết quả. Lẽ dĩ nhiên là nếu người đó có những tri thức và khả năng tương ứng và nếu anh ta đã nghiên cứu và suy nghĩ đến vấn đề đó từ trước đã lâu rồi. Và chính từ đó, những say mê của Iuri bắt đầu. Khi một bài toán nào đó của chúng tôi bắt đầu đi tới bế tắc thì Iuri liền xuất hiện trong phòng thí nghiệm với chiếc ba lô, vai đeo máy ảnh, chân đi giày trượt tuyết và tuyên bố: “Này, anh bạn già, tớ cần phải đi hóng mát đây. Mà này, đừng nhần nhó thế, – anh ấy thấy tôi không hài lòng mà, – và nhờ cậu báo hộ rằng tớ đi nghỉ bằng tiềm riêng...” Có lẽ tất cả những điếu này không làm anh thích? – bất ngờ Lipatov ngừng câu chuyện, hỏi..

– Rất thích, – tôi vội nói. Mà thực tế tôi thấy thích thật.

– Vả lại, nếu như có không thích, – Lipatov nói về cái bản, – thì đâu sao cũng phải nghe đến cùng, một khi anh đã đồng ý nghe tôi. Mà đi đâu đó dính dáng trực tiếp tới câu chuyện... Như thế là, sau vài ngày Iuri trở về, người hốc hác, gầy rộc đi, nhưng trên môi nở một nụ cười tươi tỉnh, và anh tưởng tượng xem, anh ấy trở về với lời giải của bài toán. Thành thật mà nói, tôi chẳng tin tưởng gì những cuộc viễn du đi tìm “điều ngẫu nhiên hạnh phúc” như thế của anh ấy. Về điều này, tôi cũng có lý thuyết của riêng tôi. Ví dụ, anh thử xét một nhạc công chơi piano hay violon chẳng hạn. Hàng ngày, anh ta ôm cây đàn violon hay ngồi bên piano và chơi suốt năm hay sáu giờ đã qui định. Ngày này qua ngày khác! Không chừa một ngày! Nếu như anh ta xao lãng, bỏ bằng các bài tập của mình đi một thời gian thì xin từ biệt tài nghệ! Trong khoa học cũng xảy ra như vậy. Nếu như, anh nghiên cứu vấn đề nào đó, anh phải làm việc không nghỉ, không được xao lãng bởi một việc gì, không nên trông chờ vào những linh cảm ngẫu nhiên. Cần phải vận động liên tục bước này tiếp bước khác, và thành công sẽ tới. Nước chảy đá mòn mà...

Phải thừa nhận là những nhà bác học đi tới đích như kiểu Lipatov không làm cho tôi – một nhà báo – kính nể cho lắm. Tôi khoái những phán đoán chói lọi, những giải pháp bất ngờ và dũng cảm hơn nhiều. Và bất giác tôi bắt đầu có thiện cảm với anh chàng Iuri Kuznetsov chưa hề quen biết kia.

– Tất nhiên, – tôi nói khá uể oải, – tất nhiên nước chảy đá mòn sau... một ngàn năm. Nhưng cũng có thể đi đến kết quả đó chỉ trong vài giây. Nhờ tia Laze chẳng hạn.

– Lẽ đương nhiên rồi, mỗi người có phương pháp riêng của mình, – Lipatov đáp lại và bỗng thở dài. – Mỗi người làm việc theo cách riêng của

mình.

Anh chăm chú nhìn tôi và dường như đoán ra những ý nghĩ của tôi, anh lắc đầu nói:

– Có thể anh nghĩ là tôi ghen với Iuri. Không, không đâu. Điêu đó hoàn toàn không như thế. Nhưng tôi không thể bình tĩnh mà nhớ lại những say mê của anh ấy. Vì thực ra, các say mê ấy đã giết Iuri.

Im lặng, Lipatov cúi người xuống lan can. Tôi thấy tay anh run run nắm lấy tay vịn...

– Thế đấy, – cuối cùng anh chế ngự được nỗi xúc động và nói tiếp. – Chúng tôi chỉ còn phải giải đáp câu hỏi chính nhất thôi. Nhưng câu hỏi ấy mới thật ương bướng. Ngay những cuộc viễn du của Iuri cũng chẳng giúp được gì. Có một lần vào buổi chiều – tôi còn nhớ lúc ấy là cuối tháng chín, suốt ngày mưa – Iuri đến chỗ tôi; vừa mới bước qua ngưỡng cửa, anh tuyên bố:

– Này, anh bạn già, tớ biết là cậu sẽ mắg tớ một trận ra trò, nhưng tớ sẽ bay đi Nam cực. Đi nửa năm.

Anh ấy luôn luôn thông báo tin tức mà chẳng có mào đầu gì cả. Tôi điếng người, – lẽ nào lại dừng công việc lại suốt sáu tháng ròng – và chỉ hỏi khẽ:

– Khi nào cậu đi?

– Ngày mai, tám giờ sáng, – Iuri thản nhiên nói. – Này này, cậu đừng quá lo: bài toán của ta chẳng độn thổ đi đâu được. Tốt hơn hết là cậu đái tớ cà phê đi – tớ lạnh run lên rồi đây.

– Nhưng cậu đi Nam cực để làm gì mới được chứ? Rồi cậu sẽ làm gì ở đấy? – Tôi không tìm mình được nữa.

– Từ lâu rồi, Nam cực đã thu hút tớ, – Iuri trả lời, nằm dài ra đi vắng.
– Mà họ cũng đang cần một chuyên gia lắp máy mới.

Đó là cuộc gặp gỡ cuối cùng của chúng tôi. Ngày hôm sau, Iuri bay thật. Anh ấy không thích viết thư, chỉ thỉnh thoảng tôi nhận được từ anh ấy những bức điện có nội dung đại loại như: “Mọi việc đều ổn”; “Đừng có chán đấy, anh bạn già”, cứ một giọng điệu như thế thôi. Bỗng nhiên, vào cuối tháng thứ sáu, tôi nhận được bức điện như thế này: “Cao điểm đã bị chiếm. Tôi sẽ bay vào thứ hai”. Theo ngôn ngữ chúng tôi qui ước với nhau, đi đầu đó có nghĩa là Iuri đã giải xong bài toán bất hạnh ấy. Tôi sẽ không kể cho anh nghe tin ấy đã làm tôi sung sướng như thế nào. Tôi quên nói cho anh biết là Iuri chưa lấy vợ. Nhưng anh ấy có người yêu, gọi là vợ chưa cưới cũng được. Cô ấy tên là Galia, cộng tác viên ở viện chúng tôi. Và thế là vào thứ ba tôi với Galia đến sân bay Seremechevo. Iuri bay về bằng máy bay của hãng hàng không Pháp. Máy bay sẽ tới lúc chín giờ. Nhưng chín giờ người ta thông báo là máy bay tới muộn vào lúc mười giờ. Đến mười giờ thì giờ hạ cánh được lui sang mười một giờ, mười một giờ lại được lui tới mười hai giờ... Galia lo lắng, cô ấy chạy đi hỏi – hóa ra là cô ấy có bạn làm việc ở phòng đi đầu vận. Chừng hai mươi phút sau cô ấy xuất hiện, mặt tái nhợt, môi run run... Nói tóm lại, Iuri đã tan xác. Ngay hôm thứ hai. Máy bay bốc cháy, rơi xuống biển. Chính trong khu vực mà chúng ta đang đứng lúc này đây. Người ta chỉ vớt được có hai người... Thế là Iuri của tôi chẳng kịp báo cho ai về phát minh của mình. Có thể nói rằng anh ấy đã mang theo đi đi đầu bí mật đó...

Lipatov im lặng, và sau khi đứng thẳng người lên, lại như bắt đầu lắng nghe một đi đâu gì đó. Cả tôi cũng im lặng. Không biết nói gì lúc này. Câu chuyện thật bi thảm – trong cuộc đời thường xuyên như thế. Nhưng vì sao Lipatov lại kể chuyện đó ra cho tôi, cho một người tiếp chuyện ngẫu nhiên vào lúc này, khi đêm đã khuya?

Lipatov lại đoán ra những ý nghĩ của tôi:

– Chắc anh nghĩ tại sao tôi lại kể những đi đâu ấy? Đây mới chỉ là “đoạn dẫn chuyện”, còn “câu chuyện” còn ở phía trước. Sau cái chết của Iuri, công việc tiến triển không được như xưa – chúng tôi đã quá quen làm việc với nhau rồi. Nhưng đề tài vẫn thuộc phòng thí nghiệm của chúng tôi; để thay Kuznetsov, người ta giao cho tôi một cộng tác viên khác, một chàng trai tài năng, một nhà toán học khá giỏi, nhưng còn xa mới bằng được Iuri của tôi. Vâng, phải thừa nhận là sau những sự việc trên, hẳn tôi đâu còn tập trung vào vấn đề ấy nữa. Một lần, người ta đề nghị tôi đi công tác khoa học ở La Habana trong hai tháng. Tôi đồng ý, quyết định làm theo lý thuyết của Iuri là thay đổi không khí làm việc một thời gian mà hành trình của tàu – tôi phải đi bằng tàu thủy – đi qua vùng biển nơi đã xảy ra tai nạn. Chính tôi cũng không biết vì sao, nhưng hình như là tôi bị thu hút tới chỗ đó. Tôi sẽ không mô tả chuyến đi ấy: chuyến đi biển nào mà chả như nhau. Tất cả mọi việc đều bình thường cho đến ngày, nói chính xác hơn là cho đến buổi chiều khi chúng tôi tới gần khu vực máy bay của Iuri rơi. Và ở đây, đi đâu ấy đã xảy ra... Tôi sẽ kể theo trình tự sự việc. Ngày hôm ấy, biển cũng động như hôm nay. Tàu trông tránh khá dữ. Sau bữa ăn tối – chừng gần mười giờ – tôi đi lên boong để hóng gió. Đêm hôm ấy trên các boong khá vắng người. Hành khách mệt mỏi vì tàu lắc đã đi ngủ trong các buồng tàu của mình. Tôi nhìn mãi vào mặt đại dương nổi sóng, và óc tưởng tượng

đã vẽ lên trước tôi toàn cảnh tai nạn máy bay. Tôi hình dung mọi việc thật rõ ràng, cứ như là tai nạn đã xảy ra ngay trước mắt tôi. Một lúc sóng biển lặng đi, và không gian trở nên tĩnh mịch khác thường. Ngay đến cả tiếng ầm ì đầu đầu của máy tàu cũng không phá đi được sự tĩnh mịch ấy. Tiếng ầm ì đơn điệu đó tồn tại một cách tự thân, dường như ở một nơi nào khác, và trên cái nền ầm ì đó, mỗi âm thanh, mỗi tiếng sóng vỗ đầu có vẻ rõ ràng đặc biệt. Không phải ngẫu nhiên tôi kể cho anh tỉ mỉ như vậy đâu... Trời tối thẫm... Một nỗi lo lắng mơ hồ khó tả choán lấy tôi. Tôi bắt đầu lắng nghe sự yên tĩnh một cách căng thẳng. Và bỗng nhiên...

Đến đây, giọng Lipatov dứt đoạn, anh dãn tay lau trán và so vai lại.

Nghe Lipatov kể, những ý nghĩ của tôi bất giác vượt lên trước, và khi người nói chuyện lúc đêm hôm đó kể đến chỗ anh bắt đầu lắng nghe sự yên tĩnh thì trong óc tôi thoáng xuất hiện một giả định lạ lùng... Nhưng giả định ấy khó tin và kỳ cục đến nỗi tôi phải từ bỏ nó ngay. Song, chính vào khoảnh khắc đó, tôi không biết giải thích thế nào, tôi cảm thấy Lipatov ngay bây giờ sẽ kể ra chính cái đi đầu mà tôi đã nghĩ tới. Tôi hiểu rất rõ rằng đi đầu đó không thể xảy ra, rằng nói chung là chẳng thể có được, nhưng mặc dù vậy, tôi vẫn biết chắc là chính đi đầu đó đã xảy ra như vậy. Vì tin chắc như thế mà tôi thấy tức ở dưới ngực và như có những con kiến lạnh chạy dọc sống lưng.

– Và bỗng nhiên, – trong lúc đó Lipatov tiếp tục nói, – tôi nghe thấy... Không, không dùng từ đó, chưa đúng. Đó là một cảm giác lạ lùng. Trong ý thức tôi xuất hiện những lời nói, không, đúng hơn là các ý nghĩ... Thật khó mà phân định ranh giới ở đây. Chúng ta thường suy nghĩ bằng lời, mặc dầu đôi khi dòng suy nghĩ vượt trước cả lời nói. Nhưng dù đó là lời nói hay ý nghĩ, chúng đều được sắp xếp lại thành những câu hoàn chỉnh. Và tất cả

những điều đó không phụ thuộc vào ý muốn của tôi, vào chính tôi. Nhưng điều đáng ngạc nhiên nhất là ở chỗ tất cả những lời nói ấy, cách đặt câu, nếp tư duy logic – tất cả đều là của Iuri. Phải thừa nhận là tôi đã quá hoảng hốt – tôi cho rằng mình đã bắt đầu điên. Tôi đi sang mạn khác – hiện tượng lạ lùng đó vẫn không hề chấm dứt. Trèo lên boong chính – cũng vẫn như thế thôi. Gần như là chạy, tôi lao tới tiệm ăn, nơi phát ra những âm thanh nhạc jazz. Những giai điệu gay gắt của kèn đã tỏ ra được việc: cảm giác kỳ lạ dần dần biến đi. Một nỗi mệt mỏi ghê gớm xâm chiếm lấy tôi. Tôi cảm thấy mình hoàn toàn trống trải. Thường thì tôi không hay dùng các loại rượu mạnh, nhưng vào buổi tối hôm ấy, thú thật với anh, tôi đã nốc cạn cả một cốc cô nhắc... Về tới phòng mình, tôi nằm lăn ra giường và kéo chăn kín đầu, tôi thiếp đi trong một giấc ngủ nặng nề. Nửa đêm, tôi tỉnh dậy như vừa bị ai thúc vào. Ánh sáng tối mờ trước buổi rạng đông lọt vào qua cửa buồng tàu. Tôi nhòm dậy trên giường và xem đồng hồ. Đã năm giờ theo giờ địa phương. Ý thức lúc này làm việc mình mẫn lạ thường. Tôi nhớ lại rành mạch tất cả những gì đã xảy ra tối hôm trước. Giờ đây, khi cơn chấn động thần kinh do sự bất ngờ hôm trước gây ra đã qua đi, tôi bỗng muốn biết “giọng nói bên trong” bí ẩn đã thông báo điều gì. Tôi bắt đầu hồi tưởng lại, và rất ngạc nhiên nhận ra rằng, không mấy khó khăn tôi có thể phục hồi lại hầu như toàn bộ sự việc. Có thể, đó cũng là kết quả của sự căng thẳng thần kinh ngày hôm qua. Nhưng mỗi ý nghĩ đều đã được ghi nhận rõ nét ở đâu đó trong tiềm thức. Trong khi tôi khôi phục các ý tưởng thì một sự kinh ngạc lạ lùng không gì so sánh nổi chiếm lấy tôi. Anh hãy tưởng tượng xem, đó là lời giải, hay nói đúng hơn, là một phần lời giải bài toán mà đã bao lâu chúng tôi mất công vô ích đánh vật với nó. Một lời giải mới mẻ, độc đáo. Tôi không tin vào mình, tôi có cảm giác rằng tất cả đó

chỉ là một giấc mơ khác thường. Tôi bật đèn với lấy cây bút chì và ghi vội lời giải lên giấy. Rồi tôi thực hiện những tính toán cần thiết...

Xong việc, tôi nhìn ra cửa sổ. Mặt Trời đã lên cao trên mặt biển. Tôi có cảm giác khác lạ là tôi đang tồn tại đâu đó cách biệt với thế giới còn lại và mọi thứ quanh tôi đều nằm trong một chiều không thời gian hoàn toàn khác.

Vòi tắm hoa sen mát lạnh đưa tôi trở về với thế giới quen thuộc. Tới lại gần bàn và đưa mắt liếc nhanh những con tính. Tất cả đều đúng. Không còn nghi ngờ gì nữa: trong tay tôi là một phát minh khoa học quan trọng, nói đúng hơn, là nửa đầu của phát minh đó.

– Nhưng anh phải biết rằng, – tôi buột miệng nói, – đó chính là một điều huyền bí nào đấy!

– Lúc đầu tôi cũng có cảm giác như vậy. Nhưng tất cả những cái đó chỉ là phản ứng chủ quan trực tiếp. Vì sự việc đã xảy ra trong thực tế nên nó phải có một nguyên nhân tất yếu.

– Và anh đã tìm ra nguyên nhân đó? – Tôi hỏi với sự quan tâm rõ rệt.

Lipatov nhún vai.

– Điều đó không đơn giản như thế.

– Nhưng anh phải có những giả thuyết nào đó chứ?

Lipatov im lặng.

– Anh biết đấy, tất cả những gì anh đã kể rất giống với hiện tượng ngoại cảm... Giống như sự truyền báo ý nghĩ.

Lipatov nhìn tôi chăm chú:

– Anh nói nghiêm túc đấy chứ?

– Hoàn toàn nghiêm túc. Lẽ nào anh lại không có một giả thuyết như thế trong óc?

– Thú thật là không. Đương nhiên là tôi biết tất cả các cuộc đàm luận và tranh cãi về ngoại cảm. Nhưng, thành thật mà nói, tôi khá là hoài nghi đi đầu đó. Vạn bất đắc dĩ thì đó chỉ là một giả thuyết...

– Là giả thuyết, bởi vì chúng ta chưa biết cơ chế của nó. Nhưng có nhiều chứng cứ hoàn toàn đáng tin cậy mà chúng ta khó có thể tìm được lời giải thích nào khác đối với chúng. Lẽ nào lại không thể tồn tại một cái gì đó mang thông tin do não tạo ra.

– Ít ra thì tôi cũng không bác bỏ khả năng đó, – Lipatov nói. – Tôi sẵn sàng cho rằng, ở những hoàn cảnh nhất định có thể nắm bắt được ý nghĩ của người khác. Nhưng còn ý nghĩ của một người đã chết từ lâu? Đi đầu đó thì quá lắm! Có hơi hướng của thuyết chiêu hồn.

– Tôi không nghĩ như thế...

Và bỗng nhiên, một ý nghĩ bất chợt làm tôi bàng hoàng.

– Nhưng khoan, cái gì sẽ xảy ra nếu anh ấy... còn sống?

– Không... Xác anh ấy đã giạt vào bờ hai ngày sau tai nạn máy bay.

– Nếu thế thì tôi chịu không thể hiểu được một đi đầu gì...

– Anh biết tư duy liên tưởng là gì chứ? – bỗng nhiên Lipatov nói. – Tuy vậy, cái đó cũng không hẳn như thế. Tôi muốn nói rằng mỗi người tư duy một cách riêng, theo kiểu của mình. Nếu tôi và anh cùng bắt đầu giải chung một bài toán, mỗi chúng ta sẽ làm việc đó không như người kia, và

sẽ đi theo những cách riêng của mình. Tôi không phải là nhà sinh lý học, cũng không phải là nhà tâm lý, nhưng như một nhà điểu khiển học, tôi nghĩ thế này: điểu đó liên quan với việc mỗi người có một chương trình suy luận có lý của mình, có phương pháp tìm ẩn số riêng. Mỗi người có một hệ thống riêng những mối quan hệ giữa các tế bào não khác nhau, một hệ thống nhất định các “chuyển mạch”.

– Ví dụ như anh và Kuznetsov? Anh và bạn anh tư duy khác nhau. Có phải anh muốn nói thế không?

Lipatov gật đầu.

– Tuy nhiên, tôi không nhận thấy điểu đó có quan hệ như thế nào với lời giải của anh.

– Anh biết không, đó là một việc... Khi mà giữa hai con người, hai nhà bác học làm việc lâu bên nhau, khi mà ngày này qua ngày khác họ cùng giải những bài toán đủ mọi loại, cùng suy đoán, tranh cãi, điểu đó dứt khoát không thể trôi qua mà không để lại dấu vết. Mỗi người đều vô tình ảnh hưởng đến người kia. Bên ngoài thì điểu đó có thể không biểu hiện ra. Nhưng đâu đó trong tiềm thức, một cái gì đấy đã đọng lại. Và trong những hoàn cảnh nhất định, có thể xảy ra... Chà, biết diễn đạt thế nào cho rõ hơn đây, một cái gì đó tựa như sự “chuyển mạch”...

– Anh muốn nói rằng, – tôi thốt lên, – vào buổi tối hôm ấy, não anh đã chuyển đổi sang hệ tư duy của Kuznetsov! Và nhờ đấy anh đã đi tới lời giải?

– Cũng gần như thế...

– Nhưng anh thấy đấy... Điểu này còn khó tin hơn cả ngoại cảm.

– Nhưng chúng ta còn biết quá ít về những quy luật của tư duy, – Lipatov phản đối. – Mà biết đâu, cũng có thể là anh nói đúng... Nhưng đâu sao thì Kuznetsov cũng chết rồi, – anh nói thêm.

Trong khi Lipatov trình bày giả thuyết của mình, tôi luôn bị dẫn dắt bởi một ý nghĩ mơ hồ nào đó. Tôi có cảm giác như tôi đã được nghe, hoặc đã đọc một cái gì đó có thể giải được điếu bí ẩn này. Và đột nhiên tôi nghĩ ra. Điếu đó được nói đến trong một câu chuyện khoa học viễn tưởng. Tác giả khẳng định rằng tất cả những ý nghĩ của con người khi bức xạ ra thì tạo nên xung quanh Trái Đất một “trường thông tin” độc đáo, từ đó có thể thu nhận chúng trong những hoàn cảnh nhất định. Tôi liền nói cho Lipatov biết...

– Tôi còn nhớ, nhớ chứ, – anh hưởng ứng ngay. – Tôi đã đọc truyện đó rồi. Lúc đầu, ý tưởng này làm tôi khó chịu đến mức muốn viết ngay cho tờ báo...

– Nhưng anh đã không viết?

– Vâng, tôi ngại rằng nhà văn khoa học viễn tưởng khác nhà báo ở chỗ họ được tự do hơn trong những giả thuyết của mình...

Chúng tôi cùng im lặng.

– Thế có nghĩa là, – tôi hỏi, – anh kiên quyết bác bỏ ngoại cảm?

– Khi tôi gặp một điếu gì chưa rõ, tôi cố gắng tránh mọi định kiến. Tôi rất muốn khách quan. Tôi chỉ muốn có một điếu, chỉ một điếu thôi, – anh có hiểu tôi không, – là xác lập được chân lý. Và để anh tin, tôi sẽ kể cho anh về hai trường hợp. Trường hợp thứ nhất xảy ra hai năm trước cái chết của Iuri, lúc đó chúng tôi nghiên cứu một trong những vấn đề hợp thành

một phần bài toán chung của chúng tôi. Vấn đề khá phức tạp, nhưng công việc tiến triển có kết quả. Vào buổi tối hôm ấy – cũng chính là ngày thứ bảy – chúng tôi nán lại lâu trong phòng thí nghiệm: chúng tôi cảm thấy lời giải đã ở đâu đó dưới tầm tay và không muốn gác sang ngày thứ hai. Chúng tôi vừa kết thúc một thí nghiệm. Không tắt máy, Iuri ngõ vào bàn, hai tay vò tóc – anh thường làm như vậy mỗi khi có một ý nghĩ thú vị nảy ra trong óc, – và bắt đầu ghi nhanh trên giấy những công thức. Tôi hỏi anh một điều gì đó nhưng anh chỉ khoát tay. Để không làm phiền Iuri, tôi ngõ sang một bàn khác và bắt đầu tiến hành xử lý những kết quả mới nhận được. Trong phòng thí nghiệm tranh tối tranh sáng: chúng tôi không thích bật đèn vào các buổi tối – để như thế suy nghĩ tốt hơn. Chỉ có các thang đo của thiết bị thí nghiệm còn nhấp nháy sáng. Xong việc, tôi ngẩng đầu lên và quay sang nhìn Iuri. Anh ngõ, ngả người vào lưng ghế, cái nhìn mất hút đi đâu đó, còn cánh tay cầm bút chì giờ lên bất động trong không trung. Khuôn mặt toát ra vẻ tư duy căng thẳng. Rồi trong khoảnh khắc diễn ra một cái gì đó thật lạ lùng. Các kim chỉ báo chạy rồi lên. Đèn nê ông trong mạch máy phát đặt gần chỗ Iuri ngõ sáng hết cỡ. Tức thì anh chàng nhảy phắt dậy, đẩy ghế ầm ầm và kêu lên sung sướng: “Ra rồi!” “Cái gì vậy?” – tôi hỏi. Nhưng Iuri không nghe thấy gì hết. Tôi bật đèn và kiểm tra các liên kết trong mạch, còn Iuri ngõ lại vào bàn và miên man tính toán. Mạch vẫn ổn định, tôi quay công tắc tổ hợp, ngắt thiết bị ra khỏi mạch. “Này, có việc gì thế, nói nghe xem”, – tôi nói và hướng về phía Iuri. Không chẳng bao giờ anh đoán được là tôi đã thấy gì đâu. Tóc Iuri màu đen, đen lắm. Nhưng bấy giờ tôi nhận thấy trên trán Iuri, phía trên gốc mũi, xuất hiện một vết trắng kỳ lạ to bằng đồng năm côpêc. Lúc đầu tôi cho là anh ấy đã bôi cái gì đó lên tóc. Tôi lại gần Iuri và lấy tay vuốt tóc anh. Nhưng cái vết ấy không mất đi, – nó là một đốm tóc bạc. Vậy mà một giờ trước, Iuri không có đến

một sợi tóc bạc nào. “Cậu làm gì thế?” Iuri ngạc nhiên. Tôi im lặng đưa cho anh tấm phản xạ bằng kim loại – chúng tôi dùng nó như một chiếc gương. Iuri nhìn vào tấm phản xạ, lấy ngón tay vuốt chòm tóc, lắc đầu vẻ ngạc nhiên và ngâm nga giọng bi tráng: “Và thế là qua đêm tóc anh bạc trắng...” Rồi anh đặt tấm phản xạ vào chỗ cũ, vỗ vai tôi và nói vui: “Không sao hết, anh bạn già ạ, tóc bạc bây giờ là một đấng. Điêu cơ bản là lời giải đã tìm ra rồi.” Và anh ấy liền giải thích các công thức của mình...

Trường hợp thứ hai không kém lạ lùng, nhưng nói thật là khi ấy hầu như tôi không chú ý đến. Chuyện xảy ra vào một ngày hè chủ nhật. Tôi với Iuri lại xoay trục với một bài toán tiếp theo. Có lẽ anh chán với những bài toán đó rồi nhỉ? Nhưng biết làm sao được đời một nhà nghiên cứu là như vậy. Nó bao gồm những bài toán đã giải và chưa giải được. Lần này, bài toán còn chưa giải xong, và lẽ đương nhiên là chúng tôi cặm cụi với nó cả vào chủ nhật. Nhưng mùa hè ấy ở Moskva rất nóng, từ thứ bảy thủ trưởng đã lừa chúng tôi ra khỏi phòng thí nghiệm và giữ lấy chìa khóa. Suốt ngày tôi làm việc nhà, đi dạo với đứa con trai nhỏ, nhưng rồi không ghim được mình, tôi vào phòng làm việc, lấy bản vẽ các sơ đồ ra và bắt đầu ước tính các phương án khác nhau. Nhưng chuông lại reo, có khách tới chơi – một anh bạn học cũ hồi phổ thông cùng với vợ. Chúng tôi chưa gặp lại nhau có đến hàng chục năm, và bao nhiêu hồi ức được khơi lại. Tóm lại, bài toán tạm thời đã biến mất khỏi đầu óc tôi. Và bỗng nhiên – việc đó xảy ra vào mười giờ tối – lời giải rất tự nhiên và đơn giản nảy ra trong óc tôi. Điêu đó diễn ra thật bất ngờ và không có một mối liên tưởng nào hết: cuộc nói chuyện của chúng tôi vào thời điểm đó hoàn toàn hướng về những đề tài khác. Trong những trường hợp như vậy, tôi và Iuri lập tức thông báo ngay cho nhau để không ai trong chúng tôi phải vất vả vô ích. Tôi xin lỗi khách,

đi đến bên máy điện thoại và cần lấy ống nghe. Không có tiếng tút tút, mà trong ống nghe lại có những tiếng lẹt xẹt nhẹ. Thường là như vậy khi có sự nối mạch với máy khác. “A lô?” tôi nói hú họa vào ống nghe. Và bỗng tôi nghe thấy tiếng trả lời, giọng của Iuri: “Cậu đấy à, anh bạn già?” Hóa ra là chúng tôi gọi điện cho nhau gần như đồng thời. Rồi Iuri báo cho tôi biết ý tưởng đã nảy ra trong óc anh vài phút trước. Nó hoàn toàn trùng hợp với các lời giải của tôi.

– Nhưng đi đầu đó thật là kỳ diệu, – tôi sôi nổi nói. – Thế có nghĩa bạn anh có những khả năng ngoại cảm. Trong những đi đầu kiện nhất định, anh ấy đã bức xạ thông tin, còn anh có thể thu lấy thông tin ấy, phải không? Chúng có là vết trắng trên tóc. Nó xuất hiện dưới tác dụng bức xạ.

Lipatov lắc đầu:

– Nhà báo các anh là những người rất hay vội vàng kết luận. Anh đã có cả một giả thuyết rồi đấy.

– Và tôi nghĩ giả thuyết ấy không kém giả thuyết của anh đâu.

– Sao lại không, đó là một giả thuyết rất đáng chú ý, mặc dầu nó có vẻ là huyền hoặc. Mà cũng có thể đặt ngược lại vấn đề. Có thể, anh đã nghe về những thí nghiệm thú vị khi người ta lắp những điện cực vào hai bên thái dương người thử nghiệm rồi cho một dòng điện yếu chạy qua, và trong ký ức người đó liên tục xuất hiện những sự việc xảy ra từ đã lâu. Lần đó, chúng tôi mãi không ngắt mạch thiết bị, kết quả là điện tích đã tập trung lại ở một tụ nào đó, sau đó diễn ra sự phóng điện, bức xạ xuất hiện và tác động vào não Iuri, rồi bằng cách nào đó nó kích thích quá trình tư duy.

– Cũng không kém phần huyền hoặc, nhưng về nguyên tắc thì có thể chấp nhận được, – tôi buộc phải đồng ý.

– Còn đối với trường hợp thứ hai, đi đâu đó có thể là sự trùng hợp ngẫu nhiên. Chúng tôi cùng nghiên cứu một bài toán, cố gắng giải nó từ cùng một xuất phát điểm... và thật chẳng có gì lạ nếu chúng tôi có thể đi tới những lời giải giống nhau.

– Tất nhiên là có thể có sự trùng hợp ngẫu nhiên, – tôi nhận xét. – Nhưng chính anh lại nói lời giải xuất hiện trong ý thức của anh vào đúng thời điểm anh hoàn toàn không nghĩ đến nó. Tôi có cảm tưởng anh biết lời giải là do...

– Sao lại không? Có thể đó là công việc của tiềm thức. Những lời giải có thể tự nó chín muồi một cách không nhận thấy đối với con người ta. Mặc dù, tôi nhắc lại, cá nhân tôi không tán đồng phương pháp làm việc như thế...

Lipatov im lặng.

– Và anh lại quên mất đi đâu cốt yếu nhất. – anh tiếp tục nói. – Thậm chí cứ cho là anh đúng và giữa bạn tôi và tôi thực tế có tồn tại một mối liên hệ ngoại cảm nào đó đi. Nhưng sau khi anh ấy chết, đã chìm dưới đáy biển... Và toàn bộ thông tin nằm trong não Iuri đã chết đi cùng với anh ấy.

– Nếu vậy thì giải thích như thế nào về cái... chà, biết gọi nó là gì nhỉ... sự lóe sáng ấy mà? Anh thứ lỗi cho, tôi hoàn toàn không có ý hạ thấp những phẩm chất của anh với tư cách là một nhà khoa học. Có lẽ, tự anh đã đi tới lời giải đó... Nhưng suy đoán theo như anh nói thì chính logic của lời giải tìm ra bất ngờ đó là đặc trưng không phải của anh, mà là của bạn anh.

– Vâng, anh nói hoàn toàn đúng, – Lipatov đồng ý ngay. – Thực tế là tôi quen với cách đi tuần tự. Mà ở đây có thể nói đã diễn ra một bước nhảy

vọt. Một ý tưởng bất ngờ, một thủ pháp độc đáo – đó là phong cách của Iuri.

Dần dà tôi càng trở nên kính trọng con người mà thực chất là không quen biết kia. Đó quả là một nhà khoa học chân chính; đối với anh ta chỉ có một đi đâu có ý nghĩa – là đi đến tận cùng chân lý. Sự hiếu danh có lẽ hoàn toàn xa lạ đối với anh.

Trong khoảnh khắc tôi quên phát giả thuyết của mình:

– Có thể là anh đã quá khiêm tốn? – tự nhiên tôi bật ra.

– Không, – Lipatov lắc đầu. – Đây là một sự đánh giá rất tỉnh táo các khả năng của mình.

– Nhưng anh lại mâu thuẫn với giả thuyết riêng của mình.

– Tôi có nghĩa vụ phải cân nhắc tỉnh táo tất cả các sự kiện. Nhưng tôi không thấy những mâu thuẫn đặc biệt. Tôi nhắc lại, khi mà hai nhà khoa học cùng làm việc với nhau một thời gian dài, nhất định trong họ vô hình chung sẽ hình thành một cách nhìn nhận chung nào đó về các sự việc, một cách tiếp cận thống nhất, một phương pháp luận giống nhau. Tiềm thức đã hoạt động... Song ở đây, những hoàn cảnh đặc biệt đã đóng vai trò của chúng: biển cả, đêm tối, mặt trăng, bức tranh tai nạn máy bay mà tôi đã vẽ nên trong trí tưởng tượng của mình. Phần nào như tự thôi miên... Thêm vào đó, những phát minh lại đã chấp chới trong không trung. Không hôm nay thì ngày mai, cuối cùng rồi con người cũng đi tới chính cái đó.

– Thôi được, – Tôi không đầu hàng. – Anh đã bác bỏ thuyết ngoại cảm trên cơ sở là bạn anh đã chết. Tôi có một giả thuyết như thế này, có thể đối với anh là khó tin. Anh thấy đấy... Tôi muốn đặt cho anh một câu hỏi. Một

người nào đó chết đi. Liệu tất cả mọi cái đầu chấm hết cùng với cái chết của người đó không?

Lipatov nhìn tôi với vẻ phân vân.

– Không, không, tôi không nói về cuộc sống dưới âm cung. Đối với người đã chết thì sau đó chẳng còn có gì hết. Lẽ đương nhiên là như thế rồi. Nhưng đối với những người đang sống thì sao? Dẫu sao vẫn còn lại cái gì đó từ người đã khuất, một cái gì đó tiếp tục sống. Dù đó là hình hài của anh ta trong tranh ảnh, trong phim, là những tư tưởng của anh ta trong sách báo, là giọng nói của anh ta được lưu lại trên băng, trên đĩa. Đó là những gì mà chúng ta biết. Nhưng liệu chúng ta có biết hết được mọi đi đâu không?

– Anh muốn nói gì kia?

– Vậy thì tại sao không thể cho rằng chính tự nhiên đã cố định lại một cái gì đó từ mỗi người chúng ta trong khoảng thời gian ta sống. Tất nhiên là trong những đi đâu kiện nhất định nào đó. Và cái gì đó ấy có thể sống lâu hơn tôi với anh. Tóm lại, một thông tin nào đấy sẽ còn lại. Ví như dấu tích các sinh vật cổ còn lưu lại được hàng thế kỷ. Và về nguyên tắc, có thể làm “hồi sinh” thông tin đó, biến nó trở nên dễ tiếp thu. Chẳng hạn, như việc quay đĩa hay chiếu phim. Anh thấy không, tuyệt đối không có gì thần bí hết. Sao, ý kiến của anh thế nào?

– Tôi không biết... Nghe anh nói, thấy ngay là lời của nhà báo. Anh đừng giận, nhưng phải thừa nhận là tất cả những đi đâu đó ít giống sự thật lắm.

– Chẳng lẽ anh không cảm thấy rằng, – tôi hăng hái nói tiếp, – đôi khi chúng ta quá dễ dàng từ chối nghiên cứu và giải thích một cách khoa học

một hiện tượng nào đó chỉ vì hiện tượng ấy đối với chúng ta có vẻ là... không thể có được. Và thế là chúng ta trở thành kẻ phục vụ không công cho tôn giáo rồi còn gì.

– Cũng có thể là như vậy... Nhưng, tôi xin nhắc lại, để giải thích một điều gì đó, cần phải hiểu được cơ chế...

– Cơ chế... Chà, có sao đâu... Tôi xin nêu điều này như một giả thuyết. Người ta nói rằng người hấp hối trong những phút cuối cùng kịp nhớ lại hầu như cả cuộc đời mình. Có thể là như thế. Nhưng khi tôi bị thương nặng ngoài mặt trận, tôi nghĩ rằng mình sắp chết và chỉ nhớ đến một điều: nhiệm vụ mà tôi không kịp hoàn thành. Ý nghĩ đó cứ ám ảnh tôi dai dẳng... Vì vậy tôi cho rằng, khi bạn anh chìm trong nước biển và đấu tranh với cái chết, anh ấy đã nghĩ về điều chủ yếu nhất mà bản thân đã thực hiện được trong đời – về lời giải của mình cho vấn đề đó. Đây là điểm thứ nhất. Và những phút cuối cùng (mà cũng có thể là những giờ) là những phút nỗ lực tốt bậc, tập trung cao nhất năng lượng thần kinh, và não của anh ấy đã bức xạ mạnh thông tin. Đây là điểm thứ hai... Đến đây, như anh thấy, mọi cái đều có thể chấp nhận. Và đây là điểm thứ ba... Chính vật chất có tính phản ánh. Và lại, không chỉ vật chất hữu cơ, mà ngay cả vật chất vô cơ. Ít ra thì các nhà triết học cũng khẳng định như vậy. Có thể, ai mà biết được, thông tin do Iuri bức xạ đã được cố định lại ở đâu đó trong tự nhiên.

– Nhưng ở đâu chứ? – Lipatov ngạc nhiên.

– Tôi không biết... Hơn nữa, còn có một khả năng. Chính vào thời điểm đó, não của anh có thể tiếp nhận được thông tin. Căn cứ theo toàn bộ sự việc thì giữa anh và bạn anh tồn tại một mối liên hệ “cộng hưởng” nào

đấy. Và thông tin ấy thiếp đi đâu đó trong những hộp kín của não anh. Nó thiếp đi cho đến khi sự căng thẳng thần kinh mạnh đánh thức dậy.

– Nhưng nếu sự truy ền thông tin ngoại cảm mà anh nói tới đã xảy ra trước lúc Iuri chết, thì ngay buổi tối đầu tiên trên tàu tôi đã có được toàn bộ thông tin. Vì lẽ gì thông tin đó không “bộc lộ” ra hết ngay lập tức?

– Có thể bạn anh đã không kịp “truy ền đi” tất cả. Hơn nữa chính anh đã nói là anh cố dập đi cái cảm giác mới xuất hiện cơ mà.

– Vâng... – Lipatov kéo dài giọng vẻ không nhất quyết. – Cũng cần phải nói thêm là, tất cả những cái đó còn có giá trị thực tiễn nữa. Bởi vì vấn đề cho đến bây giờ mới chỉ được giải quyết có một nửa.

Vừa lúc đó, một ý nghĩ thú vị lại len vào đầu tôi:

– Mà này! – tôi thốt lên. – Phải chăng anh đi du lịch qua vùng này lần thứ hai là cốt để tìm ra phần sau của lời giải?

– Nếu nói hoàn toàn thành thật, – Lipatov đáp, – thì anh đã đoán đúng. Tôi có một hy vọng thần kín như vậy.

– Thế rồi sao?

– Đúng vào lúc anh đi tới đây, tôi có cảm giác rằng đi ầu đó lại đã bắt đầu.

– Và anh đã hỏi tôi có nghe thấy gì không... Nhưng sao lại có thể như vậy được? Nếu như tất cả được lý giải bằng... tư duy liên tưởng, thì tôi phải không nghe thấy gì chứ.

– Hoàn toàn đúng. Tôi muốn kiểm tra chính đi ầu đó. Tuy nhiên, tôi hỏi anh như thế có lẽ chỉ đơn thuần là theo bản năng. Tất nhiên là anh không

thể nghe thấy gì rồi.

– Vâng, anh đã kể cho tôi một câu chuyện thật lạ lùng – tôi nhận xét. –
Giả như bây giờ tôi được biết tất cả những cái đó sẽ kết thúc như thế nào.

Lipatov không trả lời, khuôn mặt anh bỗng hiện vẻ siêu thoát. Rồi anh nhìn tôi như vừa mới gặp.

– Xin lỗi – anh khẽ nói, – bây giờ tôi cần ở lại một mình... xin lỗi.

Và anh đi chầm chậm dọc boong tàu, thỉnh thoảng dừng lại và dường như lắng nghe chính bản thân mình.

Suốt buổi sáng tôi ngồi trong buồng tàu và viết xong bài báo... Khi tàu cập bến, tôi lên bờ chừng hai giờ để giải quyết một số công việc, và quay trở lại tàu đúng lúc tàu chuẩn bị rời bến. Tôi muốn gặp lại Lipatov, nhưng tìm đâu cũng không thấy anh. Tôi hỏi người phục vụ trên tàu. Anh ta cho biết là Lipatov Sergei Lipatov ở buồng tàu số 34 đã bất ngờ bỏ dở cuộc hành trình và đã lên bờ...

– Có lẽ ông ta đã nhận được một tin quan trọng nào đấy – người phục vụ nói thêm, – và phải trở về Moskva ngay.

Một tin quan trọng? Có thể, giọng nói bên trong bí ẩn cuối cùng đã mách bảo cho Lipatov phần thứ hai, phần chính của lời giải? Tôi chỉ có việc mà ngồi đoán già đoán non thôi.

Vài tháng sau tôi mới xong công tác trở về. Trong thời gian đó, các công việc dường như đã đẩy câu chuyện đêm khuya ấy xuống hàng thứ hai. Thời gian càng trôi qua kể từ buổi tối hôm ấy thì tôi càng cảm thấy câu chuyện Lipatov kể mất dần đi chất hiện thực, và nó cũng giống một giấc mơ lạ lùng.

Tại một tòa soạn ở Moskva, tôi gặp một anh bạn nhà báo quen.

– Cậu đã nghe gì chưa?

Vừa thấy tôi anh ta liền hỏi ngay.

– Có chuyện gì vậy?

– Cậu chưa nghe à? Cả Moskva đang xôn xao lên về chuyện đó.

– Thì cậu giải thích xem chuyện gì nào.

– Rất sẵn lòng, nhưng tớ phải vội đi. Số chín tạp chí “kỹ thuật điện tử”. Tạm biệt!

Và anh ta bỏ đi kéo theo sau chiếc cặp to tướng. Một dự cảm mơ hồ buộc tôi phải đến ngay thư viện. Tôi tìm thấy trên giá tờ tạp chí và liền giờ ngay các trang. Đây rồi: “Về vấn đề các khả năng của máy tính điện tử”. Dưới có hai tên: Iu. Kuznetsov, S. Lipatov.

Tôi lướt nhanh bài báo – chỉ toàn công thức là công thức. Nhìn xuống đoạn dưới, tôi đọc phần toát yếu và biết rằng, bài toán mà Lipatov và bạn anh đã dày công nghiên cứu, cuối cùng đã được giải xong hoàn toàn. Tôi lại nhìn chỗ ghi tác giả: Kuznetsov, Lipatov. Họ tên người thứ nhất không hề được viền bằng khung đen như thường vẫn thế. Nhất định đó không phải là ngẫu nhiên. Hẳn là Lipatov muốn nhấn mạnh rằng, bạn anh đã tham gia công việc cho đến khi kết thúc như một người còn sống.

Tôi liền tới ngay viện nghiên cứu, nơi Lipatov làm việc. Anh nhận ra tôi ngay, và chìa tay ra bắt. Tôi rút từ trong cặp ra số tạp chí.

– Anh đọc rồi à? – Lipatov nói với một vẻ hờ hững.

Tôi nhìn anh dò hỏi. Anh hiểu cái nhìn của tôi, nhưng vẫn im lặng. Tôi cảm thấy anh không muốn quay trở lại câu chuyện đêm hôm ấy.

Tôi đứng lưỡng lự. Đi ư? Nhưng Lipatov có lẽ đã tự chủ lại được.

– Xin lỗi. Tôi không muốn nói về chuyện đó, – anh nói với vẻ thẳng thắn dễ mến, đi đâu mà tôi đã chú ý đến ngay từ buổi gặp gỡ đầu tiên giữa chúng tôi. – Nhưng một khi chính tôi đã bắt đầu, khi đó, ở trên tàu thủy, thì tôi sẽ kể tiếp. Mặc dù, nói thật ra, hầu như chẳng còn gì để kể cho anh nghe nữa. Vào cái đêm chúng ta chia tay nhau, lời giải cuối cùng, nếu có thể diễn đạt như thế, đã đến với tôi. Tất cả chỉ có thế. Còn lại thì anh biết rồi...

– Anh nghĩ gì về tất cả những đi đầu đó?

– Chẳng có gì rõ rệt cả... Tiếc rằng cho đến bây giờ, chưa ai có thể nói một cách chính xác, bằng cách nào trong não chúng ta nảy sinh ra những ý tưởng, những phát minh khoa học nào khác. Vì sao tôi đã giải được một bài toán nào đó vào chính hôm nay chứ không phải một tháng trước đây, mặc dù lúc đó tôi đã biết tất cả những gì tôi biết bây giờ? Những quá trình tiềm ẩn nào diễn ra trong ý thức chúng ta, những cửa đập nào mở ra ở đó, những con đập nào bị phá vỡ...

Chúng tôi chia tay nhau.

Vâng, câu chuyện thật lạ lùng. Câu chuyện đến nay vẫn để ngỏ chưa có lời giải đáp.

NGUYỄN CHIẾN dịch

BION

M. Bubmova, V. Kelasiev

(Liên Xô)

Nikolai Nikolaevich kết thúc cuộc kiểm tra buổi chiều phòng thí nghiệm tại buồng làm việc của Bion.

Bion, là một robot, bề ngoài giống hệt như người thật, đang ngồi trước bàn điều khiển và theo dõi những gì diễn ra trên màn ảnh.

Vừa nhìn thấy Nikolai Nikolaevich, Bion liền quay bộ chuyển mạch, và theo lệnh của anh ta, các máy tự động ở trong phòng nuôi vật thí nghiệm lập tức cấp các dung dịch và chất cần thiết để tạo ra bầu không khí cần phải có. Bây giờ, mã phục hồi do anh ta lập đã hoạt động – chẳng mấy chốc, trước mắt Nikolai Nikolaevich dần dần hiện lên trong những hình thù phức tạp và đang thay đổi đường nét của các chi, của thân mình dài ngoẵng có đuôi và cựa, cái đầu với bộ hàm đồ sộ. Phần còn giữ lại được của bộ xương một động vật đã chết từ lâu lấy từ hành tinh xa lạ đã biến thành một khối lớn bằng xương bằng thịt. Nó trông giống như những con khủng long đã bị tuyệt diệt trên Trái Đất. Con vật đứng lên bằng những chi sau, bước vài bước, vẫy vẫy cái đuôi khổng lồ ở phía sau rồi ngoái nhìn lại. Trong cặp mắt của nó hiện ra sự lo âu; nó không trông thấy cái thế giới quen

thuộc của nó. Không còn những hồ nước đã nuôi sống nó, không còn mặt đất bốc hơi mù mịt, và có trời biết là còn những gì nữa từ cái môi trường từng bao quanh nó trên hành tinh đã biến mất ở một nơi nào đó. Con vật quay cuồn trong căn phòng lớn.

– Không có gì thú vị cả, – Bion nhìn Nikolai Nikolaevich. – Trí tuệ mới chỉ ở mức phôi thai.

– Tôi hài lòng về công việc của anh, – Nikolai Nikolaevich lảng tránh cuộc tranh luận và nói. – Những cộng tác viên khác còn lâu mới lập được các mã phục hồi như thế.

– Tôi nghĩ rằng cả họ sẽ có được một cái gì đó tựa như vậy, – Bion tắt màn ảnh. – Trong vũ trụ không có gì so sánh được với con người, dù chỉ là tương đối, về sự phức tạp. Cái chúng ta cần phục hồi không phải là những con vật này, mà là con người.

– Hiện giờ chúng ta mới chỉ chế tạo được những thiết bị phục sinh đơn giản nhất thôi, – Nikolai Nikolaevich nhận xét.

– Đúng. Nhưng chúng ta có thể làm được nhiều hơn nữa, – Bion nhìn Nikolai Nikolaevich dò hỏi bằng cặp mắt xanh của mình, – và bằng chính những nguyên tắc đó. Mỗi một tế bào sống đều có khả năng tái tạo lại cả chỉnh thể – toàn bộ cơ thể mà trước kia tế bào đó là thành phần. Nó ghi nhớ chỉnh thể đó với hàng ngàn chi tiết phức tạp và bé nhỏ nhất. Chỉ có việc là hoàn thiện kỹ thuật kích thích bộ nhớ của tế bào. Tôi đề nghị tách ra một nhóm nghiên cứu độc lập, không vướng mắc gì với những công việc hiện nay. Để cho nhóm đó nghiên cứu lý thuyết phục hồi các cấu trúc hữu cơ và chế tạo máy phục sinh.

– Và đưa anh vào nhóm đó chứ gì, – Nikolai Nikolaevich mỉm cười. – Hiện giờ chúng ta chưa thể đi tới việc thành lập một nhóm như thế. Phòng thí nghiệm đã quá nhiều việc rồi, hàng trăm đoàn thám hiểm từ các hành tinh khác nhau đang trở về Trái Đất. Họ mang về vô số hài cốt của những mẫu vật từng tồn tại ở đó. Chúng ta phải vất vả lắm mới kịp hồi sinh chúng. Bây giờ chưa thể nói đến chuyện lập ra một nhóm chỉ để chế tạo “máy phục sinh” người hay nghiên cứu lý thuyết thuần túy. Tôi nói với anh điều này và chính tôi cũng lấy làm tiếc.

– Nhưng tuy thế anh vẫn cấm tôi thậm chí nghĩ về máy phục sinh.

– Tại sao à, – Nikolai Nikolaevich giữ thái độ bình thản như trước, tránh những tranh luận. – Tôi không có ý định sử dụng quyền hành chính của tôi đâu. Nhưng điều đó không được cản trở những trách nhiệm hàng ngày của anh.

Họ chia tay nhau.

Bion quay vào buồng mình ở bên trong phòng thí nghiệm, còn Nikolai Nikolaevich dừng lại vài phút ngoài hành lang, rồi anh đi ngược về phía cuối của ngôi nhà đồ sộ.

Đã mấy ngày trôi qua. Bất cứ lúc nào có dịp thuận lợi là Bion lại nêu chuyện chế tạo máy phục sinh với Nikolai Nikolaevich. Một mỗi vì công việc hàng ngày, Nikolai Nikolaevich quyết định sẽ nói thẳng với Bion về mọi chuyện. Đợi cho đến cuối buổi làm việc và khi thấy Bion rời phòng thí nghiệm đi về buồng mình, Nikolai Nikolaevich liền đi theo anh ta.

Anh gõ cửa, và ngay lập tức, khuôn mặt Bion hiện ra phía sau lớp kính mờ. Trên khuôn mặt anh ta thoáng vẻ hốt hoảng: có lẽ Bion hoàn toàn không mong đợi gặp trưởng phòng thí nghiệm ở tại nhà riêng vào lúc này.

Đôi môi anh ta mấp máy đi đầu gì đó, nhưng phải sau vài phút anh ta mới mở cửa. Trong căn phòng còn đây những dấu tích của sự lộn xộn được nguy trang vội vàng: mấy bộ phân tích sinh học còn mới vừa được đẩy dịch vào cửa sổ, từ đằng sau tủ lòi ra những dây dẫn tới các bộ phân tích đó, trên bàn vút ngồn ngang những mạch logic, các thiết bị mã hóa và còn bao nhiêu thứ máy móc khác mà Nikolai Nikolaevich biết rất rõ qua quá trình thực hành công việc hằng sinh.

– Tôi đến chơi anh không có việc gì cần thiết lắm đâu – Nikolai Nikolaevich cảm thấy khó xử, nói.

– Anh vào đi, – Bion đưa anh vào phòng và mời ngồi xuống đi vắng, có lẽ còn được dùng làm giường ngủ nữa, vì ngoài chiếc ghế bành ra, trong phòng không còn gì hơn, – Tôi biết là anh thế nào rồi cũng đến.

– Thế đấy! – đôi lông mày của Nikolai Nikolaevich nhướn lên.

– Chiếc máy phục sinh lại làm cho anh lo lắng. Anh đến đây vì e rằng tôi sẽ chế tạo ra nó một mình và dùng nó làm những chuyện mà người ta sẽ gở lên đầu anh với tư cách là trưởng phòng thí nghiệm.

– Anh thật tinh ý. – Nikolai Nikolaevich trả lời, cảm thấy cuộc nói chuyện có thể không đi tới kết quả. – Tôi đến chính vì lẽ đó. Anh có được một tính độc lập rất lớn. Và theo đuổi những mục tiêu nào đó, anh đang cố gắng chế tạo chiếc máy phục sinh. Lẽ tự nhiên, đi đầu đó làm tôi phải quan tâm và lo ngại.

– Nó làm anh lo ngại nhiều hơn, – Bion nhận xét.

– Cứ cho là như thế đi, – Nikolai Nikolaevich trả lời lạnh lùng. – Nhưng anh hãy cố gắng nhìn nhận sự việc theo quan điểm của tôi. Nếu như

quả thực anh theo đuổi những mục đích thuần túy khoa học, thì anh đã không thể hiện một sự bần bĩ đến như vậy. Đúng là anh đã làm tôi khốn khổ với những cuộc nói chuyện về sự cần thiết nghiên cứu máy phục sinh. Anh mất gì mà không làm theo những kết luận của tôi – tự chúng cũng đã rõ ràng rồi. Còn bây giờ thì quả là tôi sửng sốt: cái mà tôi nhìn thấy trong phòng anh có thể là những bộ phận đã hoàn chỉnh của máy phục sinh, chỉ có điều chúng đang bị tháo rời ra thôi – vai trò chức năng của chúng thật rõ mồn một. Tôi không nghĩ rằng anh đã đi quá xa đến thế. Sao anh lại làm giấu giếm tôi như vậy?

– Anh hãy tin là tôi không bao giờ vượt khỏi ranh giới cho phép. Còn nói một cách cụ thể về những mục đích của tôi thì bây giờ tôi chưa thể...

– Và bên trong giới hạn cho phép có nhiều cái lạ lùng. – Nikolai Nikolaevich nhận xét. – Nhưng tôi mừng là rốt cục anh đã nói ra đầu chỉ một phần sự thật.

Sau cuộc nói chuyện đó, trong vài tuần mọi việc trôi qua với vẻ bình thường bên ngoài: Nikolai Nikolaevich chào hỏi khi gặp Bion, họ nói chuyện với nhau một lát về công việc hàng ngày. Nhưng có một lần, sau khi làm xong công việc của mình nhanh hơn thường lệ. Bion tới chỗ Nikolai Nikolaevich và xin phép được trở về phòng riêng. Nikolai Nikolaevich lúc ấy đang bận túi bụi với công việc liên bất giác gật đầu, nhưng khi Bion vừa đi khỏi, anh bỗng cảm thấy một sự lo ngại mơ hồ nào đó. Gác bỏ mọi công việc lại, anh đi theo người máy.

Ngay trước mắt anh, cửa phòng đóng lại sau lưng Bion. Tuân theo một cảm giác bất ngờ, Nikolai Nikolaevich đứng bất động vài phút, sau đó anh

đi vài chục bước dọc theo hành lang rộng rãi dừng bước và chầm chậm quay trở lại.

Thoáng nghe có tiếng động, anh ngoái lại rất nhanh: một người vừa bước ra khỏi phòng Bion. Nikolai Nikolaevich không kịp dẫn đo liệ̀n đi đến đón gặp. Người đó đi rất nhanh, mắt nhìn thẳng phía trước, khuôn mặt nhợt nhạt và căng thẳng.

“Ở chỗ anh chàng người máy thiếu gì những kẻ kỳ quặc”, – Nikolai Nikolaevich nghĩ, nhưng khi bước lại gần, anh cảm thấy: có cái gì đó làm con người này có vẻ rất khác biệt. Cái đó là gì thì anh không thể biết được. Nikolai Nikolaevich toan dừng người đó lại và hỏi một câu gì đó. Nhưng rõ ràng người đó tránh chạm trán Nikolai Nikolaevich. Anh ta nhanh chóng rẽ sang cầu thang dẫn tới lối ra khỏi phòng thí nghiệm và biến mất.

Lại vài ngày nữa trôi qua. Hình ảnh con người đó chẳng lúc nào thoát khỏi tâm trí Nikolai Nikolaevich. Anh gác mọi công việc lại và chú ý theo dõi Bion. Hai tuần đầu không mang lại cho anh kết quả gì, và anh nhận thấy nỗi lo âu mà chính anh không hiểu rõ đang bắt đầu mất đi. Nhưng có một bận, khi đang đứng ở cuối hành lang, anh lại thấy có người từ phòng Bion bước ra. Cũng vẫn một người có vẻ chăm chú và dáng đi vội vã khi ra khỏi phòng thí nghiệm. Anh ta đã không vào phòng của Bion – Nikolai Nikolaevich tin chắc như vậy, – nhưng lại từ đó đi ra, trông lạ lùng như vừa được tách ra khỏi một thế giới khác. Nikolai Nikolaevich suốt nửa thì kêu lên vì đi đâu phỏng đoán làm anh choáng người.

Vài phút sau anh đã ở trong phòng của bác sĩ phân tâm của phòng thí nghiệm. Bác sĩ lắng nghe những lời kể rời rạc, đứt đoạn của anh và sau đó lạnh lùng nói:

– Đáng ra anh phải báo cho tôi biết sớm hơn về những nghi ngờ của anh.

Vài phút sau họ đã ở cạnh phòng Bion. Bác sĩ phân tâm gõ cửa, nhưng không ai trả lời họ. Nikolai Nikolaevich lại gõ cửa lần nữa. Vẫn im lặng.

– Mở cửa ra, – Nikolai Nikolaevich kêu lên. – Anh không có quyền làm như vậy.

– Anh đừng có hững hờ về mình nhiều quá thế, – bác sĩ phân tâm nói, – Anh thậm chí không phải là người cơ mà.

Họ chỉ nghe thấy tiếng chân bước vội vàng bên kia bức tường và tiếng máy chạy đều đều.

– Mở ra, – Nikolai Nikolaevich lại kêu lên và đâm vào cửa. – Giờ thì chúng tôi rõ cả rồi.

Tiếng máy chạy lắng đi, lại nghe thấy tiếng chân người và tiếng kim loại bị tháo rời.

Nikolai Nikolaevich và bác sĩ phân tâm nhìn nhau, rồi họ bắt đầu phá cửa.

Khi cánh cửa kêu rắc rắc và sắp bật ra, giọng nói của Bion bỗng vang lên:

– Để tôi tự mở lấy.

Mặt tái nhợt nhưng tươi cười, Bion đứng trên ngưỡng cửa và chĩa vôi vàng nhưòng lối cho họ vào. Hai người đẩy anh ta ra và xộc vào phòng.

Máy phục sinh vẫn nằm trên sàn – trong lúc vôi Bion không kịp tháo nó ra thành những khối bễ ngoài trông có vẻ vô hại. Một cơ thể to lớn

giống hình elip vẫn đang đập mạch dưới áp lực của các khối sinh học. Vô số những thiết bị máy tính, những bộ điều chỉnh mã sinh học – bất giác Nikolai Nikolaevich và bác sĩ phân tâm dừng lại trước chiếc máy này.

– Anh đang tiến hành phục sinh con người, – Nikolai Nikolaevich nói thẫn thờ. – Mà anh lại chỉ nói với tôi về sự cần thiết và tính tất yếu của việc đó.

Bion không trả lời, có lẽ anh ta hiểu rằng trong tình hình này phản đối là vô ích.

– Anh cho tôi biết anh làm việc này đã mấy năm rồi, anh đùa rớt với chúng tôi đã bao lâu, hả?

– Đùa rớt ư? – Bion nhìn Nikolai Nikolaevich.

– Phải. Bởi vì những kẻ đi ra từ chiếc máy này không phải là người. Có cái vỏ của con người nhưng không phải là người. Quy luật tái sinh những cấu trúc tinh tế của con người hiện nay còn chưa phát hiện được do tính phức tạp của chúng. Còn phải mất nhiều năm nữa để làm sáng tỏ những quy luật đó...

– Tôi đã làm sáng tỏ mọi vấn đề, – Bion ngắt lời anh, – trong khi những người như anh chỉ mới nói về sự phức tạp của chúng.

– Anh đã lấy gì để tái sinh? – Nikolai Nikolaevich hỏi.

– Những bộ phận của sọ. Theo các tính toán của tôi, chúng thích hợp hơn cả đối với việc tái tạo.

– Vì sao những người được phục sinh lại tránh gặp tôi?

– Bởi vì tôi đã định với họ như thế. Nói chung là họ tránh tất cả mọi người chứ không chỉ riêng anh. Ban đầu họ phải quen dần với mọi người đã.

– Anh đã lập cả chương trình để những người được phục sinh thích hợp với cuộc sống? – Bác sĩ phân tâm hỏi.

– Vâng, – Bion trả lời. – Tôi buộc phải làm đi đâu đó. Những hành động của họ hiện còn vô ý thức, họ còn chưa có nhân cách. Hành vi của họ đơn thuần được điểu khiển bằng một bộ các chương trình do tôi lắp đặt. Nhưng giai đoạn này chuẩn bị cho bước nhảy vào cuộc sống. Chẳng mấy chốc họ sẽ cảm thấy là họ đã có thời thơ ấu, có quá khứ và họ là những con người bình thường như trăm vạn người khác. Tôi bỏ sức làm việc này không ít hơn việc chế tạo máy sinh học đầu, các anh hãy tin tôi, tôi đã học được một đi đâu gì đó.

– Đúng là một kẻ phiêu lưu bằng máy, – Nikolai Nikolaevich nói rít lên, – Chúng tôi còn chưa biết về những động cơ của anh. Thậm chí nếu như gạt đi đâu đó sang một bên, thì lấy gì để bảo đảm rằng những người đó sẽ có thể nhập vào cuộc sống của chúng tôi, rằng họ sẽ không bị chà đạp, bị tiêu diệt vì những sự thay đổi đó! Làm sao anh có thể cho rằng quyên quyết định số phận những người ấy chỉ thuộc vào anh thôi? Anh có quyên gì để đem lại cho họ một cuộc sống thứ hai – thực tế thì thế giới của chúng tôi còn chưa trù tính đến đi đâu đó cơ mà! Anh có hiểu rằng anh đã đặt ra trước con người biết bao nhiêu vấn đề không? Thật là tùy tiện, không có quyên gì cho phép anh như thế.

– Tôi sẽ cố gắng giải thích tất cả, – Bion lầm bầm.

– Giải thích là việc sau này, Nikolai Nikolaevich ngắt lời Bion. – Còn bây giờ anh hãy nói xem những người đó là ai?

– Tôi không thể, – Bion trông thật tội nghiệp. – Tôi không thể, xin các anh hãy tin cho. Bây giờ không thể làm việc đó được.

– Anh không được quyền quyết định, – bác sĩ phân tâm nói. – Anh có nghĩa vụ phục tùng chúng tôi.

– Vâng. Nhưng chỉ khi nào đi đâu đó là có lợi.

– Chúng tôi sẽ nhận trách nhiệm về số phận những người đó, – Nikolai Nikolaevich nói. – Để làm được việc này, chúng tôi phải biết họ đã hòa nhập vào cuộc sống như thế nào, và bây giờ họ là ai. Cấu trúc sinh học của họ như thế nào, độ lệch của tâm lý so với chuẩn mực ra sao – tôi không thể tin được rằng họ khỏe mạnh cả về sinh lý lẫn tâm lý.

– Lúc này các anh không được đòi hỏi gì ở tôi – Bion hét lên, – Các anh chỉ có mà hủy hoại tất cả...

– Anh không được cưỡng lại, – bác sĩ phân tâm nhìn Bion vẻ lạnh lùng và đầy quyền lực.

Bion thách thức cái nhìn của bác sĩ phân tâm trong vài phút, sau đó anh ta nói:

– Các anh hiểu quá ít về tình huống đã xảy ra, trước đây các anh bất lực trước những vấn đề kỹ thuật của máy phục sinh, bây giờ các anh bất lực trước cả những vấn đề tâm lý và đạo đức. Tôi đề nghị các anh đừng ngăn cản tôi.

– Rõ ràng là anh đã thoát ra khỏi sự kiểm soát, – Nikolai Nikolaevich nói. – Ở anh tư tưởng phục vụ con người trong phòng thí nghiệm phục hồi

các dạng thức sống đã chuyển thành ý muốn chế tạo máy phục sinh. Anh đã nhiệm ý nghĩ đó, đối với anh sống có nghĩa là làm tái sinh. Anh sẽ làm tái sinh chừng nào anh còn tồn tại. Anh thô bạo đẩy con người tới cuộc sống thứ hai và nói: sống đi. Mà anh không biết đối với con người, đó là điêu lành hay dữ. Phát minh của anh ra đời non quá. Mà có thể còn không cần thiết nữa. Con người sinh ra để có một cuộc sống, anh không có quyền quyết định thay cho con người, quyết định xem con người cần bao nhiêu cuộc sống, không ai đặt cho anh mục đích đó cả. Giờ đây sự tồn tại của anh thật là vô nghĩa.

– Các anh định tước của tôi cái quyền đó sao? – Bion hỏi khẽ.

– Đúng, Nikolai Nikolaevich trả lời kiên quyết. – Tôi không hình dung được một lối thoát nào khác trong tình huống đã xảy ra này. Quy chế về việc này rất rõ ràng. Anh hiểu tôi muốn gì ở anh chứ? – Nikolai Nikolaevich nhìn sang bác sĩ phân tâm.

Đối với họ, Bion là cái gì? Bây giờ anh ta phải trả giá cho việc anh ta hiểu cái thiện không như họ hiểu. Ngày mai, một người máy không bao giờ tự đặt cho mình những mục đích tương tự sẽ phải thay thế anh ta. Bion đã bị hỏng, bị “nhiễm” một ý nghĩ như thế. Và đã mất hết ý nghĩa chức năng của mình.

Bác sĩ phân tâm chần chừ vài phút, nhưng rồi cũng chấp hành ý muốn của trưởng phòng thí nghiệm.

Và ngay lập tức, một chùm xung tác động vào hệ thần kinh của Bion. Để không gây đau đớn cho Bion, Nikolai Nikolaevich lại gần anh ta và ngắt mạch ý thức. Những gì còn lại chỉ là công việc trong vòng một giờ. Họ làm

việc mau lẹ, bằng những động tác thành thục tháo rời hàng loạt mạch và sơ đồ.

Giờ đây, trước mắt họ, thay cho anh chàng Bion chỉ còn là những khối điện tử.

Nikolai Nikolaevich và bác sĩ phân tâm nhìn chúng trong vài tích tắc – có thể, trong cái nhìn của họ thoáng qua sự nuối tiếc. Nhưng chỉ một phút sau họ đã bắt tay vào tìm cái họ cần – danh sách những người đã được Bion phục sinh. Nó phải có ở trong phòng của anh ta, Bion không thể không lường tới đi đâu đã xảy ra và không thể không nghĩ đến việc để danh sách đó rơi vào tay con người.

– Trước kia chúng ta chưa có dịp nào phải uốn nắn tính phiêu lưu của máy móc, – Nikolai Nikolaevich nhận xét. – Bây giờ chúng ta phải bận bịu với những người này cho tới cuối đời. Tìm ra họ, sau đó đưa họ nhập vào cuộc sống của chúng ta, mô phỏng tâm lý và sinh lý cho họ – những công việc mà tôi không thấy có lúc kết thúc.

Anh còn nói đi đâu gì nữa, nhưng bác sĩ phân tâm im lặng. Cả hai người lục tung phòng Bion, họ không tìm thấy gì cho đến khi Nikolai Nikolaevich cặm lên một trong những cuốn vở. Mở trang đầu ra, anh nhận ra những nét chữ đầu đặng của Bion. Trong một khoảnh khắc tiếp theo, anh cảm thấy mình như mất hút đi trong không gian vô tận, trên trang giấy viết họ tên và nơi làm việc của anh – CHÍNH ANH là người đầu tiên được phục sinh.

– Nhưng thế nào mới được chứ? – anh thì thầm, cảm thấy tất cả đều đã ngưng lại đối với anh trong khoảnh khắc đó: cả trái tim anh, cả những vì sao xa xôi, cả nụ cười thiếu não trên khuôn mặt bác sĩ phân tâm vừa giật cuốn vở khỏi tay anh. – Làm thế nào để giải thích tất cả? Và làm lại? Sự

thể là anh ta đã không cho ta biết sự thật, sợ làm tổn thương ta. Anh ta đã tạo điểu kiện cho ta được quan sát hàng ngày hàng giờ sự tái sinh các dạng thức sống – và bằng cách đó, anh ta đã chuẩn bị cho ta đi tới cái đã xảy ra. Không còn nghi ngờ gì, ta đã sống một cuộc sống do anh ta ban tặng, nhưng chính ta đã tước đi cuộc sống duy nhất của anh.

Nikolai Nikolaevich cúi xuống đóng các khối máy, anh nhặt lấy vài khối và vội vàng chấp nối lại. Anh biết rằng điểu đó thật vô nghĩa, rằng giờ đây không có sức mạnh nào có thể làm cho Bion sống lại được nữa, nhưng anh làm việc đó với sự nhẫn nại của một kẻ điên cu ờng. Và anh có cảm giác rằng nỗ lực của anh đang làm lóe lên những tia lửa của sự sống.

NGUYỄN CHIẾN dịch

CUỘC THỬ THÁCH TRÍ TUỆ

Dmitry Bilenkin

(Liên Xô)

Peter cứ chần chừ, mặc dù lẽ ra phải quả quyết bước vào, đánh thức Ev dậy nếu anh ta ngủ, và thú nhận rằng anh, Peter Fanny, một phi công vũ trụ, kỹ sư hạng nhất; lại cảm thấy như đã gặp ma quỷ.

Chuyện ấy xảy ra ở một trong những khoang xa của con tàu, nơi sự rung động bu ồn tẻ nhấc nhở người ta rằng gần đây là các bộ hủy không – thời gian. Ngay bên cạnh, người ta đã kìm giữ một lực có thể phá tung một hành tinh nhỏ, và bất giác ý thức liên trở nên cảnh giác khi đi qua những hành lang chật hẹp, tối mờ mờ và ì ảm tiếng rung đó.

Tuy nhiên, Peter cảm thấy tâm trạng mình bình thường như mọi ngày. Thậm chí anh còn ngạc nhiên là đằng khác, nếu như biết rằng trong anh, người chủ của cỗ máy khổng lồ này, vẫn ẩn náu một nỗi lo lắng, nỗi lo mà tổ tiên xa xưa của anh đã từng trải khi gặp sức mạnh của thiên nhiên hé lộ ra qua những tia chớp ngu ồn hay cái mùi đầy đe dọa của con mãnh thú náu mình trong con đường rừng nhỏ.

Anh cũng vừa kết thúc buổi đi kiểm tra thường lệ khi một tiếng ho khê khiến anh đứng chết lặng ngay tại chỗ, tiếng ho đó không thể có ở đây

được.

Anh quay người lại.

Không có ai, không có cái gì cả. Hành lang vắng ngắt, màu men tường lò mờ, bóng các dây cáp điện và ống thép ngoằn ngoèo. Và một cảm giác rõ rệt về cái nhìn của người lạ, hết như bị mạng nhện vương vào mặt.

– Oleg, có phải cậu đấy không? – Peter kêu lên giọng căng thẳng.

Hành lang im ắng. Peter chỉ có một mình, hoàn toàn một mình trong lòng con tàu đang làm việc đầu đầu.

Một thoáng sau, Peter nhận ra tư thế của mình là kỳ cục, thậm chí đáng xấu hổ, và anh cương quyết bước tới chỗ phát ra tiếng động, kéo cái túi đựng các dụng cụ thử nghiệm ống điện tử lại gần như thể muốn tỏ ra là mình sẵn sàng khắc phục ngay bất cứ sự hư hỏng nào, dù nó gây ra tiếng ho, tiếng hắt hơi hay tiếng cười khì.

Xong anh chưa kịp bước trọn hai bước thì từ bức tường thoáng vụt chéo ra một vật thể không có hình dạng và nhanh đến nỗi trí nhớ chỉ kịp ghi nhận như một cuộn khói đen bốc lên, và khi đã khuất đi sau góc tường, từ trong cái đáy sâu tối thẫm của nó ánh lên hai con người đỏ sẫm như máu.

Khi đôi chân mềm nhũn đưa Peter ra đến bãi trống, chỗ “cái gì đó” vừa biến mất, thì ở đó chẳng có gì ngoài những hành lang tràn ngập tiếng rung và giống nhau như soi trong gương vậy. Peter thấy nghẹt thở, anh chạy suốt cả hai đầu hành lang, ngoái nhìn lại, và lần đầu tiên anh thấy khoảng cách từ chỗ anh tới các phòng ở của con tàu vũ trụ thật xa ghê gớm.

Tất nhiên sự việc đã quá rõ ràng. Trước kia cũng đôi khi xảy ra trường hợp là công việc của một chuyến bay lâu dài đã ảnh hưởng đến thần kinh của các phi công vũ trụ, mặc dù, theo như Peter có thể nhớ được, chưa bao giờ có ai có cảm giác gặp ma quỷ.

Vì vậy, tình trạng của anh lại càng tồi tệ hơn. Anh buộc phải báo cáo đi đâu đã xảy ra cho bác sĩ, tức là cho anh bạn già Ev, còn cái gì sẽ đến tiếp theo sau đó thì hình dung ra cũng không khó khăn gì.

Anh thật sự thấy xót xa cho mình. Như thế là bất công, bất công, thật bất công! Tại sao đi đâu đó lại xảy ra với anh? Vì cái gì? Nói chung làm sao lại có thể xảy ra chuyện đó được, bởi vì anh cảm thấy sức khỏe mình chẳng hề kém lúc thường cơ mà?

– Ev, anh ngủ à? – đứng trước cánh cửa đóng chặt anh khẽ hỏi.

Một câu hỏi thừa. Tất nhiên trong giờ phút muộn màng này của đêm trên con tàu, bác sĩ trưởng và cũng là nhà sinh học của đoàn thám hiểm phải ngủ bù lại sau những ngày làm việc vất vả trên hành tinh Bisser. Có thể là không nên đánh thức anh ấy dậy vào lúc này chẳng?

Peter xoa cằm nghĩ ngợi. Đúng là anh phải báo cáo với bác sĩ. Anh phải kể về đi đâu đã xảy ra. Nhưng có một sự khác nhau là báo cáo ngay bây giờ hay để muộn hơn một chút. Sự khác nhau lớn đấy chứ! Chắc đâu phản ứng của anh bây giờ đã bình thường. Còn nếu anh được nghỉ ngơi và ngủ đầy giấc, thì khi đó, có thể là...

Quyết định rồi. Bằng bước đi kiên quyết, Peter Fanny vào phòng mình, cởi quần áo và nằm xuống. Anh không còn run nữa. Trong phòng yên lặng. Ở đây không có cái gì làm người ta nghĩ tới tốc độ của con tàu vũ trụ đang vội lao về Trái Đất, vượt qua khoảng không gian bao la.

Vài phút sau Peter thiếp đi. Anh có hệ thần kinh vững chắc như nghề nghiệp một phi công đòi hỏi.

Nhưng anh ngủ không yên giấc. Ở đây, trên Trái Đất, nơi anh mơ thấy mình, anh nằm trong một cái võng, rồi bỗng nhiên cái võng biến thành mạng nhện, và tim anh thắt lại vì chẳng thấy nhện đâu cả, nhưng nó phải xuất hiện. Peter biết rằng con nhện ở ngay bên cạnh, thậm chí anh cảm thấy sự đụng chạm của những cái chân xù xì, nhưng anh không thể động đây được, và cái đáng sợ nhất là con nhện lại vô hình. Sau đó, vẫn nằm trên mạng nhện, Peter nhìn vào kính hiển vi, và như anh hiểu, đó là cơ hội cuối cùng để anh không trượt trong kỳ thi, mà tất cả lại phụ thuộc vào kỳ thi này. Song, thay vì con nhện, kính hiển vi lại cho anh thấy chòm râu của Ev, những cái ria màu hung, xác xược, và Peter thất vọng nghĩ rằng kỳ thi này không phải là cuối cùng, mặc dù anh biết rất rõ trong giấc mơ rằng đây là kỳ thi cuối cùng. Anh lấy hết sức ném cái kính hiển vi hồng đi để lấy cái mới. Cái kính rơi xuống lăn tròn như một quả cầu, và quả cầu đó cứ phình to ra, lấp lánh ngọn lửa băng giá, và trái tim Peter như ngừng đập, bởi đó không phải là quả cầu, mà là một khối kết tụ của ngôi sao neutron. “Thì ra các thiên hà xuất hiện như thế đấy...” – một ý nghĩ thoáng qua bộ óc đã tê liệt vì hoảng sợ của anh.

Một tiếng động cắt ngang cơn ác mộng của Peter. Anh nhòe mắt dậy lắng nghe. Tim anh đập thành thịch, nhưng cái hiển hiện rõ ràng đã thắng những hình ảnh tưởng tượng. Tiếng gõ rất rõ, và hình như có những tiếng kêu ở đâu đó, có thể là ở buồng vệ sinh sát ngay bên cạnh phòng anh. Peter nhảy bổ ra hành lang mặc dù anh còn chưa tỉnh hẳn. Và đúng vậy, có ai đó vừa chải rửa vừa dấm ầm ầm vào cánh cửa khóa chặt của buồng vệ sinh, đi đầu đó thật là kỳ cục.

Peter giật mạnh cửa và từ trong đó, Oleg lao ra như chú mèo nhảy ra khỏi bị.

– Lại còn những trò nghịch ngợm của ai thế này nữa?! – anh ta mắng ầm lên không cho Peter định thẫn lại. – Những trò giải trí hạ cấp của lũ amip, những chuyện đùa trong nhà vệ sinh của bảy người sống trong hang hốc!

– Chẳng lẽ thời ấy đã có nhà vệ sinh rồi sao? – Peter hỏi trong cơn sửng sốt.

Câu hỏi vô nghĩa đến nỗi cả hai người lặng đi và nhìn nhau chăm chăm...

– Rốt cục có định để cho người ta ngủ không đây? – một giọng nói bực tức vọng ra từ phía sau hai người. Có tiếng kẹt cửa, rồi đầu của Ev hiện ra ngoài hành lang, hai mắt nheo nheo hấp háy – Cái gì mà ầm ào lên thế?

Anh liếc mắt nhìn hai phi công vũ trụ đang gần như ở trần.

– Họ khóa Oleg lại ở trong này, – Peter lúng túng nói.

– Thế đấy! – Ev nói. – Họ còn nướng ai trong lò phản ứng nữa không đấy? Theo tôi thì đúng lúc lắm đấy.

– Rõ ràng là họ khóa cửa lại và cười khì khì nữa, – Oleg nói lúng búng. – Tôi rất muốn biết...

– Đi đâu bí mật vĩ đại của một câu đố huyền bí, – Ev bắt đầu. – Thế chỗ chúng ta đây là con tàu vũ trụ hay là cái gì?

– Có thể là máy dọn vệ sinh tự động bị hỏng đã làm việc đó. – Peter chột nhĩ ra.

– Ái chà! – cặp mắt của Ev trở nên long lanh. – Một chiếc bàn là được bóng tối của thiên hà che phủ đã độc ác lén đến gần đôi dép của một phi công vũ trụ đang ngủ... Này Peter, cậu làm gì với đôi dép của cậu thế?

– Với gì cơ?

Cả ba nhìn xuống chân Peter. Đôi dép để đi buổi tối của anh thủng lỗ chỗ những vết đỏ thẫm.

– Cái nơi cùng trời cuối đất này. – Oleg thở dài – Toàn những người thích đùa.

– Này Peter, cậu làm gì với chúng thế?

– Anh Ev... – giọng Peter run run. – Tôi cần nói chuyện với anh, Ev ạ.

– Chuyện vớ vẩn! – Ev ném cái băng ghi hoạt động của cơ bắp đi. Băng giấy mắc vào bộ chuyển mạch và đung đưa treo ở đấy. – Ảo ảnh nào cơ chứ? Máy chẩn đoán cho biết là cậu khỏe mạnh và tôi đồng ý với kết luận ấy.

– Tôi cam đoan với anh...

– Đây chỉ là những kích thích thần kinh mạnh, không hơn không kém. Tất cả các phản ứng cơ sở...

– Thế còn đôi dép?

– Đôi dép nào? Đôi dép thì có can hệ gì ở đây? Cậu có thể đốt thủng nó bằng cái gì đấy...

– Bằng gì mới được chứ?

– Bằng nước quả! – Ev hét lên. – Bằng nước canh bắp cải! Cậu muốn gì nào? Toàn những người thích đùa, đúng như Oleg đã nói. Tất cả đều thích tỏ ra hóm hỉnh. Đánh thức nhau dậy giữa lúc nửa đêm... Nào là bóng những kẻ vô hình cười khì khì rồi khóa cửa nhốt họ lại... Giờ tôi sẽ cho cậu một liều thuốc an thần, một liều nữa...

Ev vươn người ra phía bàn, nhưng chưa kịp lấy ống thuốc. Anton Resmi hiện ra trên ngưỡng cửa. Anh ta đứng đó và có một cái nhìn thật lạ khiến cho Peter những muốn biến đi ngay lập tức.

– Thế này, – chỉ huy tàu bước lại phía Ev. – Tôi có đi đâu muốn hỏi anh với tư cách một nhà sinh học và bác sĩ của đoàn thám hiểm: Chuột có khả năng biến đổi, chẳng hạn, theo chiều thứ tư được không?

– Anton, – đôi mắt Ev trở nên tròn xoe, – Lẽ nào anh cũng đã đăng ký nhập hội những người thích đùa?

– Những người thích đùa à? Tôi hỏi anh: những con thú ấy ở đâu?

– Những con thú?

– Đúng, những con thú ấy.

– Lấy từ hành tinh Bisser v ềphải không?

– Từ hành tinh Bisser.

– Chúng vẫn ở nơi chúng ở. Có chuyện gì vậy?

– Không có gì cả. Chỉ có đi đâu là chúng không còn ở đấy nữa.

– Không còn ở đấy nữa là thế nào?

– Chính tôi đang muốn biết là thế nào đấy.

– Nhưng đi đâu đó không thể xảy ra được!

– Đúng vậy.

– Anton, không thể có chuyện ấy! Chuyện đùa gì vớ vẩn thế!

Ev nhìn Peter như mời anh chia sẻ sự phẫn nộ, rồi lại nhìn chỉ huy tàu, và mặt anh tái đi.

“Đúng, – Peter nghĩ khi nhìn vào những chiếc lồng duy trì sự sống qua vai Ev, – nếu có ai đó đã điên thì ít ra cũng không phải là mình. Là quá!”

Những chiếc hòm trong suốt, to có, nhỏ có, nằm dọc suốt không gian căn buồng, trong các hòm đó đặt máy tự động duy trì môi trường cần thiết để những mẫu vật thu được trên hành tinh Bisser sống trong trạng thái ngủ thôi miên. Còn bây giờ ít ra một phần ba số hòm đã trống không. Không phải là vẻ trống rỗng bình thường mà rất có vẻ khiêu khích, vì trên đó huếch hoác ra những lỗ thủng do nóng chảy, có kích thước rất đáng làm người ta sửng sốt.

Tựa hồ như để trừu tượng, trên bảng điểu khiển nhấp nháy những tia xanh báo hiệu các máy tự động duy trì sự sống vẫn làm việc bình thường. Những tín hiệu của các hệ thống kiểm tra hoạt động sống mà giờ đây chẳng còn có gì để kiểm tra nữa, nhấp nháy thật muộn màng và tựa hồ như lộ vẻ bất bình.

– Các anh sẽ giải thích điểu này như thế nào?

Không ai trả lời câu hỏi đó. Ev trông nhợt nhạt đến mức bộ ria màu hung của anh ta giờ trông cứ như bốc lửa lên vậy.

– Không nên quá xúc động, – chỉ huy tàu nhẹ nhàng đặt tay lên vai Ev.
– Nếu tôi không nhầm thì những mẫu vật này đã biến mất. Steggers, Asphetes, Trojans, Coils và này nữa... tên chúng là gì nhỉ ?

– Missandra, – Ev thăm thì.

– ... Missandra. Còn những con vật giả bò sát thì ở lại. Có thể, đi đâu đó cũng giải thích được cái gì đấy chẳng?

Ev lắc đầu.

– Mức duy trì trạng thái ngủ thôi miên tại tất cả các lồng kín được giữ ở một cấp tối ưu cho toàn bộ nhóm mẫu vật, – anh nói đơn điệu như đọc một bài học thuộc lòng. – Từ đó dẫn đến khả năng là đối với một cá thể riêng biệt nào đó, mức trên là thấp và nó tỉnh dậy. Nhưng trong trường hợp này, máy tự động kiểm tra sẽ ngay lập tức tăng lượng cấp hỗn hợp khí... và máy đã làm như vậy. Tôi không hiểu gì cả... Bởi vì chỉ có thể đốt thùng lồng kín bằng sự phóng tia lửa điện! – anh gầy như kêu lên.

– Có thể, kẻ nào đó trong số các sinh vật này có... – chỉ huy tàu vũ trụ bắt đầu nói, nhưng Ev lắc đầu một cách tuyệt vọng.

– Tôi đã nhìn thấy chúng trên tàu, – bất ngờ Peter nói.

Tất cả đồng loạt quay lại nhìn anh. Peter tường thuật ngắn gọn câu chuyện về “bóng ma”.

– Có lẽ là con Catus, – Ev lúc đó đang suy nghĩ bỗng buột ra.

– Không, – Peter phản đối. – Tôi biết giống Catus. Đây không phải là Catus.

– Đi đâu đó không quan trọng, – chỉ huy tàu nói khẽ. – Như vậy có nghĩa là, Ev ạ, anh không thể đưa ra một lời giải thích nào hay sao?

– Không.

– Thôi được. Chúng ta sẽ hành động không cần có lời giải thích. Tôi ra lệnh báo động toàn con tàu.

Ở cửa vào buồng lái, Ev nắm lấy khuỷu tay chỉ huy tàu.

– Tôi có cách giải thích về việc này. Tôi đã không muốn nói trước mặt Peter.

– Vậy sao? – Ev cảm thấy các bắp thịt căng lên dưới tay anh.

– Đồng chí chỉ huy, tự những con thú ấy không thể ra khỏi đó được. Đi đâu này hoàn toàn bị loại trừ. Anton ạ, họ thả chúng ra đấy.

– Anh hiểu anh đang nói gì chứ?!

– Chính vì thế nên tôi yêu cầu kiểm tra trạng thái sức khỏe của cả đoàn phi hành.

Chỉ huy tàu lau mồ hôi vã ra trên trán.

– Anh nghi ngờ ai? – Anh hỏi giọng khô khốc.

– Nếu như vừa rồi tôi không được chứng kiến sự việc xảy ra với Peter thì tôi có thể nói là Peter. Nhưng không phải là Peter rồi. Thậm chí tôi không muốn nghĩ về việc đó nữa, nhưng thế ai đã khóa trái Oleg lại? Và rồi ai đổ axit vào dép của Peter?

– Nhưng dẫu sao, – chỉ huy tàu nói sảng, – tôi sẽ không cho phép đi đâu tra tất cả mọi người đâu.

– Nhưng...

– Ev này, người ta không thể dập tắt được đám cháy với những tiếng hô: “Có kẻ đốt nhà trà trộn trong chúng ta!”.

Vào lúc ấy, khi đang làm nhiệm vụ của mình, Peter bắn khoăn nhìn vào cổ tay trái. Chỉ bây giờ anh mới thấy một cái chấm nhỏ như thường vẫn thấy sau phát tiêm, nằm ở chỗ có đường ven nổi lên xanh mờ dưới làn da.

“Thật rõ chuyện tằm phào! Nhưng, có thể cũng cần phải nói?”

Lúc đầu không một ai nghi ngờ rằng, việc tóm những con thú nhỏ góc nghềch ấy dễ như trở bàn tay, nhưng chẳng mấy chốc họ đã phải từ bỏ đi đâu lẩn tránh đó. Hệ thống thiết bị của con tàu vũ trụ chiếm vài kilomet vuông, và khi thiết kế không ai nghĩ rằng nó có thể trở thành một bãi săn bắn. Thật ra, đôi ba lần họ đã làm cho con vật hoảng hốt, nó lanh lẹ bay vút trên đầu những người săn đuổi để lẩn trốn vào trong đám chằng chịt các tầng, các lồng thang máy và các hành lang. Bởi vì Missandra là mẫu vật duy nhất biết bay trong số các con vật của hành tinh Bisser được đưa lên tàu, nên rõ ràng đó là con Missandra. Nhưng còn những con thú khác thì trốn đi đâu?

Đề nghị huấn luyện cho các máy dọn vệ sinh tự động đi tìm những con vật bỏ trốn lập tức bị Ev gạt bỏ, anh biết rằng không được kích thích các robot thông thường đi săn sinh vật có cấu tạo thể protide, tức là những loài gần giống với loài người. Còn các máy tự động sinh học mà anh đã dùng

vào việc săn bắt trên hành tinh Bisser, lúc này tỏ ra vô ích trong những khoảng không gian chật hẹp của con tàu.

Càng ngẫm nghĩ về những đi ều đã xảy ra, Ev càng không thấy thích thú gì. Giả thiết về một kẻ điên khùng đã mở tung các buồng duy trì sự sống là một khả năng rất t ỉ lệ, mặc dù nó có vẻ gần với sự thật. Song trong giả thiết có một sai sót nhỏ. Cứ cho là ai đấy đã thả chúng ra đi. Thế sau đó thì sao? Bởi vì không khí trên hành tinh Bisser đâu có giống như không khí trên Trái Đất! Vậy thì chúng thở ra sao? Nhưng chúng vẫn thở được, đó là một sự thật. Cuối cùng, anh chia sẻ nỗi hoài nghi đó của mình với chỉ huy tàu.

– Lẽ nào lại như thế được? – Resmi sửng sốt. – Anh nghiên cứu những giống vật ấy mà lại không biết chúng thở bằng gì và không thể thở với cái gì hay sao?

– Anh có quyền trách cứ tôi, Anton ạ. Nhưng ai, nếu không phải anh, đã cắt bỏ chương trình sinh học? Tôi biết, rất biết là Trái Đất gọi chúng ta rất gấp. Chúng ta phải ngay lập tức có mặt như thường lệ ở khu vực đối diện của Thiên Hà. Thế còn tôi thì sao? Tôi có thể làm được gì trong thời gian còn lại ấy? Đây quả là một công việc nước rút điển hình! Chúng ta vội, bao giờ cũng vội. Hôm nay một ngôi sao, ngày mai lại ngôi sao khác, công việc ngập đến tận cổ, chẳng có lúc nào tĩnh tâm được lấy một tí. Thế còn kết quả thì sao? Anh đừng nghĩ là tôi trút bỏ trách nhiệm, nhưng...

– Đúng là chúng ta có vội. Nếu không thì đã chẳng ở khoảng không gian giữa các vì sao này. Hay là rốt cục chúng đã thích nghi r ồi?

– Rõ ràng là phải có mức linh hoạt cao của quá trình chuyển hóa. Chúng có mức linh hoạt ấy rất cao.

– Được rồi, cậu sẽ làm sáng tỏ đi đầu đó sau khi bắt được chúng. Cậu nghĩ gì về những cái bẫy?

Họ bàn bạc tìm chiến thuật mới. Đôi khi giọng những người đi tìm kiếm làm gián đoạn cuộc nói chuyện của họ. “Đừng chỉ chỉ huy, trên những vết đường lạ trong phòng Peter có dấu vết những con thú bí ẩn...”. Giọng nói rầu rĩ của Peter cắt ngang lời nhận xét: “Tôi đã nói từ lâu là chúng ta không đủ máy tự động dọn vệ sinh mà... Chúng không kịp quét bụi đi”, – “Được, được đấy, – họ trả lời anh về chế giễu,... Chúng tôi nhắm mắt làm ngơ, thế ủy ban kỹ thuật thì ai bịt mắt?” – “Các bạn ơi, đừng có giễu nhau, đấy đâu phải là bụi, tàn thuốc đấy chứ. Các kỹ sư cơ khí hút thuốc trộm đấy”, – “Ồ, không phải các kỹ sư cơ khí đâu, mà là các con thú của Ev đấy. Nếu chúng có thể chuồn đi thì vì lẽ gì chúng lại không rít vài hơi cho khoái mới được chứ?”

Chỉ huy tàu bọc mình vận nhỏ loa lại.

Anh thật bối rối. Những con thú ấy ít làm anh lo lắng vì chúng có thể trốn đi đâu được! – Nhưng một kẻ điên khùng ở trên tàu... Yêu cầu phải luôn luôn có mặt hai người cạnh nhau được tiếp nhận bằng những cái nhún vai đầy vẻ thắc mắc. Cũng chẳng sao. Còn may là chưa ai đoán biết được gì. Chỉ huy tàu là người phải chịu trách nhiệm tất cả những gì xảy ra, trước kia, bây giờ và sau này sẽ vẫn là như thế. Đối với anh, Resmi, đó là một cuộc sống duy nhất đúng đắn – chăm lo tới tất cả mọi người, lường hết mọi sự, và trong bất kỳ hoàn cảnh nào cũng phải đứng cao hơn các hoàn cảnh đó. Anh luôn luôn rình chờ những sự ngẫu nhiên mù quáng, bây giờ sự ngẫu nhiên lại rình rập anh, liệu đi đầu đó có nghĩa là anh đã suy yếu đi rồi chăng? Một cơn tức giận bất lực choán lấy chỉ huy tàu. Không, không, anh sẽ còn cho tất cả biết tay!

Cho ai? Cho những con thú ư? Hay là các hoàn cảnh? Hoặc cho chính bản thân anh?

Resmi đã nén được sự xúc động trong lòng trước khi Ev kịp nhận ra đi ầu đó.

– Có thể kế hoạch này sẽ đem lại những kết quả tốt nhất, – anh lạnh lùng nhìn vào tấm bản vẽ được trải rộng ra – Anh hãy giải thích cho các kỹ thuật viên biết cần phải làm gì. Tôi sẽ tập hợp toàn đội bay.

– Giá được ăn sáng một chút thì hay, – Ev nhận xét. – Sau những chuyện bực mình này, riêng tôi sẵn sàng chén hết cả một con Missandra đã rán giòn.

Lúc đi ra, anh thấy Peter rõ ràng là đang đứng chờ anh.

– Thế đấy, – Peter chìa cổ tay cho Ev xem và nói. – Anh cười hay không thì tùy, chứ nói thật, tôi không hề chích tay tôi thế này...

Ev liếc nhìn và lặng người đi.

Bữa ăn sáng bắt đầu bằng những chuyện đùa tếu, nhưng chẳng mấy chốc những câu bông lơn li ền chấm dứt vì chỉ huy tàu trông thật cau có. “Sao anh ấy lại thế nhỉ? – Oleg khẽ hỏi. – Mấy con thú kia chạy trốn thì đã có gì mà...” – “Nhưng bây giờ cả Thiên Hà sẽ cười anh ấy”, – người bên cạnh trả lời. “Tớ cho rằng họ sẽ cười Ev kia.” – “Tất cả chúng ta đều sẽ có phần cả. Ngày cậu, hôm nay các cô xúc nước hoa hắc quá đi mất.” – “Chà, cậu cũng nhận thấy đi ầu ấy à!” – “Chỉ có người chết mới không nhận thấy thôi”.

Chỉ huy tàu ngẩng đầu lên.

– Musa!

– Có tôi, thưa chỉ huy!

– Hệ thống quạt gió ở chỗ của anh làm sao vậy. Mùi này ở đâu ra?

– Theo như tôi hiểu thì những cô gái đáng yêu của chúng ta...

Sự phản ứng ầm lên buộc anh ta phải im bật.

– Đây không phải là nước hoa!

– Phụ nữ chúng tôi cũng am hiểu đôi chút về khoản đó chứ!

– Thôi! – Xung quanh im lặng hoàn toàn. – Đội chuyên trách các hệ thống bảo đảm không khí, ngăn ngay lập tức...

Chỉ huy tàu không kịp nói hết câu, bởi vì một mùi hôi thối đã xộc tới, khó chịu đến nỗi tất cả mọi người phải nhảy dựng lên, ghế đồ lỏng chỏng trên sàn và vừa lúc đó tiếng còi báo động rú lên.

Ev và Resmi ngẩng đầu quay lưng lại nhau để có thể kiểm tra tất cả các màn ảnh vừa đặt vội vàng trong buồng lái. Cả hai vẫn đeo mặt nạ, mặc dầu mùi hôi biến đi cũng nhanh như lúc xuất hiện.

Những máy phát vô tuyến được đặt ở tất cả các ngã tư hành lang chính, và cũng ở đó, ngay dưới trần là những cái bẫy thô sơ nhưng khá tin cậy. Giờ chỉ có việc ngẩng đầu và đợi cho đến lúc một trong số những kẻ chạy trốn lọt vào tầm mắt.

Những phút chờ đợi trôi qua, không có gì xảy ra cả. Bộ chọn vẫn im lặng, – mọi người lúc này không thiết gì đến chuyện đùa cợt nữa. Năm

chặt vũ khí sau những cánh cửa đóng chặt, họ bảo vệ các trung tâm quan trọng sống còn của con tàu và chờ đợi... Không ai có thể nói một cái gì.

– Được rồi!

Ev lập tức ấn nút.

Sinh vật xuất hiện trên màn ảnh lặn đi, dường như linh cảm thấy điếu chẳng lành. Muộn rồi, nó đã giãy giụa trong những chiếc lưới siliket mềm.

– Mắc rồi! – chỉ huy tàu thốt lên.

– Thế đấy! – Ev tán đồng. – Tôi muốn biết, ai đã...

– Ai là thế nào? Đây là con Asfet.

– Giống Asfet có cánh.

– Có cánh ư?!

Đúng, trên mình con vật mắc lưới có đôi cánh. Hệt như ở con Missandra. Và có sáu chi. Như ở con Asfet. Rồi cái đuôi trần hình ống, thứ mà trước kia không con nào có.

– Ev, – trong giọng nói của chỉ huy tàu có vẻ cằn khẫn. – Anh là nhà sinh học, chính anh đã bắt được chúng. Anh hãy giải thích đi, dù chỉ một điếu gì đó!

Khuôn mặt Ev bất động.

– Ev! – chỉ huy tàu lắc vai anh.

– Anh xem kìa.

Sinh vật đó thôi không giãy giụa nữa. Nó nằm như một mớ tóc đen trên sàn, và chỉ có cái đuôi hình ống của nó là khẽ động đậy. Không, không phải động đậy. Cằm của chỉ huy tàu trĩ xuống. Đầu mút của cái đuôi chần chập nhưng liên tục phân ra làm đôi. Cái đuôi biến thành một cái gì đó tựa như cái kéo và hai cái lưỡi kéo lạ lùng đó mỗi lúc một trở nên sắc hơn. Kìa, cái kéo ấy quặp lấy hai vòng dây siliket rồi xiết chặt lại...

“Nhưng đó là siliket cơ mà,” – chỉ huy tàu thoáng nghĩ.

Cái đuôi rời các vòng dây ra – chúng không nhẫn được rồi. Bây giờ màu của con vật thay đổi – từ nâu chuyển sang màu thép xám. Cái đuôi lại mở ra – có thể nhận thấy là các “lưỡi” đã ngán lại, – nó quặp lấy chỗ lưới thông xuống thành nếp. Mọi người giật mình khi nghe tiếng kêu tách của siliket. Rồi sau vài cái vẩy của chiếc đuôi mềm được tách đôi và kêu ken két ấy, sinh vật lắc mình rũ các mảnh vụn của chiếc lưới và màn ảnh trở nên trống rỗng.

– Đây, – Ev quay sang chỉ huy tàu, – anh đánh tôi đi, đáng lắm. Tôi rõ thực là ngốc nghếch!...

– Anh... anh đã hiểu được cái gì?

– Tất cả đều đã rõ ràng – Ev thốt lên với giọng gần như khóc, – Chúng cải biến được cơ thể của chúng.

– Đi đâu đó tôi đã thấy. Nghĩa là chúng ta đều đã quan sát thấy. Tất nhiên, nó... Nếu tôi hiểu được đi đâu gì đó thì tôi xin độn thổ ngay!

– Anh nghe đây, – bỗng Ev nói nhanh. – Chẳng có loài Asfet, Missandra và tất cả các loài khác nào hết. Đó chỉ là một loài sinh vật duy

nhất mà thôi. Một kiểu tiến hóa hoàn toàn khác. Mất tôi trước kia để đi đâu mới được chứ! Cái đó thật là kỳ diệu!

– Nhưng nó cao hơn nhận thức của tôi, – chỉ huy tàu nói khô khan, – Cần phải làm ngay một cái gì đó.

– Cần phải hiểu, và anh sẽ hiểu. Anh ngã xuống đi. Trên Trái Đất, con sói bao giờ cũng là con sói, gà gô bao giờ cũng là gà gô, amip lúc nào cũng là amip. Nhưng tựu trung cơ thể của chúng ta được cấu tạo từ những tế bào đồng nhất, sinh hóa của chúng cũng đều như nhau. Chúng chỉ là một phần của một chỉnh thể thống nhất. Như bình nước, cốc, gương...

– Gương à? – chỉ huy tàu hỏi lại như một cái máy.

– Đúng, tất cả những cái đó đều là thủy tinh. Sự tiến hóa trên Trái Đất phân chia một chất sống duy nhất ra hàng ngàn, hàng triệu dạng thức độc lập không hề lặp lại nhau. Nhưng ở đây những dạng thức này lại lặp lại nhau. Voi ở trên hành tinh Bisser có thể biến thành cá voi hay thành một bầy thỏ, bởi vì tất cả những thứ đó chỉ là một. Đó là cơ thể tùy ý tạo tác thân thể mình thành gì cũng được. Theo mệnh lệnh của các tế bào thần kinh.

– Theo mệnh lệnh?

– Thế đấy. Trên Trái Đất, những điều kiện bên ngoài đem lại cho sinh vật hình dạng này hay hình dạng khác. Các điều kiện đó dần dần nhưng dứt khoát tạo ra những loài không giống nhau. Ở đây, chúng ta đã thấy điều đó xảy ra ngay lập tức và hướng tới mục đích rõ rệt. Và điều này đã giải thích tất cả! Một cơ thể duy nhất – thống nhất được thức tỉnh. Thức tỉnh và nuôi cấy – tôi không biết dùng từ gì khác – một bộ phận chống hơi độc. Nuôi

cấy một khí cụ nào đó – như chúng ta cần lấy những dụng cụ cần thiết – để phá buồng kín. Và giải phóng các sinh vật còn lại.

– Nghĩa là không có một kẻ điên khùng nào cả, – chỉ huy tàu thở phào nhẹ nhõm.

– Đừng mừng vội. Kết luận chỉ có thể là một mà thôi.

– Anh tin như thế à? Có thể, dẫu sao thì tự nhiên...

– Nhanh và có ý thức đến thế chứ gì? Anton, ta hãy nhìn thẳng vào sự thật. Có thể, đó là một trí tuệ.

– Trí tuệ, – chỉ huy tàu nhìn hai bàn tay nắm chặt của mình. – Không thể nào hiểu được. Chúng ta không thể sai lầm một cách kỳ quái đến như thế.

– Có thể, có thể quá đi chứ, Anton! “Nhanh lên, nhanh nữa lên, sau này, chúng ta sẽ lý giải, đó là động vật, sự thể đã rõ ràng, sao lại trùng trùng vậy?” Tôi đã hành động như thế đấy, Anton ạ. Các máy tự động không để cho các nạn nhân kịp định thần. Một cú nhảy bổ nhào, một liều thuốc gây ngủ vạn năng, xong rồi, các bạn thân mến ơi!

– Nhưng trên hành tinh Bisser không hề có dấu hiệu của một nền văn minh nào cả!

– Đúng vậy, ở đó không có thành phố, ô tô, đường sá. Thế nhưng những sinh vật này cần những thứ đó để làm gì một khi họ có thể biến mình thành ô tô, máy móc, vật liệu, nếu họ thấy cần?

– Không thể thế được, Ev ạ. Vật chất sống không có khả năng đem lại cho nền văn minh phát triển tất cả những gì nó cần.

– Thế ư? Làm như trong tự nhiên chưa hề có động cơ phản lực, thuốc chữa bệnh, ra đa, pin năng lượng trước khi chúng ta tạo ra chúng sao! Như anh hình dung, vật chất sống do trí tuệ đi đầu khiến có khả năng làm được những gì nào? Nền văn minh kỳ lạ, không thể có được, vô lý theo quan điểm của chúng ta ấy có khi lại còn hoàn thiện hơn nền văn minh của chúng ta nữa kia. Riêng tôi ít ra, cũng không thể thoát ra khỏi lồng kín được, mà cả anh cũng vậy. Không phải vì tôi đần độn, mà vì không có máy móc, dụng cụ thì tôi chả là gì cả. Song họ lại có tất cả những thứ đó bên mình. Thêm vào đó, họ đã nghiên cứu Peter lúc anh ấy ngủ. Đồng thời họ đã có thể đi đầu độc chúng ta khi chúng ta còn chưa đánh giá đúng họ một cách nghiêm túc. Sao anh lại lắc đầu? Hay là giả thuyết “kẻ điên khủng trên tàu” bây giờ vẫn còn hấp dẫn anh?

– Tôi sẵn sàng chấp nhận những đi đầu anh nói. Nhưng những hành động của họ trên tàu, may mắn làm sao, lại không có vẻ gì là có lý trí cả.

– Những hành động của chúng ta cũng còn xa mới được gọi là thông thái.

– Chỉ còn thiếu một cuộc chiến tranh giữa các hành tinh trên con tàu nữa thôi! Bây giờ chúng ta sẽ kiểm tra xem họ có trí tuệ hay không.

Song công việc kiểm tra không đem lại kết quả. Tất cả các phương pháp được củng cố bằng lý thuyết nhằm móc nối các cuộc tiếp xúc đầu vô hiệu; sự chắc chắn một trăm phần trăm về mặt lý luận của chúng đầu sụp đổ trong những khoảng không gian im lặng của con tàu. Sự căng thẳng ngày càng tăng. Tất cả mọi người đầu bị dẫn dắt bởi cùng một câu hỏi. Họ không hiểu hay không muốn hiểu? Tất cả những hành vi của họ có ý nghĩa

gì? Cứ cho là cuộc gặp gỡ giữa Peter với “bóng ma” là ngẫu nhiên đi. Nhưng liệu có ai đã ngẫu nhiên lọt vào phòng Peter lúc anh ta đang ngủ không? Và để làm gì? Lấy máu đi phân tích chẳng? Hay là kiểm tra xem con người có ăn được hay không? Thế còn đôi dép, đôi dép ở đây giữ vai trò gì? Còn cái cửa bị khóa? Đi đâu nào, cũng lạ lùng cả!

Tại sao họ lại im lặng?

Trên con tàu bao trùm một sự yên lặng chưa từng có bao giờ. Không một tiếng chân bước. Không một giọng nói, chỉ có vẻ tĩnh lặng của một “không gian vô chủ”, không gian đó trong chốc lát có thể nổ tung. Thời gian kéo dài thật nặng nề và căng thẳng, hy vọng vào một lối thoát hòa bình cũng trôi đi theo với thời gian.

Đến chi đâu thì bắt đầu có một bước ngoặt. Các màn ảnh mà chỉ huy tàu và nhà sinh học dùng để tiếp tục quan sát, cứ lần lượt hiện sáng. Rồi chúng lần lượt tối đi như những cây nến bị gió thổi ngã nghiêng.

Thời điểm mà tất cả đều mong chờ và sợ hãi, thế là đã đến.

Hai tay ôm đầu, chỉ huy tàu nhìn không chớp mắt vào những màn ảnh đã trở nên tối sẫm.

Anh biết mọi người đang chờ đợi ở anh một mệnh lệnh. Mệnh lệnh dùng máy phân hủy vật chất sống để ép chặt những kẻ chạy trốn vào tường, dù chúng có trốn ở bất cứ đâu. Trong khi còn chưa muộn. Trong khi còn thời gian. Mà có thể, thời gian cũng chẳng còn.

Nhưng chỉ huy tàu cũng biết rất rõ rằng cả Trái Đất, cả đội bay, cả chính bản thân anh sẽ không bao giờ tha thứ cho cuộc tàn sát, nếu trong những lời Ev nói có dù chỉ một phần sự thật. Sau đó, khi mà tất cả đã kết

thúc, khi sự bí ẩn đầy vẻ đe dọa đi lui lại phía sau, mọi người sẽ tỉnh ngộ. Sự sợ hãi sẽ quên đi, nhưng sự nuối tiếc và nổi cay đắng sẽ thay thế nó, bởi vì cái chết của những sinh vật chưa được hiểu rõ đó sẽ còn là sự cáo chung của niềm tin trong những ai cho rằng họ có khả năng hiểu được tất cả những gì họ gặp trên cuộc hành trình. Niềm tin ấy trước kia đã được minh chứng và mạnh bạo dẫn dắt con người tới thế giới các vì sao. Và sự vững tin vào lòng nhân đạo của mình cũng sẽ sụp đổ.

Chỉ huy tàu cảm thấy tuyệt vọng như người bị dồn tới chân tường, sự tuyệt vọng đó đã sẵn sàng trở thành nỗi giận dữ đổ lên đầu Ev, lên tất cả những lý thuyết gia, những người đáng lẽ phải lường trước được mọi việc, nhưng hóa ra lại mù tịt, những người đáng lẽ phải tìm ra lối thoát, thế nhưng thay vào đó, lại đưa tất cả vào chỗ bế tắc. Nỗi giận dữ cuối cùng đã kích thích anh ra lệnh, bởi vì anh biết rằng trong một tình huống nguy ngập, ngay một quyết định tồi cũng còn tốt hơn là ngẩn im không hành động. Ngón tay chỉ huy tàu đặt dứt khoát lên nút bấm bộ chọn tìm.

– Khoan đã! – Ev thét lên. – Có lẽ tôi đã đoán ra rồi.

– Vậy thì nhanh nhanh lên!

– Cần phải thả những sinh vật còn lại ra.

– Cái gì?

– Anh nghe đây. Họ là người đi nước cờ đầu tiên phải không?

– Thế thì sao? – Ngón tay vẫn đặt trên nút bấm của bộ chọn tìm.

– Chúng ta đã trả lời những hành động của họ bằng cái gì? Bằng cuộc truy lùng. Để đáp lại, họ đã buộc chúng ta phải bịt mũi. Chúng ta đã làm gì tiếp? Chăng lưới. Còn họ lại làm gì?

– Anh muốn nói gì?

– Muốn nói là đối với họ, mỗi bước đi của chúng ta là một mối nguy hiểm trực tiếp và đầy đe dọa. Mỗi một hành động đối lại của họ, nói đúng ra, là để biểu thị sự đe dọa. Kẻ thù của chúng ta không phải là quỷ, nỗi sợ hãi và sự không thông hiểu từ phía chúng ta đã biến họ thành như thế.

– Tôi muốn rằng đó không phải là sự phỏng đoán.

– Đó không phải là phỏng đoán! Những tiền đề ban đầu của chiến lược tiếp xúc đều không đúng, nhưng dấu sao sự hiểu biết lẫn nhau là có thể có. Anh hãy hiểu lấy đi đâu đó! Chúng ta đã toan đối thoại với họ ở cấp độ những trù tượng trí tuệ, những khái niệm khoa học trong những tình cảnh mà theo quan điểm của họ, chúng ta là quỷ sứ. Cần phải quay trở lại với cội ngu ần, với chính cội ngu ần ấy! Cội ngu ần ấy là có thực, chung cho tất cả các sinh vật. Đối với bất kỳ một dạng thức sống nào thì cái ác là tất cả những gì quấy nhiễu, làm hại và đe dọa sự tồn tại của nó; còn cái thiện là tất cả những gì tạo thuận lợi cho nó. Đi đâu đó là hiển nhiên ở bất cứ đâu, dưới mọi mặt trời, cũng rõ như hai lần hai là bốn, bởi vì trong trường hợp ngược lại, khi đã lẫn lộn dấu cộng và dấu trừ, cuộc sống tự nhận lấy cái chết. Không một nền văn minh nào lại có thể không bị trừng phạt khi thay thế nhầm các phạm trù “tốt” và “xấu”. Vì thế, chúng ta còn một khả năng, dù là bấp bênh, nhưng cần phải sử dụng nó. Giờ thì anh quyết định đi.

Chỉ huy tàu suy nghĩ.

– Chính anh sẽ đi chứ? – Trong giọng nói chỉ huy tàu không thấy có sự tin tưởng.

– Đúng thế.

- Anh có thể sẽ không quay trở lại.
- Thì tôi là kẻ đầu tiên bày ra trò này mà.

Những đường gân trên gáy cứng lại vì căng thẳng, nhưng Ev không quay lại. Anh luôn cảm thấy có cái nhìn rõi vào anh, ngay cả ở nơi mà quanh anh vài ba chục mét không thể có một sinh vật nào to hơn con chuột ẩn nấp được.

Bằng tất cả sức lực của ý chí, anh cố đi chậm rãi. Anh đi qua những hành lang quen thuộc lúc này trông có vẻ xa lạ và dài vô tận. Nói đúng hơn là anh không đi, mà lấy thăng bằng trên một chiếc cầu mỏng manh của niềm hy vọng và những giả định chưa được chứng thực, chiếc cầu đó có thể đổ gãy bất cứ lúc nào. Làm sao được, anh đâu phải là người đầu tiên kiểm tra độ tin cậy của các lý thuyết của mình bằng cách ấy.

Anh buộc phải dừng lại ở ngã tư thứ ba hay thứ tư gì đó, bởi vì có một lỗ thủng thông suốt hoác ra trên tường. Vậy là họ đã tránh bẫy thử như thế đấy! Ev rùng mình khi nghĩ rằng trong những bức tường đó có biết bao nhiêu là hệ thống liên lạc. Dưới sàn có một đám bụi kim loại. Ev kiễng chân và ghé nhìn vào trong lỗ. Điều mà anh nhìn thấy có thể làm bất cứ ai phải khiếp vía. Không một hệ thống liên lạc nào bị hỏng, nhưng tất cả các đường dây đều được khéo léo lột trần ra như những mạch máu trong vùng mô. “Chúng ta đã nghĩ rằng bất kỳ lúc nào cũng có thể đập chết họ như đập ruồi. Nhưng vì sao, vì sao họ lại cho phép mình chứng kiến cái đó?”

“Bởi vì đi đầu đó không thay đổi được gì cả, – Ev tự trả lời mình. – Bởi vì mưu toan đầu tiên của chúng ta nhằm bịt kín các lỗ thủng sẽ thất bại ngay – họ sẽ cắt đứt các mạch đồng tĩnh điện, và động cơ...”

Tốt hơn là đừng nghĩ tới đi đâu đó.

Anh còn phát hiện thêm hai lỗ thùng nữa, trước khi cái cửa đồ sộ của các buồng duy trì sự sống hiện ra. Anh đẩy cửa và không chậm một giây bắt tay ngay vào việc hãm sinh các “con vật”. Trong khi anh đi đầu khiến máy để tạo ra bầu không khí của hành tinh Bisser trong các ngăn buồng, anh luôn có cảm giác là cánh cửa anh để ngỏ sắp động đậy đến nơi.

Khi anh đã xong xuôi đâu đó, khi các con vật đã bò vào các góc tối và náu mình ở đấy, anh những muốn dựa vào tường và nhắm mắt lại.

Nhưng anh còn phải làm một việc gì đó nữa. Gỡ bỏ những chiếc bẫy. Một cử chỉ thân thiện cuối cùng... Liệu họ sẽ không tiếp nhận đi đâu đó như một sự đầu hàng chứ?

Ev liếc nhìn những sinh vật mà anh thả ra. Một con nào đó thở phì phì sau lỗ van, nhưng những con còn lại ngẩn yên, như thể chúng hoàn toàn không có đấy. Những chiếc bơm kêu rít lên khi bơm vào đó luồng không khí của hành tinh khác. Những sinh vật hạ cấp bất hạnh của hành tinh xa lạ tê liệt đi vì sợ hãi. Thế sinh vật nào là cao cấp, có trí tuệ? Một sự khủng khiếp đã giáng xuống họ ở chính nơi họ cảm thấy an toàn nhất, nơi họ đang làm những công việc của mình và không hề thấy trước được một hiểm họa nào, – trừ phi là vào thời khắc cuối cùng, khi bóng đen từ trên trời buông xuống làm họ sửng sốt. Sau đó là nỗi kinh hoàng, bóng tối và kích động không rõ là ở đâu, trong một thế giới xa lạ và thù địch.

“Tất nhiên, những hành động đầu tiên của họ là kỳ quặc, – Ev nghĩ khi khép cửa lại. – Nhưng cũng có thể các hành vi đó chỉ kỳ quặc theo cách nhìn nhận của chúng ta. Trong bất kỳ trường hợp nào họ cũng đã giữ được

lý trí. Như thế có nghĩa là không phải mọi cái đầu đã hết. Đối với họ... Và có thể, đối với cả chúng ta”.

Anh liền sửa lại tư thế. Không có một bằng cớ nào chứng tỏ họ đã lý giải đúng đắn hành động của anh.

Không có bằng cớ nào ư? Nhưng chính anh vẫn còn sống cho đến giờ cơ mà! Liệu anh có giữ được bình tĩnh trong một tình huống như thế này không, hay là anh sẽ lại bị quyến rũ bởi cái ý muốn liều chết với kẻ thù, nếu như tự anh đi tới nộp mạng?

Một nền văn minh trái ngược hẳn với nền văn minh của chúng ta trên Trái Đất. Một nền văn minh hướng vào trong chính bản thân mình. Một thế giới hoàn toàn bí mật đối với chúng ta, bởi vì chúng ta không hiểu làm sao lại có thể tạo ra được tất cả những gì cần thiết từ cơ thể mình, còn họ có lẽ không thể hiểu được làm sao lại có thể sống theo cách khác được.

Thế đấy, vũ trụ đã mất đi cái chuẩn mực rồi.

Còn bảy cái bẫy chưa gỡ nữa. Năm. Hai. Không còn một cái nào.

Ev quay trở lại, mệt rũ rượi. Những cặp mắt vô hình như vẫn rời theo anh từng bước. Không có gì thay đổi cả.

Không, đã có sự thay đổi. Những lỗ thủng mà anh đi ngang qua vẫn hoác ra như trước. Tất cả, trừ cái lỗ cuối cùng. Nó đã được bít lại cẩn thận đến mức ở đó chỉ thấy ánh lên màu kim loại mới.

Con tàu vũ trụ quay trở lại hành tinh Bisser vẽ lên trong không trung một vòng cung quái dị.

– Sẽ không còn đi đâu gì khó chịu nữa chứ? – chỉ huy tàu hỏi với vẻ hy vọng.

– Đừng vội ảo tưởng, – Ev trả lời. – Ngay đến con rắn lục cũng có thể hiểu được một hành vi tốt đẹp. Nhưng nếu như chúng ta rơi vào trong con tàu của họ thì rất có thể chúng ta sẽ cho rằng con tàu đó được cấu tạo theo nguyên lý những con tàu vũ trụ của chúng ta. Vì tất cả chúng ta đã nghĩ rằng đó không phải con tàu mà là bụng của một sinh vật sống. Tôi cho rằng đối với họ cũng không dễ hơn đâu. Những hành động lại hùng hồn hơn lời nói. Có lẽ chúng tôi đã bắt đầu hiểu được những hành động của nhau. Rồi mọi sự sẽ trót lọt thôi, Anton ạ.

Thực tế, mọi sự đều trót lọt, dẫn cho sự phẫn nộ có lớn tới mức, khi những cánh cửa tàu đã mở toang, chỉ huy tàu thở phào nhẹ nhõm dường như trút được khỏi vai cả dãy núi Elbrus.

– Sao họ chậm chạp thế? – sự sốt ruột của anh lên đến cực điểm khi đã hơn một giờ trôi qua, nhưng không có ai lộ ra khỏi cửa tàu. – Họ không thể không cảm thấy làn gió của quê hương xứ sở họ được?

Ev nhún vai.

Nhưng rồi họ đã xuất hiện. Họ lặn như những quả bóng theo các bậc dốc và lập tức bay vút lên bầu trời xanh dịu dàng của hành tinh Bisser. Bầu trời đón lấy họ, nhưng họ ở trên trời không lâu.

– Thật là những chú ngựa con thuần chủng, – chỉ huy tàu nói, ngắm nhìn qua ống nhòm những quả cầu sống đang nhảy theo những ngọn đồi.

– Có lẽ tôi đã nghĩ ra vì sao họ lại trùng trùng nán lại, – Ev nhận xét, – Chúng ta đi xuống đi. Tôi sẽ rất thất vọng, nếu như đi đâu phỏng đoán của

tôi không được xác nhận.

– Đây, – anh xoa xoa mặt kim loại lấp lánh ở những chỗ trước khi con tàu hạ cánh còn là những cái lỗ rộng hoác.

– Họ nán lại để sửa lỗi của họ khi hiểu rằng chúng ta đã sửa lỗi của chúng ta. Trí tuệ ở bất cứ đâu cũng vẫn là trí tuệ; trí tuệ khó mà trọn vẹn được nếu thiếu sự hiểu biết những trí tuệ khác, phải không Anton?

NGUYỄN CHIẾN dịch

CUỘC THỬ THÁCH TRÍ TUỆ

Biên tập
NGUYỄN HUY THẮNG

Hiệu đính
ĐOÀN TỬ HUYẾN

Trình bày
THỤY VŨ

Vẽ bìa
PHẠM TRẦN THỦY

Sửa bản in
HOÀNG HỮU

NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT

70, Tr ần Hưng Đạo, Hà nội

In 20.100 cuốn tại Xí nghiệp Quốc doanh In số 5, 246 Lê Thánh Tôn,
Q.1. Khổ 13x19. Số xuất bản: 42-86/KHKT

In xong tháng 3/1986 Nộp lưu chiểu tháng 3/1986

GIÁ: 12đ.00